

UBND HUYỆN THANH OAI  
TRƯỜNG MẦM NON KIM THƯ

## BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

HÀ NỘI - 2024

UBND HUYỆN THANH OAI  
TRƯỜNG MẦM NON KIM THƯ

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh, chức vụ</b>	<b>Nhiệm vụ</b>	<b>Chữ ký</b>
1	Đào Thị Năm	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Lê Thị Kim Hoàn	Phó Hiệu trưởng - CTCĐ	Phó Chủ tịch HĐ	
3	Hoàng Thị Nga	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
4	Nguyễn Thị Huệ	GV, tổ phó tổ MG 4+5 tuổi	Thư ký hội đồng	
5	Lê Thị Thoa	GV, tổ trưởng tổ MG 4+5 tuổi – Bí thư ĐTN	Ủy viên hội đồng	
6	Trịnh Thị Xuyên	NV nuôi dưỡng, tổ trưởng tổ nuôi dưỡng	Ủy viên hội đồng	
7	Nguyễn Thị Phượng	GV, Tổ trưởng tổ NT+3 tuổi	Ủy viên hội đồng	
8	Lưu Thị Thuỳ	GV, Tổ phó tổ NT+3 tuổi	Ủy viên hội đồng	
9	Lưu Thị Đông	NV y tế, tổ phó tổ văn phòng	Ủy viên hội đồng	
10	Nguyễn Thị Hoài Phương	Giáo viên - Trưởng ban TTND	Ủy viên hội đồng	
11	Lê Thị Thanh Phúc	Giáo viên 5 tuổi	Ủy viên hội đồng	

## MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
Mục lục	1
Danh mục chữ viết tắt	4
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	5
<b>Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU</b>	7
<b>Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>	12
<b>A. ĐẶT VẤN ĐỀ</b>	12
<b>B. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>	14
<b>I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3</b>	17
<b>Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường</b>	17
Mở đầu	17
<b>Tiêu chí 1.1:</b> Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	18
<b>Tiêu chí 1.2:</b> Hội đồng trường và các hội đồng khác	21
<b>Tiêu chí 1.3:</b> Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	24
<b>Tiêu chí 1.4:</b> Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	28
<b>Tiêu chí 1.5:</b> Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	31
<b>Tiêu chí 1.6:</b> Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	33
<b>Tiêu chí 1.7:</b> Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	36
<b>Tiêu chí 1.8:</b> Quản lý các hoạt động giáo dục	39
<b>Tiêu chí 1.9:</b> Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở	41
<b>Tiêu chí 1.10:</b> Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	43
<b>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</b>	46
<b>Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên</b>	47
Mở đầu	47
<b>Tiêu chí 2.1:</b> Đối với Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	48
<b>Tiêu chí 2.2:</b> Đối với giáo viên	51
<b>Tiêu chí 2.3:</b> Đối với nhân viên	53
<b>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</b>	56
<b>Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học</b>	56
Mở đầu	56
<b>Tiêu chí 3.1:</b> Diện tích khuôn viên và sân trường	57
<b>Tiêu chí 3.2:</b> Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục	60

vụ học tập	
<b>Tiêu chí 3.3:</b> Khối phòng hành chính - quản trị	62
<b>Tiêu chí 3.4:</b> Khối phòng tổ chức ăn	65
<b>Tiêu chí 3.5:</b> Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	67
<b>Tiêu chí 3.6:</b> Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	70
<b>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</b>	72
<b>Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội</b>	73
<b>Mở đầu</b>	73
<b>Tiêu chí 4.1:</b> Ban đại diện cha mẹ trẻ	73
<b>Tiêu chí 4.2:</b> Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	76
<b>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</b>	79
<b>Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ</b>	80
<b>Mở đầu</b>	80
<b>Tiêu chí 5.1:</b> Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	80
<b>Tiêu chí 5.2:</b> Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	84
<b>Tiêu chí 5.3:</b> Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	87
<b>Tiêu chí 5.4:</b> Kết quả giáo dục	90
<b>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</b>	93
<b>II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4</b>	93
<b>Tiêu chí 1:</b> Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở tham khảo, áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới thúc đẩy được sự phát triển toàn diện của trẻ, phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường, văn hóa địa phương.	93
<b>Tiêu chí 2:</b> Ít nhất 90% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá, trong đó ít nhất 40% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 80% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	94
<b>Tiêu chí 3:</b> Sân vườn và khu vực cho trẻ chơi có diện tích đạt chuẩn hoặc trên chuẩn theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế trường mầm non; có các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp	95

trẻ phát triển toàn diện.	
<b>Tiêu chí 4:</b> 100% các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố. Có phòng tư vấn tâm lý. Có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ, trong đó tổ chức được 02 (hai) môn thể thao phù hợp với trẻ lứa tuổi mầm non.	97
<b>Tiêu chí 5:</b> Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.	98
<b>Tiêu chí 6:</b> Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 02 năm đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.	99
<b><i>Kết luận về Mức 4</i></b>	100
<b>Phần III. KẾT LUẬN CHUNG</b>	101
<b>Phần IV. PHỤ LỤC: Bảng danh mục mã minh chứng</b>	103

**DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

<b>TT</b>	<b>Chữ viết tắt</b>	<b>Chữ viết tắt đầy đủ</b>
1	ATTP	An toàn thực phẩm
2	ANTT	An ninh trật tự
3	BCH	Ban chấp hành
4	BGH	Ban giám hiệu
5	CBGVNV	Cán bộ giáo viên nhân
6	CMTE	Cha mẹ trẻ em
7	CNTT	Công nghệ thông tin
8	CBQL	Cán bộ quản lý
9	CSGD	Chăm sóc giáo dục
10	CSND	Chăm sóc nuôi dưỡng
11	CSVC	Cơ sở vật chất
12	Đ/c	Đồng chí
13	ĐDĐC	Đồ dùng đồ chơi
14	GD	Giáo dục
15	GDĐT	Giáo dục Đào tạo
16	GDMN	Giáo dục mầm non
17	GVNV	Giáo viên nhân viên
18	GV	Giáo viên
19	HĐND	Hội đồng nhân dân
20	HT	Hiệu trưởng
21	MN	Mầm non
22	NV	Nhân viên
23	LĐLĐ	Liên đoàn lao động
24	PCCN	Phòng chống cháy nổ
25	PCTNTT	Phòng chống tai nạn thương tích
26	PHT	Phó Hiệu trưởng
27	QCDC	Quy chế dân chủ
28	SDD	Suy dinh dưỡng
29	SKKN	Sáng kiến kinh nghiệm
30	TĐG	Tự đánh giá
31	TNCS HCM	Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
32	UBND	Ủy ban nhân dân
33	VSATTP	Vệ sinh an toàn thực phẩm
34	XHH	Xã hội hoá

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

### 1. Kết quả đánh giá

#### 1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<b>Tiêu chuẩn 1</b>		10/10	10/10	3/5
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	-----
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	Không đạt
Tiêu chí 1.6		x	x	Không đạt
Tiêu chí 1.7		x	x	-----
Tiêu chí 1.8		x	x	-----
Tiêu chí 1.9		x	x	-----
Tiêu chí 1.10		x	x	-----
<b>Tiêu chuẩn 2</b>		3/3	3/3	3/3
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
<b>Tiêu chuẩn 3</b>		6/6	6/6	2/5
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	Không đạt
Tiêu chí 3.3		x	x	Không đạt
Tiêu chí 3.4		x	x	Không đạt
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	-----
<b>Tiêu chuẩn 4</b>		2/2	2/2	2/2
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
<b>Tiêu chuẩn 5</b>		4/4	4/4	4/4
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x

**Kết quả:** Đạt Mức 2.

**1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4.**

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1	x		
Tiêu chí 2		Không đạt	
Tiêu chí 3		Không đạt	
Tiêu chí 4		Không đạt	
Tiêu chí 5		Không đạt	
Tiêu chí 6		Không đạt	

**Kết quả:** Đạt Mức 2.

**2. Kết luận:** Trường đạt Mức 2



**PHẦN I**  
**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường : **Trường mầm non Kim Thu**

Tên trước đây : **Trường mầm non Bán công Kim Thu**

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Thanh Oai

Thành phố	Hà Nội
Huyện	Thanh Oai
Xã	Kim Thu
Đạt chuẩn quốc gia	Mức độ 1
Năm thành lập trường	1996
Công lập	x
Tư thực	Không
Dân lập	Không
Trường liên kết nước ngoài	Không

Tên hiệu trưởng	Đào Thị Năm
Điện thoại trường	024 3387 0727
Fax	
Website	<a href="http://mnkimthu.thanh-oaiedu.vn">http://mnkimthu.thanh-oaiedu.vn</a>
Số điểm trường	01
Loại hình khác	Không
Thuộc vùng khó khăn	Không
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không

**1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo**

Số nhóm, lớp	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 18 đến 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	2	4	4	4	3
Số lớp mẫu giáo 3- 4 tuổi	3	3	3	3	3
Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	3	3	3	3	3
Số lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi	3	3	3	3	4
<b>Cộng</b>	<b>11</b>	<b>13</b>	<b>13</b>	<b>13</b>	<b>13</b>

## 2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Khối phòng nhóm trẻ, lớp MG</b>	11	13	13	13	13	
1	Phòng kiên cố	11	13	13	13	13	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
<b>II</b>	<b>Khối phòng phục vụ học tập</b>	1	1	1	1	1	
1	Phòng kiên cố	1	1	1	1	1	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
<b>III</b>	<b>Khối phòng hành chính quản trị</b>	7	7	7	7	7	
1	Phòng kiên cố	7	7	7	7	7	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
<b>IV</b>	<b>Khối phòng tổ chức ăn</b>	1	1	1	1	1	
1	Bếp ăn	1	1	1	1	1	
<b>V</b>	<b>Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)</b>	1	1	1	1	1	

1	Phòng giáo dục nghệ thuật	1	1	1	1	1	
2	Phòng giáo dục thể chất	0	0	0	0	0	
	<b>Cộng</b>	<b>21</b>	<b>23</b>	<b>23</b>	<b>23</b>	<b>23</b>	

### 3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

#### a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá

	Tổng số	Nữ	Dân tộc (Kinh)	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	1			1	
Phó hiệu trưởng	2	2	2			2	
Giáo viên	28	28	28		1	27	
Nhân viên	12	11	12		4	8	
<b>Cộng</b>	<b>43</b>	<b>42</b>	<b>43</b>		<b>5</b>	<b>38</b>	

#### b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
1	Tổng số giáo viên	34	29	29	29	29
2	Tỷ lệ trẻ em/GV (đối với nhóm trẻ)	8,4	8,7	8,8	10	10,7
4	Tỷ lệ trẻ em/GV (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)	11	14,8	14,8	14,1	12,5
5	Tổng số GV dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	4	2	2	4	2
6	Tổng số GV dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	0	0

## 4. Trẻ em

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	352	376	376	373	352	
	- Nữ	150	152	123	141	133	
	- Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	
2	Đối tượng chính sách	45	31	9	17	9	
2.1	Kỳ I	21	11	6	11	5	
2.2	Kỳ II	24	20	3	6	4	
3	Khuyết tật	0	0	0	0	0	
4	Tuyển mới	110	90	102	90	70	
5	Học 2 buổi/ngày	352	376	376	373	352	
6	Bán trú	352	376	376	373	352	
7	Tỷ lệ trẻ em/lớp	32	33	32,9	21,4	27,7	
	Các số liệu khác (nếu có)						
8	Tỷ lệ trẻ em/nhóm	33,5	19,8	20	22,5	25	
	- Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0	
	- Trẻ em từ 18 đến 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0	
	- Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi	67	79	80	90	75	
	- Trẻ em từ 3-4 tuổi	93	93	92	80	86	
	- Trẻ em từ	100	100	102	111	80	

	4-5 tuổi						
	- Trẻ em từ 5-6 tuổi	104	104	102	92	111	

**5. Các số liệu khác: Không có**

## **PHẦN II**

### **TỰ ĐÁNH GIÁ**

#### **PHẦN A. ĐẶT VẤN ĐỀ:**

##### **1. Tình hình chung của nhà trường.**

Trường MN Kim Thư thuộc xã Kim Thư - huyện Thanh Oai - Thành phố Hà Nội. Trường được thành lập từ năm 1996 trên nền tảng là những nhóm trẻ với điều kiện CSVC ban đầu rất khó khăn, các lớp đều học nhờ tại các nhà văn hóa thôn, thuộc trường MN bán công Kim Thư

Đến năm 2009 trường được chuyển đổi thành trường công lập tự chủ một phần theo quyết định số 353/QĐ-UBND ngày 06 tháng 07 năm 2009 của UBND huyện Thanh Oai về việc chuyển đổi trường MN bán công sang loại hình trường MN công lập tự chủ một phần và đổi tên thành trường MN Kim Thư.

Nhà trường được UBND huyện, xã đầu tư xây dựng CSVC 1 điểm trường với 02 khu A&B đối diện nhau tại thôn Kim Châu, xã Kim Thư, huyện Thanh Oai với tổng diện tích 3.074,8m<sup>2</sup>. Diện tích sàn sử dụng 4.773m<sup>2</sup>/309 trẻ, đạt bình quân 15,4m<sup>2</sup>/trẻ. Năm học 2023-2024 được quy hoạch diện tích khu mới 10.000m<sup>2</sup> tại khu vực Sơn Trà, thôn Kim Châu, xã Kim Thư, diện tích đạt bình quân 42,3m<sup>2</sup>/trẻ. Trường có 12 phòng học, các phòng học và khối phòng hành chính quản trị, khối phòng phụ trợ được trang bị đồ dùng đầy đủ. Các công trình vệ sinh của trẻ đúng quy cách, đảm bảo vệ sinh; trường có biển trường, tường bao, sân chơi được lát gạch, đảm bảo an toàn, có cây xanh bóng mát và đồ chơi ngoài trời. Trường có một bếp ăn để tổ chức nấu ăn cho trẻ. Các điều kiện về CSVC hiện có của nhà trường cơ bản đáp ứng được các yêu cầu GD hiện nay.

Đội ngũ CBGVNV nhà trường được đào tạo, bồi dưỡng, bổ sung cả về số lượng và chất lượng; GV năng động, sáng tạo và được nhà trường phân công nhiệm vụ hợp lý, phát huy năng lực của từng người. Chính vì vậy, hàng năm có nhiều GVNV đạt GV giỏi, NV giỏi cấp trường, cấp huyện. BGH luôn chú trọng công tác GD tư tưởng chính trị, đạo đức nghề nghiệp, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ, tạo điều kiện tốt về mọi mặt cho CBGVNV yên tâm công tác. Tổ chức Chi bộ Đảng và Công đoàn nhà trường nhiều năm đạt danh hiệu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Tổng số CBGVNV 43 đ/c, trong đó BGH 03, GV 28, NV nuôi dưỡng: 08, NV y tế 01, NV kế toán 01, NV phục vụ 01, NV bảo vệ: 01.

CBQL trên chuẩn 03/03 đạt tỷ lệ 100%; GV trên chuẩn 27/28 đạt tỷ lệ 96,4% (Đ/c HT đang học Thạc sĩ quản lý GD và 01 GV đang học Đại học sư phạm MN, dự kiến tốt nghiệp năm 2025).

Năm học 2024 - 2025 nhà trường có 12 nhóm, lớp với tổng số trẻ 309 cháu.

Nguồn tài chính đảm bảo cho nhà trường hoạt động được huy động từ nguồn ngân sách nhà nước cấp như lương, phụ cấp theo lương, chi thường xuyên của đơn vị được quản lý đúng quy định của nhà nước về quản lý tài chính, đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời hằng tháng cho người lao động. Từ nguồn thu học phí (*được thu đúng, đủ và đảm bảo nguyên tắc tài chính*).

\* Về chất lượng GD, nhà trường đã đạt những thành tích nổi bật như:

- Trường liên tục đạt tập thể lao động tiên tiến từ trước năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024.

- Trong các năm học vừa qua trường luôn có GV tham gia thi GV giỏi và NV nuôi dưỡng giỏi cấp huyện đều đạt giải Nhì, Ba.

- Trường được UBND thành phố Hà Nội công nhận trường chuẩn Quốc gia mức độ 1 vào ngày 12 tháng 10 năm 2018 theo quyết định số 5488/QĐ-UBND Thành phố Hà Nội.

Với sự cố gắng nỗ lực của tập thể, cá nhân, nhà trường luôn giữ vững danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” trong nhiều năm qua. Chi bộ đạt “Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”, tổ chức Công đoàn và Đoàn Thanh niên đạt vững mạnh xuất sắc.

## **2. Mục đích tự đánh giá (TĐG).**

Mục đích TĐG là quá trình nhà trường tự xem xét, đánh giá thực trạng GD của đơn vị mình để xác định cấp độ chất lượng CSGD của nhà trường và công khai chất lượng CSGD của nhà trường với các cơ quan chức năng và xã hội.

Công tác TĐG chất lượng GD luôn được nhà trường quan tâm, nghiêm túc thực hiện, vì đây không chỉ là nhiệm vụ mà còn là trách nhiệm, quyền lợi của nhà trường. Quá trình TĐG giúp trường MN Kim Thư xác định mức độ đáp ứng mục tiêu GD trong từng giai đoạn, công tác TĐG nhằm chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, từ đó giúp nhà trường lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động CSND và CSGD trẻ em của nhà trường.

Thông qua kết quả TĐG, nhà trường sẽ nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu của mình để từ đó có biện pháp cải tiến hoặc khắc phục cho phù hợp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường trong những năm tiếp theo đáp ứng với các tiêu chuẩn chất lượng đã quy định.

Nhà trường tự xem xét, tự kiểm tra trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng do Bộ GDĐT ban hành để báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả GD, CSVN, nhân lực, nghiên cứu khoa học, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp để đáp

ứng các tiêu chuẩn chất lượng và để đăng ký kiểm định chất lượng GD. TĐG giúp nhà trường huy động được các nguồn lực từ các cá nhân và tổ chức đầu tư cho GD, tạo điều kiện cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác CSGD trẻ; là cơ sở cho các cơ quan quản lý công nhận nhà trường đạt chuẩn Quốc gia.

### **3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá.**

Căn cứ vào các văn bản chỉ đạo về công tác TĐG, nhà trường đã triển khai công tác TĐG theo các tiêu chuẩn đánh giá trường MN, được ban hành kèm theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về kiểm định chất lượng GD và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường MN theo 7 bước sau:

1. Thành lập Hội đồng TĐG
2. Lập kế hoạch TĐG
3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng
4. Đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí
5. Viết báo cáo TĐG
6. Công bố báo cáo TĐG
7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo TĐG.

Công tác kiểm định chất lượng GD trong nhà trường được tiến hành công khai, nhà trường đã huy động tất cả các nguồn lực sẵn có. Thành lập Hội đồng TĐG chất lượng gồm 11 thành viên là cán bộ chủ chốt của trường, trưởng, phó các đoàn thể, các bộ phận chức năng, đại diện Đoàn thanh niên, Công đoàn, thanh tra nhân dân. Hội đồng TĐG của trường đã xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết, phân công công việc cụ thể cho từng thành viên, tổ chức tập huấn bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng viết báo cáo cho từng nhóm chuyên trách. Hội đồng TĐG được chia thành 3 nhóm, mỗi nhóm có ban thư ký là các CBGVNV có kinh nghiệm, các thành viên trong nhóm phụ trách thu thập, nghiên cứu tài liệu của một số tiêu chuẩn đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan.

Hội đồng TĐG đã tiến hành bằng nhiều phương pháp khác nhau, trong đó chủ yếu bằng phương pháp khảo sát thực tế các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung bộ tiêu chuẩn. Trong quá trình TĐG, các nhóm công tác và ban thư ký đã tiến hành, thu thập, xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng. Trên cơ sở đó phân tích các điểm mạnh và những tồn tại để làm căn cứ xây dựng kế hoạch, tìm biện pháp để khắc phục những tồn tại nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng của nhà trường trong những năm học tiếp theo.



## B. TỰ ĐÁNH GIÁ.

HT nhà trường đã ra Quyết định số 97/QĐ-MNKT ngày 15/5/2024 của trường MN Kim Thu về việc thành lập Hội đồng TĐG chất lượng theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GDĐT gồm 11 thành viên là cán bộ lãnh đạo và các Đ/c GVNV có uy tín trách nhiệm, Đ/c Bí thư Chi bộ - HT nhà trường làm Chủ tịch Hội đồng.

Hội đồng TĐG đã triển khai các cuộc họp để thống nhất quy trình công tác TĐG chất lượng GD của nhà trường, phân công nhiệm vụ tới từng thành viên trong Hội đồng. Hội đồng gồm 03 tổ công tác, mỗi tổ được phân công thu thập tài liệu nghiên cứu đánh giá theo từng nhóm tiêu chuẩn. Hội đồng TĐG đã xây dựng kế hoạch thực hiện cho 16 tuần (không tính ngày nghỉ, lễ) cụ thể như sau:

Thời gian	Nội dung hoạt động
<p><b>Tuần 1</b> (Từ 10/6-14/6/2024)</p>	<p>1. Họp lãnh đạo nhà trường để thảo luận dự kiến các thành viên Hội đồng TĐG và các vấn đề liên quan đến triển khai hoạt động TĐG</p> <p>2. HT ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG;</p> <p>3. Họp Hội đồng TĐG để:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG;</li> <li>- Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng TĐG; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm công tác và cá nhân;</li> <li>- Dự thảo và ban hành kế hoạch TĐG.</li> </ul> <p>4. Phổ biến kế hoạch TĐG đến toàn thể CBGVNV của nhà trường và các bên liên quan.</p>
<p><b>Tuần 2</b> (Từ 17-21/6/2024)</p>	<p>1. Tổ chức hội nghị về nghiệp vụ TĐG cho toàn thể CBGVNV của trường.</p> <p>2. Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí.</p>
<p><b>Tuần 3 - 5</b> (Từ 24/6-12/7/2024)</p>	<p>1. Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí (tiếp theo việc tuần 2);</li> <li>- Phân loại và mã hoá các minh chứng thu được.</li> </ul> <p>2. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập bảng danh mục mã minh chứng.</p> <p>3. Các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các phiếu đánh giá tiêu chí.</p>

<b>Tuần 6 - 7</b> (Từ 15/7-26/7/2024)	Các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các phiếu đánh giá tiêu chí (tiếp theo việc tuần 3 - 5).
<b>Tuần 8 - 9</b> (Từ 29/7-09/8/2024)	Họp hội đồng TĐG để: - Thảo luận về những vấn đề phát sinh từ các minh chứng thu được, những minh chứng cần thu thập bổ sung và các vấn đề liên quan đến hoạt động TĐG; - Các nhóm chuyên trách, cá nhân báo cáo nội dung của từng phiếu đánh giá tiêu chí với Hội đồng TĐG; - Chính sửa, bổ sung các nội dung của phiếu đánh giá tiêu chí; - Thu thập, xử lý minh chứng bổ sung; - Dự thảo báo cáo TĐG.
<b>Tuần 10 - 12</b> (Từ 12/8-30/8/2024)	Họp Hội đồng TĐG để: - Kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG và các nội dung liên quan; - Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung dự thảo báo cáo TĐG; - Thông qua báo cáo TĐG đã chỉnh sửa, bổ sung; - Công bố dự thảo báo cáo TĐG trong nội bộ trường; - Thu thập các ý kiến đóng góp dự thảo báo cáo TĐG; - Bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG sau khi có các ý kiến góp ý; - Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung và đề xuất những kế hoạch cải tiến chất lượng.
<b>Tuần 13 - 14</b> (Từ 09/9 -> 20/9/2024)	1. Các thành viên của Hội đồng TĐG ký tên vào danh sách trong báo cáo TĐG. Sau đó, HT ký tên, đóng dấu và ban hành. 2. Gửi báo cáo TĐG và công văn trong đó có nội dung đã hoàn thành hoạt động TĐG cho cơ quan quản lý trực tiếp để lấy ý kiến. 3. Chỉnh sửa, bổ sung các ý kiến của cơ quan quản lý trực tiếp. 4. Công bố bản báo cáo TĐG đã hoàn thiện (trong nội bộ nhà trường). 5. Lưu trữ báo cáo TĐG, các minh chứng và các tài liệu liên quan theo quy định.
<b>Tuần 15 - 16</b> (Từ 23/9-04/10/2024)	1. Tổ chức thực hiện các kế hoạch cải tiến chất lượng theo từng giai đoạn. 2. Cập nhật lại báo cáo TĐG trước khi thực hiện việc đăng ký ĐGN với cơ quan có thẩm quyền.

Đề báo cáo TĐG đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan, Hội đồng TĐG đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau, trong đó chủ yếu bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung bộ tiêu chí; sưu tầm thông tin, minh chứng, so sánh, đối chiếu và phân tích các dữ liệu có liên quan. Trong quá trình TĐG chất lượng GD trường MN, nhà trường đã sử dụng nhiều bộ công cụ khác nhau như sử dụng máy vi tính, máy in, máy photocopy, mạng Internet, các văn bản có liên quan để khai thác thông tin, minh chứng viết báo cáo TĐG.

Trên cơ sở TĐG chất lượng GD với những điểm mạnh, điểm yếu nổi bật cho từng tiêu chuẩn, báo cáo này được sử dụng như công cụ để cải tiến và nâng cao quản lý chất lượng CSND và GD của nhà trường. Qua kết quả TĐG từng tiêu chí, nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng trong từng thời điểm và trong chiến lược phát triển, nâng cao chất lượng nhà trường, đề xuất những biện pháp cụ thể cho việc thực hiện cải tiến chất lượng trong từng giai đoạn. Đồng thời, Hội đồng TĐG nhà trường tiến hành điều chỉnh các hoạt động cũng như công tác quản lý phù hợp với thực tế, yêu cầu của ngành và xã hội, cải tiến, nâng cao chất lượng CSGD trẻ.

Từ sự chủ động, sáng tạo các nhóm TĐG trong nhà trường đã tập hợp, mô tả được hiện trạng của từng tiêu chí. Trên cơ sở phân tích, đánh giá đúng các mặt hoạt động của nhà trường theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường MN, Hội đồng TĐG đã đề xuất và xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng phù hợp. Kết quả đánh giá được công khai trong hội đồng nhà trường, bổ sung hoàn thiện sau đó báo cáo Phòng GDĐT. Hội đồng đánh giá trường MN Kim Thư mong rằng sau quy trình TĐG, nhà trường sẽ được đoàn đánh giá ngoài của các cấp giúp nhà trường có nhiều biện pháp hữu hiệu hơn trong công tác quản lý để cải tiến và nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường trong những năm học tiếp theo.

## **I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3.**

### **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường.**

#### **Mở đầu:**

Trường MN Kim Thư là trường MN công lập có tài khoản và con dấu riêng. Nhà trường có đầy đủ cơ cấu, tổ chức bộ máy theo yêu cầu Điều lệ trường MN. Có Hội đồng trường có từ 09-11 thành viên, có chi bộ Đảng gồm 21 đảng viên, tổ chức Công đoàn 43 đoàn viên, Chi hội chữ thập đỏ gồm 43 hội viên; Chi Đoàn TNCSHCM có 17 đoàn viên; có các tổ chuyên môn gồm: Tổ mẫu giáo 4-5 tuổi, tổ mẫu giáo 3 tuổi - nhà trẻ; tổ nuôi dưỡng; tổ văn phòng; Toàn trường có 03 nhóm trẻ và 09 lớp mẫu giáo. CBGVNV luôn chấp

hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương, của ngành.

Nhà trường quan tâm tới việc xác định phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường nhằm hoàn thành sứ mệnh của mình trong sự nghiệp phát triển GDĐT của xã Kim Thư và của huyện Thanh Oai; công tác quản lý ở mọi lĩnh vực được nhà trường làm tốt trên cơ sở phát huy trí tuệ của tập thể đội ngũ CBGVNV; đảm bảo thực hiện tốt QCDC ở cơ sở, công tác thi đua khen thưởng CBGVNV và trẻ đảm bảo tính chính xác, công bằng, công khai. Hằng năm, tổ chức tốt các hoạt động lễ hội, văn nghệ, vui chơi phù hợp với điều kiện địa phương.

BGH nhà trường luôn quan tâm công tác bồi dưỡng đội ngũ để tìm ra các cá nhân tiêu biểu và có khả năng để đưa vào diện bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ CBGVNV của nhà trường. Luôn chú trọng công tác bảo đảm PCCC, ANTT, an toàn trường học được tổ chức thực hiện tốt, đảm bảo an toàn cho CBGVNV và trẻ, không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới diễn ra trong nhà trường, đảm bảo tốt VSATTP bếp ăn tập thể.

Các nội dung trên được thể hiện rõ qua từng tiêu chí sau:

**Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.**

Mức 1:

*a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

*b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

*c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

Mức 2:

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.*

Mức 3:

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị*

*đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường đã xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường giai đoạn 2017-2020; 2021-2025 (Kế hoạch số 76/KHCL-MNKT ngày 06/9/2017 và số 54/KHPT-MNKT ngày 25/3/2021) được phòng GDĐT huyện Thanh Oai phê duyệt. Phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường thực hiện theo kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 10/3/2021 của UBND huyện Thanh Oai về phát triển GDMN huyện Thanh Oai giai đoạn 2021-2025. Nội dung phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường và kế hoạch phát triển GD nhà trường đã xác định rõ mục tiêu của nhà trường nhằm giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp 1. Ngoài ra phương hướng chiến lược được xây dựng dựa trên nguồn lực về điều kiện CSVC, trang thiết bị, đội ngũ CBGVNV có năng lực, đáp ứng với sự phát triển tâm sinh lý theo lứa tuổi của trẻ **[H1-1.1-01]**.

Phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2017-2020; 2021-2025 Đ/c HT xây dựng theo các nội dung cụ thể, thể hiện bằng văn bản, được phòng GDĐT huyện Thanh Oai phê duyệt **[H1-1.1-01]**.

Sau khi phương hướng chiến lược phát triển nhà trường được phòng GDĐT Thanh Oai phê duyệt, nhà trường đã công khai, thông báo tới tập thể CBGVNV, CMTE và nhân dân trên địa bàn xã được biết thông qua các hình thức như: Họp hội đồng sư phạm nhà trường, niêm yết 10 ngày tại bảng tin của nhà trường **[H1-1.1-02]; [H1-1.1-03]**.

Mức 2:

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch năm học bám sát nhiệm vụ giải pháp trong xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2017-2020; 2021-2025, báo cáo sơ kết việc thực hiện kế hoạch phát triển nhà trường và báo cáo kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm học như một giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược đã xây dựng và phát triển **[H1-1.1-04]; [H1- 1.1-05]**.

Mức 3:

Đầu mỗi năm học nhà trường xây dựng kế hoạch nhiệm vụ năm học. Kế hoạch nhiệm vụ năm học bám sát với phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường, có sự điều chỉnh, thay đổi hàng năm **[H1-1.1- 04]**. Nhà trường đã tổ chức các hội nghị: Họp hội đồng trường, họp ban đại diện CMTE của nhà

trường, họp CMTE của các lớp, để thông qua dự kiến các giải pháp, phương hướng thực hiện kế hoạch phát triển nhà trường từng năm, báo cáo kết quả đã đạt được. Đồng thời, nhà trường lấy ý kiến đóng góp của CBGVNV, CMTE và cộng đồng để bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường trong thời gian tiếp theo của năm học cho phù hợp và đạt hiệu quả cao [H1-1.1-05]. Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường. Tuy nhiên chưa có nhiều ý kiến đóng góp cho chiến lược phát triển của nhà trường từ CMTE và cộng đồng [H1-1.1-06].

## 2. Điểm mạnh

Trường MN Kim Thụ có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2017-2020; 2021-2025 phù hợp với mục tiêu GD được quy định tại Luật GD, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các nguồn lực của nhà trường, kế hoạch được cấp trên phê duyệt.

## 3. Điểm yếu

Chưa có nhiều ý kiến đóng góp cho chiến lược phát triển của nhà trường từ CMTE và cộng đồng.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện
Nhà trường tiếp tục rà soát, điều chỉnh để thực hiện tốt phương hướng, chiến lược và phát triển của nhà trường. Lấy ý kiến đóng góp cho chiến lược phát triển của nhà trường từ CMTE và cộng đồng.	Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo.	BGH và GVNV.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từng học kỳ, BGH nhà trường rà soát mục tiêu, chỉ tiêu của phương hướng, chiến lược và kế hoạch phát triển của nhà trường, làm tốt công tác tham mưu xin kinh phí cải tạo, nâng cấp CSVC để điều chỉnh phương hướng, chiến lược và phát triển của nhà trường cho phù hợp.</li> <li>- Tích cực làm tốt công tác tuyên truyền phối hợp các tổ chuyên môn, các thôn, xóm, các ban ngành, đoàn thể, đăng tải trên trang Website của đơn vị, bảng tin và zalo nhóm lớp, họp CMTE để các văn bản, phương hướng chiến lược xây dựng phát triển của trường được phổ biến rộng rãi từ CMTE và cộng đồng.</li> </ul>

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.**

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-		-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Đạt	

**Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác**

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có Hội đồng trường và các Hội đồng khác được thành lập theo đúng quy định, đảm bảo về cơ cấu tổ chức và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ trường MN. Hội đồng trường MN Kim Thư nhiệm kỳ 2021-2026 được thành lập theo quyết định số 1273/QĐ-UBND huyện Thanh Oai ngày 25/2/2021. Tháng 7 năm 2023 do luân chuyển CBQL nên trường MN Kim Thư được kiện toàn Hội đồng trường theo quyết định số 8692/QĐ-UBND của UBND huyện Thanh Oai ngày 19/9/2023 với 11 thành viên gồm: Bí thư chi bộ - HT nhà trường, Phó HT, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn TNCSHCM, tổ trưởng, tổ phó chuyên môn và tổ văn phòng, đại diện chính quyền địa phương, trưởng Ban đại diện CMTE [H1-1.2-01]. Hằng năm HT lập danh sách đề xuất với phòng GDĐT huyện Thanh Oai ban hành quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh gồm các Đ/c trong BGH, tổ trưởng chuyên môn, tổ văn phòng để làm tốt công tác tuyển sinh trẻ đầu năm học [H1-1.2-02]. Nhà trường có các hội đồng khác được thành lập theo quy định Điều 11 của Điều lệ trường MN số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 bao gồm: Hội đồng thi đua khen thưởng được thành lập vào đầu năm học, gồm có Bí thư chi bộ - HT - Chủ tịch hội đồng, các Đ/c PHT, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư đoàn TNCSHCM, tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng là các thành viên [H1-1.2-03]. Hội đồng chấm SKKN gồm các Đ/c trong BGH, tổ trưởng, tổ phó chuyên môn có trình độ, năng lực công tác, có kinh nghiệm trong việc đúc rút

SKKN [H1-1.2-04]; Hội đồng chấm thi GV giỏi, NV nuôi dưỡng giỏi cấp trường gồm các Đ/c trong BGH, tổ trưởng, tổ phó chuyên môn có trình độ, năng lực công tác, nắm vững chuyên môn [H1-1.2-05]; Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp GVMN có 12 thành viên và Hội đồng TĐG có 11 thành viên gồm: Bí thư chi bộ - HT - Chủ tịch hội đồng; các Đ/c PHT - Phó chủ tịch hội đồng; tổ phó tổ Mẫu giáo 4,5 tuổi làm thư ký; các Đ/c tổ trưởng, tổ phó các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, GV là các ủy viên [H1-1.2-06].

Hội đồng trường thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 9 của Điều lệ trường MN. Hội đồng trường họp 03 lần/năm học quyết định về mục tiêu chiến lược phát triển kế hoạch hàng năm hoạt động của nhà trường; Quyết nghị kế hoạch tổ chức và hoạt động của hội đồng trường, sửa đổi bổ sung các quy chế, kế hoạch của nhà trường trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; Quyết nghị về tổ chức nhân sự; về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản; giám sát các hoạt động của nhà trường; giám sát tổ chức thực hiện các quyết nghị của hội đồng trường, việc thực hiện QCDC trong các hoạt động của nhà trường. Tuy nhiên nhiệm kỳ vừa qua do thực hiện kế hoạch luân chuyển, điều động CBQL và NV không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý, nhân sự của Hội đồng trường liên tục thay đổi nên rất khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ [H1-1.1-06]. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp GVMN có trách nhiệm thẩm định, rà soát các Đ/c GV đảm bảo đúng đối tượng, tiêu chuẩn điều kiện xét thăng hạng theo quy định. Hội đồng thi đua khen thưởng giúp HT tổ chức thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với CBGVNV trong nhà trường [H1-1.2-07]. Hội đồng chấm SKKN có trách nhiệm chấm SKKN theo đúng quy chế [H1-1.2-08]. Hội đồng chấm GVNV giỏi giúp HT tổ chức hội thi GVNV giỏi cấp trường theo kế hoạch [H1-1.2-09]. Hội đồng tuyển sinh giúp HT xây dựng kế hoạch tuyển sinh, tư vấn hỗ trợ CMTE đăng ký và làm các thủ tục tuyển sinh, hằng năm nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, công bố công khai công tác tuyển sinh, tổ chức thực hiện kế hoạch tuyển sinh theo kế hoạch của Sở GDĐT Hà Nội, phòng GDĐT huyện Thanh Oai và báo cáo kế hoạch tuyển sinh của nhà trường [H1-1.2-10].

Các hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác trong nhà trường được rà soát, đánh giá rút kinh nghiệm, cụ thể: Hội đồng trường được định kỳ họp 03 lần/năm học; Hội đồng thi đua khen thưởng họp 2 lần/năm. Các Hội đồng khác họp 1 lần/năm học [H1-1.1-06]; [H1-1.1-07].

Mức 2:

Hội đồng trường và các Hội đồng khác hoạt động có hiệu quả trong nhiều năm qua, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ của nhà trường, cụ



thể đến cuối năm học 2023-2024, tỷ lệ trẻ có sức khỏe bình thường về chiều cao là 98,3%, cân nặng là 96,6%; Tỷ lệ trẻ thừa cân béo phì còn 1,7%, tỉ lệ trẻ SDD và thấp còi còn 1,7%; Kết quả đánh giá trẻ cuối năm các lĩnh vực đạt 91% trở lên ở các độ tuổi, tỷ lệ trẻ hoàn thành chương trình GDMN đạt 100% [H1-1.2-11]. Trường luôn tích cực trong công tác tiếp cận các phương pháp GD tiên tiến, mang lại nhiều lợi ích về môi trường làm việc khoa học, hiện đại, đổi mới, sáng tạo cho CBGVNV và môi trường học tập cho trẻ. Hội đồng thi đua khen thưởng đã tổ chức tốt các phong trào thi đua [H1-1.2-07]. Hội đồng tuyển sinh làm tốt công tác tuyển sinh đạt 100% kế hoạch theo đúng chỉ tiêu được giao [H1-1.2-10]. Hội đồng chấm SKKN làm tốt công tác chấm SKKN nên trong các năm học từ 2019-2020 đến năm học 2023-2024 có 27 SKKN được xếp loại cấp Huyện [H1-1.2-08]. Hội đồng chấm thi GV giỏi lựa chọn các Đ/c GV đạt giải cao cấp trường để tham gia thi cấp Huyện. Trong 05 năm học từ 2019-2020 đến 2023-2024 nhà trường có 17 Đ/c đạt GVNV giỏi cấp Huyện [H1-1.2-09]. Hội đồng tuyển sinh đã tổ chức tuyển sinh theo kế hoạch và đạt chỉ tiêu giao hằng năm [H1-1.2-02];[H1-1.2-10]. Hội đồng thi đua khen thưởng quyết định chọn tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đề nghị khen thưởng [H1-1.2-07]. Hội đồng chấm SKKN chịu trách nhiệm quyết định chọn những bản SKKN đạt chất lượng gửi về phòng GDĐT [H1-1.2-08]. Hội đồng chấm thi GV giỏi, NV nuôi dưỡng giỏi chịu trách nhiệm quyết định chọn những GVNV nuôi dưỡng đạt điểm cao trong hội thi để được bồi dưỡng GVNV nuôi dưỡng dự thi cấp huyện [H1-1.2-09].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có Hội đồng trường và các Hội đồng khác được thành lập theo đúng quy định, đảm bảo về cơ cấu tổ chức và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ trường MN. Hội đồng trường và các Hội đồng khác hoạt động có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ trong nhà trường, được đánh giá thường xuyên theo định kỳ nghiêm túc, sát thực.

## **3. Điểm yếu**

Nhiệm kỳ vừa qua do thực hiện kế hoạch luân chuyển, điều động CBQL và NV không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý, nhân sự của Hội đồng trường liên tục thay đổi nên rất khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ.

#### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện
- Tiếp tục thực hiện tốt hiệu quả hoạt động của Hội đồng trường và các Hội đồng khác.	- Năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo	Thành viên Hội đồng trường và các Hội đồng khác.	- Các thành viên của Hội đồng trường và các Hội đồng khác thường xuyên nghiên cứu hiểu rõ kế hoạch, chủ động bố trí sắp xếp thời gian kịp thời việc thực hiện, rà soát đánh giá góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ trong nhà trường.

#### 5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-	
b	Đạt	-		-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt			

#### Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Các đoàn thể và các tổ chức của nhà trường có đủ cơ cấu tổ chức theo quy định: Công đoàn nhà trường được thành lập theo quyết định số 48/QĐ-LĐLĐ ngày 03/05/2010 của LĐLĐ Huyện Thanh Oai. Công đoàn nhà trường gồm 43 công đoàn viên trực thuộc LĐLĐ huyện Thanh Oai. BCH Công đoàn có 05 Đ/c được bầu cử công khai tại Đại hội Công đoàn trường nhiệm kỳ 2023-2028 Đ/c Lê Thị Kim Hoàn - Phó HT được bầu làm Chủ tịch Công đoàn **[H1-1.3-01]**. Chi đoàn trường MN Kim Thư có 17 đoàn viên trực thuộc Đoàn xã Kim Thư, do Đ/c Lê Thị Thoa làm Bí thư chi đoàn **[H1-1.3-02]**. Hội chữ thập đỏ được thành lập theo quyết định số 07/QĐ-CTĐ ngày 22/11/2022 trực thuộc Hội chữ thập đỏ xã Kim Thư gồm 43 hội viên **[H1-1.3-03]**.

Hàng năm Công đoàn xây dựng quy chế, kế hoạch hoạt động, tổ chức họp mỗi tháng 01 lần và có kế hoạch phối hợp với nhà trường để tổ chức phát động và thực hiện các phong trào thi đua theo năm học, tổ chức Hội nghị viên chức lao động hàng năm để chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích của CBGVNV trong trường **[H1-1.3-04]**. Chi Đoàn Thanh niên xây dựng quy chế, kế hoạch hoạt động, tổ chức họp 03 tháng 01 lần. Chi Đoàn phối hợp với nhà trường tích cực chăm lo xây dựng Đoàn, tham gia các phong trào thi đua, các cuộc vận động, các hoạt động như: phòng chống dịch, hỗ trợ cài đặt mã định danh điện tử VneID cho người dân do ngành, trường, Đoàn phát động, giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng **[H1-1.3-05]**. Hội chữ thập đỏ là tổ chức xã hội hoạt động nhân đạo theo pháp luật Việt Nam, cùng Công đoàn tuyên truyền vận động công đoàn viên và các thành viên tham gia hiến máu nhân đạo, mỗi năm được từ 10 -> 18 đơn vị máu **[H1-1.3-06]**.

Hàng năm Công đoàn, Đoàn TNCSHCM, Hội chữ thập đỏ đã tiến hành rà soát đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ và rút kinh nghiệm đồng thời đề ra phương hướng thực hiện tốt nhiệm vụ năm tới. Trong tổng kết và triển khai các đoàn thể đã động viên nêu gương những thành viên xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, giúp đỡ góp ý cho những thành viên còn hạn chế về các mặt công tác để tổ chức các hoạt động tốt hơn. Tuy nhiên với hoạt động Đoàn TNCSHCM còn khó khăn về thời gian họp, nội dung sơ sài và kinh phí hoạt động của Chi Đoàn hạn hẹp **[H1-1.3-04]; [H1-1.3-05]**. Hội chữ thập đỏ có các công đoàn viên tham gia hiến máu tình nguyện do hội chữ thập đỏ của huyện tổ chức. Nhiều năm liền hội

chữ thập đỏ của trường đều được nhận giấy khen có thành tích xuất sắc trong phong trào hiến máu nhân đạo **[H1-1.3-03]; [H1-1.3-06]**.

Mức 2:

Nhà trường có Chi bộ Đảng trực thuộc Đảng bộ xã Kim Thư gồm 21 đảng viên (18 đảng viên chính thức và 03 đảng viên dự bị), Chi bộ có cơ cấu tổ chức theo quy định được bầu cử Đại hội chi bộ và được Đảng ủy ra quyết định chuẩn y kết quả bầu cử, Chi ủy có 03 Đ/c gồm Bí thư, Phó Bí thư Chi bộ và Chi ủy viên **[H1-1.3-07]**. Chi bộ lãnh đạo các hoạt động của nhà trường và các tổ chức đoàn thể thực hiện theo đúng chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, Chi bộ sinh hoạt thường kỳ đều đặn 01 lần/tháng; sinh hoạt chuyên đề 03 tháng/lần và hằng năm đều có báo cáo tổng kết công tác đảng và phân loại đánh giá đảng viên cuối năm **[H1-1.3-08]**. Trong 5 năm vừa qua (2019-2023) Chi bộ nhà trường được xếp loại 03 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ và 02 năm 2022, 2023 hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ **[H1-1.3-09]**.

Công đoàn, Chi Đoàn Thanh niên, Hội chữ thập đỏ luôn đóng góp tích cực cho các hoạt động chuyên môn và trong phong trào văn hóa, văn nghệ, hiến máu tình nguyện, tuyên truyền GVNV thực hiện tốt các cuộc vận động và các phong trào thi đua, ủng hộ xây dựng các quỹ đã giúp cho nhà trường hoàn thành các nhiệm vụ được giao, Công đoàn được LĐLĐ huyện tặng giấy khen có thành tích xuất sắc trong phong trào công nhân viên chức lao động năm học 2022-2023 và năm học 2023-2024 **[H1-1.3-10]**.

Mức 3:

Trong 5 năm liên tiếp, Chi bộ nhà trường luôn đạt danh hiệu Chi bộ hoàn thành tốt và Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Cụ thể năm 2022 và 2023 Chi bộ nhà trường được Đảng bộ xã đánh giá Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ **[H1-1.3-09]**.

Công đoàn, Chi đoàn, Chi Hội chữ thập đỏ thường xuyên hoạt động có hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng. Vì vậy, các đoàn thể trong nhà trường đã dành được nhiều thành tích: Công đoàn phối hợp với nhà trường để thực hiện tốt QCDC, tổ chức các hội thi tới công đoàn viên trong trường. Công đoàn được LĐLĐ huyện đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2022-2023; 2023-2024, Đoàn TNCS HCM với số lượng đoàn viên trẻ, nhiệt tình và năng động luôn gương mẫu đi đầu trong các hoạt động của nhà trường, sáng tạo chuyên môn, tích cực tham gia các hoạt động tại địa phương. Đồng thời làm tốt công tác phát triển đoàn viên ưu tú giới thiệu vào Đảng, không có đoàn viên vi phạm chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Chi đoàn nhiều năm liền đạt danh hiệu Chi đoàn xuất sắc; Chi Hội chữ thập đỏ đã

tuyên truyền vận động hội viên tham gia các hoạt động từ thiện nhân đạo, hiến máu tình nguyện đạt kết quả cao [H1-1.3-10].

## 2. Điểm mạnh

Các tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn TNCS HCM, Chi hội Chữ thập đỏ trong nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo đúng quy định. Trong 05 năm liên tiếp Chi bộ có 03 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ và 02 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Công đoàn có 02 năm được công nhận Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Chi đoàn 05 năm liền đạt danh hiệu Chi đoàn xuất sắc.

## 3. Điểm yếu

Hoạt động Đoàn TNCS HCM còn khó khăn về thời gian họp, nội dung sơ sài và kinh phí hoạt động của Chi Đoàn hạn hẹp.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Duy trì tốt hoạt động của tổ chức Đảng, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.</li> <li>- Nâng cao chất lượng sinh hoạt của Chi đoàn. Hỗ trợ, đầu tư kinh phí cho hoạt động Đoàn Thanh niên.</li> </ul>	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Chi bộ Đảng, BCH Công đoàn, Chi đoàn TNCSHCM.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hằng năm, chi bộ và các đoàn thể triển khai kế hoạch tham gia tích cực các phong trào thi đua, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.</li> <li>- Xây dựng kế hoạch sinh hoạt, sắp xếp thời gian sinh hoạt của Chi đoàn phù hợp.</li> <li>- HT cân đối ngân sách trích từ nguồn chi thường xuyên hằng năm để hỗ trợ Chi đoàn hoạt động hiệu quả hơn.</li> </ul>

## 5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Đạt	

### **Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng**

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường MN Kim Thụ thuộc trường hạng I có đủ CBQL theo cơ cấu 01 HT và 02 PHT. Đ/c Đào Thị Năm - HT nhà trường được bổ nhiệm chức vụ HT theo quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 23/8/2017, bổ nhiệm lại theo quyết định số 4919/QĐ-UBND ngày 17/8/2022. Đ/c Lê Thị Kim Hoàn - PHT phụ trách công tác GD, được bổ nhiệm theo quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 01/4/2008 và bổ nhiệm lại theo quyết định số 4105/QĐ-UBND ngày 31/5/2023; Đ/c Hoàng Thị Nga – PHT phụ trách công tác CSND, được bổ nhiệm theo quyết định số 881/QĐ-UBND ngày 19/5/2015 và điều động về trường MN Kim Thụ theo quyết định số 12885/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 [**H1-1.4-01**].

Căn cứ theo quy định tại Điều 13, Điều 14 Điều lệ trường MN, hằng năm vào đầu năm học HT nhà trường ra quyết định thành lập 03 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Năm học 2024-2025 tổ nuôi dưỡng gồm 08 thành viên; tổ mẫu giáo 4-5 tuổi có 14 thành viên; tổ mẫu giáo 3 tuổi và nhà trẻ có 14 thành viên; tổ văn phòng có 07 thành viên. Mỗi tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều có 01 tổ trưởng, 01 tổ phó theo quy định. BGH 03 Đ/c tham gia sinh hoạt ở tổ Văn phòng [**H1-1.4-02**].

Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của tổ theo quy định như xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ [**H1-1.4-03**]. Trong các

buổi sinh hoạt tổ, Đ/c tổ trưởng điều hành trực tiếp, rút kinh nghiệm và phân công triển khai các nhiệm vụ trong tháng, thực hiện việc bồi dưỡng chuyên môn cho các thành viên nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của tổ, thường xuyên kiểm tra đánh giá chất lượng CSGD trẻ và việc sử dụng tài liệu, ĐDDC, thiết bị GD của các thành viên trong tổ. Tổ chuyên môn sinh hoạt định kỳ 02 tuần/lần; Tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo tháng, năm và sinh hoạt 01 tháng/lần nhằm phục vụ thực hiện các hoạt động của nhà trường về nuôi dưỡng, CSGD trẻ; giúp HT quản lý và chi tiêu tài chính theo quy định, thực hiện các chế độ chính sách cho đội ngũ CBGVNV và trẻ kịp thời **[H1-1.4-02]**. Ngoài ra các tổ còn bình xét, đánh giá, xếp loại GV theo chuẩn nghề nghiệp, công chức viên chức và lao động hợp đồng của GVNV hằng năm theo quy định **[H1-1.4-04]**. Bồi dưỡng chuyên môn cho các thành viên trong tổ qua các buổi chuyên đề, tập huấn, sinh hoạt chuyên môn đề nghị khen thưởng CBGVNV trong các đợt thi đua hằng năm. Tuy nhiên, một số buổi sinh hoạt của các tổ chuyên môn và họp hằng tháng của tổ văn phòng nội dung, hình thức chưa phong phú. Tinh thần phê và tự phê còn hạn chế **[H1-1.4-05]**.

#### Mức 2:

Hằng năm, các tổ chuyên môn của nhà trường đều căn cứ vào định hướng chỉ đạo của Sở GDĐT Hà Nội, phòng GDĐT huyện Thanh Oai, chỉ tiêu nhiệm vụ GD của nhà trường để xác định từ 01 đến 02 chuyên đề đổi mới của tổ trong năm học, các chuyên đề đã được tổ chuyên môn đề xuất và được BGH nhất trí triển khai tổ chức đạt hiệu quả như: GD kỹ năng tự phục vụ, GD kỹ năng thực hành cuộc sống cho trẻ; chuyên đề xây dựng môi trường học tập lấy trẻ làm trung tâm; chuyên đề đổi mới hình thức tổ chức hoạt động GD lĩnh vực phát triển nhận thức, lĩnh vực phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Năm học 2022-2023 nhà trường đã tổ chức xây dựng kiến tập chuyên đề cho Huyện với chủ đề GD an toàn giao thông và đưa phương pháp GD tiên tiến Steam vào chương trình học của trẻ **[H1-1.4-04]; [H1-1.4-05]**.

Định kỳ, hằng tháng các tổ đều tổ chức sinh hoạt 2 tuần/1 lần. Lần họp thứ 1 vào tuần 1 của tháng, các tổ chuyên môn rà soát, bổ sung điều chỉnh lại kế hoạch hoạt động tháng mới của các nhóm lớp cho phù hợp với nội dung, mục tiêu chung của tổ và triển khai công việc của tuần 2 và 3 lồng ghép thảo luận các chuyên đề theo lịch sinh hoạt chuyên môn của nhà trường; lần họp thứ 2 vào tuần 3 của tháng. Tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ 1 lần/tháng theo nguyên tắc dân chủ, chia sẻ, học tập lẫn nhau, để cùng phát triển năng lực chuyên môn, các tổ đánh giá việc thực hiện quy chế chuyên môn, đánh giá kết quả đạt được và điều chỉnh những mặt còn tồn tại. Chính vì vậy kế hoạch của các tổ chuyên môn

luôn bám sát tình hình thực tế của nhà trường [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

Mức 3:

Các tổ chuyên môn GV và nuôi dưỡng thường xuyên tham mưu với BGH mạnh dạn đổi mới công tác nuôi dưỡng như thay đổi thực đơn, ăn Buffet, thay đổi hình thức tổ chức ăn như: cho trẻ ăn khay khối mẫu giáo, tổ chức bữa ăn gia đình (mẫu giáo lớn, mẫu giáo nhỏ); các hoạt động ngoài giờ lên lớp: Hội thi Trạng Nguyên nhí, hội thi Bé khéo tay, hội Chợ xuân, tham gia hội thi ngày hội văn hoá thể thao và nhiều hoạt động khác [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05]. Tổ văn phòng giúp HT quản lý tài chính, tài sản, lưu giữ hồ sơ của trường và tích cực tham mưu tư vấn có hiệu quả trong trang bị, cải tạo, tăng cường CSVC. Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có những đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của trường những năm qua [H1-1.4-06].

Các tổ chuyên môn đã thực hiện tốt các chuyên đề mà GV đề xuất, trong 5 năm học tổ chuyên môn GD đã thực hiện được các chuyên đề: Chuyên đề phát triển thể chất, phát triển nhận thức, phát triển thẩm mỹ, phát triển chương trình GD nhà trường, ứng dụng phương pháp GD tiên tiến STEAM, Tôi yêu Việt Nam, làm quen với chữ viết cho trẻ [H1-1.2-11]. Qua các chuyên đề, GV được bồi dưỡng thêm kiến thức về kỹ năng, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động CSGD cho trẻ. Từ đó, đã góp phần nâng cao chất lượng CSND và GD trẻ trong nhà trường [H1-1.4-06].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có tổ chức, cơ cấu theo đúng quy định Điều lệ trường MN: có HT và 02 PHT, có các tổ chuyên môn và tổ văn phòng. Các tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề cấp trường, cấp huyện với nhiều hoạt động đổi mới hình thức tổ chức, sáng tạo, áp dụng các phương pháp dạy học tiên tiến nhằm phát huy khả năng tư duy và sự sáng tạo của trẻ.

## 3. Điểm yếu

Một số buổi sinh hoạt của các tổ chuyên môn và họp hàng tháng của tổ văn phòng nội dung, hình thức chưa phong phú. Tinh thần phê và tự phê còn hạn chế.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện
- Duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động chuyên môn.	- Năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo	- BGH. - Các tổ trưởng, tổ phó chuyên	- Phân công PHT phụ trách xây dựng và tổ chức kế hoạch bồi dưỡng cho GVNV về nội dung đổi mới các hình thức tổ chức, xây



- Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ quản lý cho tổ trưởng chuyên môn và tổ văn phòng.		môn và tổ văn phòng	dựng kế hoạch GD. Liên kết, xây dựng kế hoạch tổ chức giao lưu sinh hoạt chuyên môn với các trường bạn trong huyện. - BGH trực tiếp bồi dưỡng quy trình và lựa chọn nội dung tổ chức sinh hoạt cho Đ/c tổ trưởng, tổ phó các tổ đảm bảo hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ. - Phân công các Đ/c trong BGH tham gia sinh hoạt chuyên môn cùng các tổ để kịp thời chỉ đạo, định hướng công tác chuyên môn.
---	--	---------------------	---

### 5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Đạt	

### Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

### 1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi

theo đúng quy định của Điều lệ trường MN, không có nhóm trẻ, lớp mẫu giáo ghép. Năm học 2023-2024 nhà trường hiện có tổng số 13 nhóm lớp với 352 cháu. Trong đó: 03 nhóm trẻ 24-36 tháng có 75 trẻ; 03 lớp mẫu giáo bé 3-4 tuổi có 86 trẻ; 03 lớp mẫu giáo nhỡ 4-5 tuổi có 80 trẻ; 04 lớp mẫu giáo lớn 5-6 tuổi có 111 trẻ [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

100% các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo của trường được tổ chức học 02 buổi trên ngày [H1-1.5-02].

Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024 nhà trường không có trẻ khuyết tật hòa nhập [H1-1.5-02]; [H1-1.2-11].

Mức 2:

Năm học 2023-2024 nhà trường tổng 352 trẻ, trong đó có 03 nhóm nhà trẻ với 75 trẻ, bình quân 25 trẻ/nhóm; 03 lớp mẫu giáo bé có 86 trẻ với bình quân 28,7 trẻ/lớp; 03 lớp mẫu giáo nhỡ có 80 trẻ với bình quân 26,7 trẻ/lớp; 04 lớp mẫu giáo lớn có 111 trẻ với bình quân 27,8 trẻ/lớp. Tuy nhiên, một số lớp mẫu giáo bé còn vượt quá số trẻ/lớp so với quy định [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

Mức 3:

Trường MN Kim Thụ có tổng số 13 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường MN [H1-1.5-01]; [H1-1.5-03].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có 13 lớp được phân chia theo đúng độ tuổi. Trẻ được học 2 buổi trên ngày và không có lớp ghép.

## 3. Điểm yếu

Một số lớp mẫu giáo bé còn vượt quá số trẻ/lớp so với quy định của Điều lệ trường MN.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện
- Tiếp tục duy trì và thực hiện tốt các điểm mạnh của nhà trường. - Đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh đảm bảo sĩ số trẻ/nhóm, lớp.	Từ năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	Đ/c HT và Đ/c PHT phụ trách công tác phổ cập	- Căn cứ điều kiện thực tế tại địa phương như: số lượng trẻ trên địa bàn, số lượng phòng lớp học, số lượng GV, nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh để đảm bảo số trẻ/nhóm, lớp đúng theo quy định tại Điều lệ trường MN.

## 5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

### Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

#### 1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ, sổ sách phục vụ hoạt động nuôi dưỡng CSGD trẻ theo điều 21 Điều lệ trường MN: Hồ sơ quản lý trẻ em [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; Hồ sơ cán bộ công chức của CBGVNV [H1-1.6-01]; Hồ sơ quản lý chuyên môn CSND [H1-1.6.02]; Hồ sơ quản lý chuyên môn GD [H1-1.6-03]; Hồ sơ quản lý tài sản cố định, tài chính [H1-1.6-04]; Hồ sơ quản lý bán trú [H1-1.6-05]. Sổ theo dõi công văn đi, đến và các văn bản, công văn, các loại hồ sơ, sổ sách được lưu trữ theo quy định tại Luật lưu trữ số 01/2011/QH13 ngày 11/11/2011. Ngoài ra còn có hồ sơ của Chi bộ, Công đoàn, Chi đoàn do các đồng chí Bí thư Chi bộ, Chủ tịch công đoàn và Bí thư chi đoàn lưu trữ theo đúng

vai trò trách nhiệm của tổ chức, đoàn thể trong nhà trường. Sau mỗi năm học hệ thống hồ sơ được BGH, nhân viên sắp xếp theo từng loại, lưu trữ theo quy định, mỗi loại hồ sơ đựng trong một cặp tài liệu có ghi nhãn đầy đủ, rõ ràng, thuận tiện cho việc tìm kiếm tài liệu, tra cứu sắp xếp hồ sơ sổ sách khoa học. Tuy nhiên văn thư nhà trường là NV kế toán kiêm nhiệm nên việc cập nhật, lưu trữ hồ sơ đôi khi chưa kịp thời **[H1-1.6-06]**.

Hàng năm, căn cứ vào quyết định giao dự toán ngân sách của UBND huyện Thanh Oai, nhà trường chỉ đạo bộ phận kế toán lập dự toán thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và CSVC **[H1-1.6-07]**; **[H1-1.6-08]**. Nhà trường xây dựng kế hoạch thu chi học phí và các khoản thu khác theo đúng quy định tại quyết định số 51/2013/QĐ-UBND ngày 22/11/2013 **[H1-1.6-09]**. Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường hàng năm được xây dựng, bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường đảm bảo sự minh bạch, dân chủ, công khai thông qua Hội nghị cán bộ công chức viên chức đầu năm học **[H1-1.6-10]**. Nhà trường thực hiện nghiêm túc công tác quyết toán, công khai và định kỳ kiểm tra tài chính, tài sản đảm bảo chính xác, đúng quy định; thực hiện nghiêm túc công tác công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 18/12/2017 và Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GDĐT quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở GD thuộc hệ thống GD quốc dân **[H1-1.6-11]**.

Hàng năm nhà trường đã thực hiện công tác quản lý tài chính, tài sản đúng mục đích, phù hợp với tình hình thực tế. NV kế toán lập dự toán tài chính, thực hiện kế hoạch chi lương, phụ cấp, đóng bảo hiểm xã hội, Công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp cho CBGVNV và chi thường xuyên đảm bảo thu đủ chi. Nhà trường thường xuyên kiểm kê, rà soát phân loại các ĐDDC bị hư hỏng cần thay thế hoặc mua mới từ đó lên kế hoạch sửa chữa, thay thế hoặc mua mới ĐDDC, các trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động GD. HT duyệt chi theo kế hoạch dự toán đúng quy định nên quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động GD **[H1-1.6-12]**.

Mức 2:

Kế toán nhà trường đã ứng dụng CNTT hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường; nhà trường đã sử dụng các phần mềm Kế toán, CSND, phần mềm tuyển sinh trực tuyến, phần mềm sử dụng dịch vụ công, sử dụng chữ ký số hàng năm có sự nâng cấp bảo trì. Các phần mềm đã phát huy hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản, giúp NV kế toán, đảm bảo độ chính xác tuyệt đối **[H1-1.6-13]**.

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán hồ sơ trình bày sạch sẽ, khoa học, mở sổ thường xuyên, dự toán khớp với thực tế [H1-1.6-14].

Mức 3:

Nhà trường đã xây dựng được kế hoạch thu chi hằng năm nhưng chưa xây dựng được kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương [H1-1.6-12].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống hồ sơ được lưu trữ theo quy định; lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành; quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích đáp ứng vừa đủ và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động CSGD; ứng dụng CNTT hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Trong 5 năm qua nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc, đúng quy định việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

## 3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có kế hoạch trung hạn và dài hạn để tạo ra nguồn tài chính.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện
- Xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo nguồn ngân sách tài chính.	Năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo	HT, kế toán.	- Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, nghiên cứu kỹ tình hình thực tế và xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn và tích cực làm tốt công tác tham mưu với các cấp để xin kinh phí cải tạo CSVC, mua sắm trang thiết bị phục vụ các hoạt động CSGD trẻ.

## 5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt

b	Đạt	b	Đạt	-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Không đạt	

### **Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên**

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường đều có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GVNV. Trong kế hoạch đã thể hiện rõ các nội dung bồi dưỡng về chuyên môn và nghiệp vụ cho GV: bồi dưỡng CNTT, cách xây dựng kế hoạch, thực hiện hồ sơ sổ sách, phương pháp dạy học tích cực theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm, phương pháp GD tiên tiến STEAM và hoạt động CSGD trẻ, bồi dưỡng cách đánh giá chuẩn nghề nghiệp GVMN. Đội ngũ NV được bồi dưỡng về kỹ năng chế biến món ăn và nhiều chuyên đề khác: PCTNTT, an toàn trường học, PCCN, phòng chống dịch bệnh, kỹ năng xử lý ban đầu các tai nạn thường gặp trong trường MN, cách giao tiếp với CMTE. BGH nhà trường đặc biệt quan tâm tới công tác bồi dưỡng tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, phong cách nhà giáo, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và công tác phát triển đảng viên trong nhà trường và sắp xếp thời gian cho các Đ/c tham gia lớp bồi dưỡng đầy đủ và có hiệu quả [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02].

Nhà trường phân công, sử dụng CBGVNV rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động. Vào đầu năm học BGH họp dự kiến phân công nhiệm vụ cho CBGVNV, sau đó họp hội đồng sư phạm để thống nhất chuyên môn. HT ra quyết định phân công công việc của từng Đ/c phù hợp với năng lực, vị trí công tác theo Thông tư 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023, phân công rõ ràng nhiệm vụ Đ/c HT Đào Thị Năm phụ trách chung, nhân sự, thi đua khen thưởng, xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường, công tác công khai, kiểm tra nội bộ

trường học, CSVN, công tác đánh giá GVMN theo chuẩn nghề nghiệp, đánh giá viên chức và người lao động hằng tháng và cuối năm. Đ/c PHT Lê Thị Kim Hoàn phụ trách công tác chuyên môn GD trẻ, phổ cập, tuyển sinh, các cuộc vận động ủng hộ, phong trào thi đua, công tác kiểm định chất lượng. Đ/c PHT Hoàng Thị Nga phụ trách CSND, thống kê, báo cáo, cấp phát học phẩm, VSATTP, PCTNTT, công tác truyền thông và công tác XHH. Với vị trí việc làm gắn với hoạt động nghề nghiệp chuyên môn đã phân công GV dạy các lớp phù hợp với trình độ năng lực, GV thực hiện tốt các nhiệm vụ CSGD trẻ theo Chương trình GDMN, đảm bảo an toàn sức khỏe, tính mạng cho trẻ. Tuy nhiên có một số GV đang ở độ tuổi sinh đẻ và nuôi con nhỏ (nghỉ thai sản, nghỉ con ốm) nên đôi khi ảnh hưởng đến việc sắp xếp, bố trí nhân sự các nhóm lớp. NV nuôi dưỡng được phân công thực hiện tuân thủ các quy định về VSATTP trong chế biến nấu ăn cho trẻ, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm đối với trẻ. Đ/c Lưu Thị Đông NV y tế phụ trách y tế học đường kiêm thủ quỹ; Đ/c NV kế toán lập dự toán, thanh toán, quyết toán, thực hiện thu chi đúng quy định, theo dõi kiểm kê tài sản của toàn trường kiêm văn thư, tổ trưởng tổ văn phòng làm nhiệm vụ cập nhật, lưu trữ các công văn đi, đến, báo cáo công tác tài chính; 01 Đ/c NV bảo vệ hợp đồng lao động theo Nghị định 111 được phân công đảm nhiệm công tác ANTT, an toàn trường học. Thủ quỹ nhà trường chịu trách nhiệm quản lý tiền mặt của nhà trường, kiểm kê quỹ hằng tháng, chi tiền khi có hóa đơn chứng từ hợp lệ, chữ ký duyệt của HT, chữ ký của người nộp, người lĩnh. Thu và cấp phát tiền đảm bảo chính xác đúng đối tượng, đủ số lượng, theo đúng phiếu hay danh sách đã được chủ tài khoản ký duyệt **[H1-1.7-03]**.

CBQL, GVNV được đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ quản lý, nuôi dưỡng, CSGD trẻ em. Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, được hưởng lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật. Được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần và được chăm sóc, khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm **[H1-1.7-04]**. CBGVNV được tôn trọng, bảo vệ nhân phẩm, danh dự, được tự chủ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn và nhà trường **[H1-1.7-05]**. Được tăng lương trước thời hạn, tăng lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên, khen thưởng tặng danh hiệu thi đua và các danh hiệu khác theo quy định **[H1-1.7-06]**; **[H1-1.7-07]**. Hằng năm CBGVNV đều được và công đoàn nhà trường tổ chức cho CBGVNV đi tham quan học tập tại các tỉnh trong dịp nghỉ hè **[H1-1.7-08]**.

#### Mức 2:

Nhà trường có biện pháp để phát huy được năng lực của CBQL, GVNV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng GD nhà trường: Xây dựng quy chế

chuyên môn, kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ hàng năm [H1-1.7-01]. Tạo điều kiện cho CBGVNV tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H1-1.7-02]. Nhà trường phân công nhiệm vụ hợp lý đối với mỗi CBQL, GVNV, có chế độ khen thưởng kịp thời đối với những cá nhân xếp loại tốt, có SKKN xếp loại cấp trường, cấp huyện, đạt danh hiệu lao động tiên tiến trở lên để khích lệ tinh thần cho đội ngũ CBGVNV [H1-1.7-06].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho CBGVNV phù hợp với trình độ chuyên môn và năng lực của từng Đ/c, có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho CBGVNV hàng năm, do đó đã phát huy được thế mạnh của các cá nhân góp phần đẩy mạnh phong trào CSGD trong nhà trường. Đảm bảo các quyền lợi hợp pháp cho CBGVNV theo quy định và động viên khen thưởng kịp thời.

## 3. Điểm yếu

Một số GV đang ở độ tuổi sinh đẻ và nuôi con nhỏ (nghỉ thai sản, nghỉ con ốm) nên đôi khi ảnh hưởng đến việc sắp xếp, bố trí nhân sự các nhóm lớp.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện
- Duy trì hàng năm việc xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBGVNV. - Phân công, sử dụng CBGVNV hợp lý, đảm bảo các quyền lợi, đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường.	Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo	BGH, BCH công đoàn; tổ trưởng các tổ chuyên môn.	- Thực hiện sự phối hợp chặt chẽ giữa các tổ, bộ phận trong nhà trường để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBGVNV. Tạo điều kiện cho CBGVNV học bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn. - Tiếp tục phân công nhiệm vụ cho CBGVNV phù hợp với năng lực và vị trí việc làm.

## 5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-	-
b	Đạt	-	-	-	-



c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		-	

### **Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục**

Mức 1:

a) *Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*

b) *Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*

c) *Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

*Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.*

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường thực hiện các hoạt động giáo dục trẻ theo văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ GDĐT về Ban hành chương trình GDMN. Hằng năm, căn cứ vào hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học và quy chế chuyên môn của Sở GDĐT Hà Nội và phòng GDĐT Thanh Oai nhà trường xây dựng kế hoạch GD từng năm học, kế hoạch năm học của từng độ tuổi nhà trẻ, mẫu giáo; 12/12 nhóm lớp có kế hoạch GD tháng, kế hoạch GD ngày. Đồng thời kế hoạch GD nhà trường còn được căn cứ và thực hiện theo điều kiện CSVC, đội ngũ, điều kiện kinh tế - xã hội ở địa phương, nhận thức của trẻ trong nhà trường. Kế hoạch nhiệm vụ năm học được phòng GD phê duyệt, nhà trường nghiêm túc thực hiện đầy đủ kế hoạch đã xây dựng **[H1-1.8-01]**.

Căn cứ vào kế hoạch GD của nhà trường, kế hoạch hoạt động GD cho các độ tuổi từ nhóm trẻ 24 - 36 tháng tuổi, mẫu giáo của 3 độ tuổi theo đúng quy định. Các tổ chuyên môn và GV xây dựng kế hoạch GD nhóm lớp thời gian thực hiện 35 tuần/năm học: Kế hoạch tháng, tuần, ngày được tổ chức thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, trong kế hoạch đưa đầy đủ 4 lĩnh vực phát triển của trẻ nhà trẻ và 5 lĩnh vực phát triển của trẻ mẫu giáo theo quy định, đồng thời đưa các hoạt động vệ sinh, ăn ngủ, hoạt động góc, hoạt động ngoài trời, hoạt động chiều của trẻ tại trường. Tuy nhiên một số GV chưa linh hoạt, sáng tạo trong lồng ghép các phương pháp GD tiên tiến vào tổ chức hoạt động dạy trẻ **[H1-1.8-02]**.

Hằng tháng BGH, tổ chuyên môn rà soát các nội dung GD duyệt trước 1 tuần điều chỉnh nội dung thiếu, không phù hợp để góp ý bổ sung các nội dung bài dạy trước khi tổ chức thực hiện **[H1-1.8-01]**. Trong khi thực hiện kế hoạch GD

tại các nhóm lớp, BGH thường xuyên dự giờ, rút kinh nghiệm cho GV về các nội dung bài dạy. Cuối học kỳ 1 và cuối năm, kế hoạch GD của nhà trường được rà soát các mục tiêu, nội dung ngân hàng GD trẻ, đánh giá kết quả GV thực hiện và điều chỉnh những mục tiêu, nội dung không phù hợp để năm học sau GV thực hiện cho tốt hơn [H1-1.8-02];[H1-1.8-03].

Mức 2:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học, hằng năm kiện toàn Ban kiểm tra nội bộ, hằng tháng ban hành quyết định kiểm tra hoạt động GD, kiểm tra toàn diện, kiểm tra chuyên đề, kiểm tra công tác y tế học đường, công tác CSND, kiểm tra VSATTP, kiểm tra đột xuất. Sau đợt kiểm tra ghi biên bản, có kết luận và thông báo kết quả kiểm tra cho từng đối tượng [H1-1.8-04]. Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động CSGD trẻ được phòng GD huyện Thanh Oai đánh giá thực hiện nghiêm túc, đạt hiệu quả [H1-1.8-05].

## 2. Điểm mạnh

Kế hoạch GD phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Kế hoạch GD được thực hiện đầy đủ, được thường xuyên rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời. Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động CSND và GD trẻ được phòng GDĐT huyện Thanh Oai đánh giá đạt hiệu quả.

## 3. Điểm yếu

Một số GV chưa linh hoạt, sáng tạo trong lồng ghép các phương pháp GD tiên tiến vào tổ chức hoạt động dạy trẻ.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện
- Duy trì và phát huy hiệu quả công tác quản lý để nâng cao chất lượng CSGD trẻ - Tăng cường công tác bồi dưỡng cho đội ngũ về xây dựng kế hoạch hoạt động, bồi dưỡng kỹ năng thiết kế các phương tiện để tổ chức hoạt động GD linh hoạt, sáng tạo.	Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo.	HT, PHT phụ trách GD, tổ trưởng, tổ phó chuyên môn, GV.	BGH, tổ chuyên môn có kế hoạch bồi dưỡng cho GV về xây dựng kế hoạch hoạt động, bồi dưỡng kỹ năng thiết kế các phương tiện, lồng ghép các phương pháp GD tiên tiến để tổ chức hoạt động dạy trẻ linh hoạt, sáng tạo. - Tăng cường dự giờ, thăm lớp bồi dưỡng chuyên môn trực tiếp cho GV.

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-	
b	Đạt	-		-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt			

**Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở**

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Căn cứ vào Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ GDĐT hướng dẫn thực hiện dân chủ trong nhà trường. Hằng năm CBGVNV được tham gia đóng góp ý kiến về những nội dung kế hoạch trong nhà trường như: Kế hoạch phát triển GD, tuyển sinh, bồi dưỡng chuyên môn, xây dựng CSVC trong nhà trường, quy chế chi tiêu, QCDC và các báo cáo sơ kết, tổng kết. Tham gia ý kiến chủ trương, chính sách, chế độ của Đảng, Nhà nước đối với Nhà giáo, những quy định sử dụng tài sản, các khoản thu của trẻ em, giải quyết chế độ quyền lợi cho CBGVNV và được niên yết tại bảng tin nội bộ lấy ý kiến thảo luận, đóng góp cho bản dự thảo **[H1-1.9-01]**. Sau khi lấy ý kiến đóng góp cho bản dự thảo nhà trường hoàn thiện bản QCDC và tiếp tục đưa ra lấy ý kiến của 100% CBGVNV tại cuộc họp hội đồng sư phạm nhà trường và trong hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đầu năm. Tuy nhiên, một số ít GVNV trong nhà trường chưa mạnh dạn, chủ động phát biểu nêu ý kiến xây dựng các quy chế, kế hoạch của nhà trường. **[H1-1.9-02]; [H1-1.9-03]**.

Tập thể nhà trường, nhất là Đ/c HT luôn lắng nghe, tiếp thu các ý kiến cá nhân góp ý và bàn bạc với BGH trong nhà trường trước khi quyết định hoặc xử

lý một việc gì đó đều thấu tình, đạt lý. Mọi người trong trường đều được bình đẳng, tôn trọng, công bằng, dân chủ nên trong những năm học qua nhà trường không có phản ánh, khiếu nại, tố cáo [H1-1.9-01]; [H1-1.9-04].

Hàng năm, nhà trường đều có báo cáo thực hiện QCDC cơ sở tập trung vào các nội dung: Báo cáo quá trình triển khai thực hiện quy chế (Việc tổ chức tuyên truyền thực hiện quy chế, vai trò và trách nhiệm của Chi bộ, chính quyền và các đoàn thể), đánh giá kết quả thực hiện quy chế (công tác sinh hoạt, công khai kế hoạch), công tác chính trị, đạo đức, tác phong và thực hành pháp luật, đánh giá xếp loại thi đua khen thưởng, công khai thực hiện các chế độ, quyền lợi của CBGVNV, công khai tài chính của nhà trường và kinh phí của ban đại diện CMTE. Từ đó nhà trường đánh giá các nội dung công tác đã làm được, các nội dung chưa làm được và tìm ra các giải pháp khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt kế hoạch [H1-1.9-05].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện nghiêm túc các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện QCDC của nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, được thông qua hình thức dân chủ trực tiếp, thông qua các cuộc họp Chi bộ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên. Ban thanh tra nhân dân trong nhà trường thành lập tổ giám sát về những chủ trương, chính sách, chế độ của Đảng và Nhà nước, các quy định về sử dụng tài sản, xây dựng CSVC của nhà trường trong năm học, chất lượng VSATTP, CSGD trẻ [H1-1.9-04]. Thực hiện tốt 3 công khai: Công khai kết quả chất lượng GD, công khai điều kiện đảm bảo chất lượng nhà trường, công khai thu chi tài chính các khoản đóng góp của trẻ em, công khai công tác tuyển sinh tại bảng tin và trong các buổi họp hội đồng sư phạm nhà trường. Mọi hoạt động, chế độ, chính sách của nhà trường đều được đưa ra bàn bạc công khai, lấy ý kiến biểu quyết và thống nhất trong toàn trường. Hàng năm, nhà trường tổ chức hội nghị đối thoại giữa HT với đại diện CBGVNV và CMTE 01 lần/năm học. Do vậy mọi hoạt động của nhà trường đều thực hiện đạt kết quả tốt [H1-1.9-02]; [H1-1.9-05].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện tốt QCDC, các nội dung công khai được thực hiện nghiêm túc. Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện QCDC của nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, được thông qua hình thức dân chủ trực tiếp, thông qua các tổ chức, chi bộ, Công đoàn, đoàn Thanh niên. Ban Thanh tra nhân dân hoạt động có hiệu quả. Hàng năm đều có báo cáo sơ kết và tổng kết về thực hiện QCDC trong nhà trường. CBGVNV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy chế.

### 3. Điểm yếu

Một số ít GVNV trong nhà trường chưa mạnh dạn, chủ động phát biểu nêu ý kiến xây dựng các quy chế, kế hoạch của nhà trường.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện
- Tiếp tục phát huy tốt hơn nữa việc thực hiện QCDC trong nhà trường. - Phát huy tính dân chủ, sự tự tin, mạnh dạn của GVNV.	Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo	HT, CBGVNV trong nhà trường.	- Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, tuyên dương khen thưởng kịp thời. - Các quy chế, kế hoạch của nhà trường trước khi tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hàng năm khi gửi dự thảo trước cho CBGVNV và yêu cầu mỗi Đ/c cần đóng góp vào mục tiêu, phương hướng. Bồi dưỡng cho đội ngũ về kỹ năng giao tiếp, tự tin, mạnh dạn phát biểu trước hội nghị.

### 5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-	-
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		-	

#### Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

##### Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, NV và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

##### Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Căn cứ vào Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 quy định về trường học an toàn, PCTNTT trong cơ sở GDMN. Đầu năm học, nhà trường giao cho NV y tế kết hợp với CBQL xây dựng phương án phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm trong nhà trường, chỉ đạo nghiêm túc thực hiện theo kế hoạch y tế trường học, phòng chống dịch bệnh. Xây dựng kế hoạch PCTNTT hằng năm, xây dựng phương án bảo đảm VSATTP. Đồng thời, thực hiện nghiêm túc việc đánh giá nhà trường theo bảng kiểm bếp ăn, xây dựng trường học an toàn [H1-1.10-01]. Xây dựng phương án phòng chống cháy nổ đã được công an PCCN của huyện phê duyệt. Nhà trường có đầy đủ hệ thống và các dụng cụ cần thiết để phòng khi có hỏa hoạn xảy ra. Phân công bố trí GVNV tham gia lớp tập huấn công tác phòng chống cháy nổ do nhà trường tổ chức [H1-1.10-02]. Xây dựng phương án an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai, phương án bảo đảm ANTT, phòng chống các tệ nạn xã hội, phòng chống bạo lực trong nhà trường trên cơ sở phối hợp giữa công an địa phương, Ban đại diện CMTE và các lực lượng khác [H1-1.10-02]. Thực hiện nghiêm túc việc ký hợp đồng thực phẩm với 100% các đơn vị cung ứng thực phẩm có uy tín, có chất lượng tốt để đảm bảo an toàn cho trẻ, giao nhận thực phẩm đúng quy định, chế biến đảm bảo đúng thực đơn, đúng quy trình một chiều. Bếp ăn được cam kết đảm bảo ATTP do trung tâm Y tế huyện Thanh Oai xác nhận [H1-1.10-03]. Trong các năm học không xảy ra trường hợp ngộ độc thực phẩm và không có lây lan bệnh dịch, trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần khi đến trường. Hằng năm nhà trường có tổng kết rút kinh nghiệm về công tác ANTT trong nhà trường. Do 97,7% CBGVNV là nữ nên việc tập huấn về công tác phòng cháy chữa cháy gặp nhiều khó khăn [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05].

Nhà trường có hộp thư góp ý, sổ tiếp công dân để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của CMTE, GVNV và cộng đồng. Các nhóm lớp đều lập Zalo nhóm lớp để tiếp nhận thông tin trao đổi và phối hợp giữa nhà trường, GV

và CMTE. Số điện thoại của HT, PHT và của Công an xã được thông báo công khai số điện thoại, đường dây nóng để CMTE tiện liên lạc trao đổi các giải pháp thực hiện nhằm đảm bảo an toàn cho CBQL, GVNV và trẻ; hằng năm không có phản ánh, đơn thư trong nhà trường [H1-1.10-06]; [H1-1.10-07].

Trong nhiều năm qua nhà trường đã luôn thực hiện tốt mục tiêu CSGD trẻ, mỗi cá nhân đều nghiêm túc xây dựng giá trị của trường “Trường học hạnh phúc, lớp học hạnh phúc, trẻ được hạnh phúc, vui vẻ và yêu thương”, tuyệt đối không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.10-04].

Mức 2:

Nhà trường phổ biến, hướng dẫn cho tất cả CBQL, GVNV và trẻ em thực hiện phương án: Đảm bảo ANTT, VSATTP, an toàn PCTNTT, an toàn PCCN, an toàn phòng chống thảm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, phòng chống các tệ nạn xã hội, phòng chống bạo lực trong nhà trường, thông qua các cuộc họp của nhà trường và các hoạt động GD trẻ hằng ngày. Nhà trường lồng ghép GD kỹ năng sống qua các đề tài “Dạy kỹ năng thoát hiểm khi có hỏa hoạn xảy ra cho trẻ”, “Dạy trẻ kỹ năng phòng chống dịch đau mắt đỏ”, “Dạy trẻ kỹ năng phòng chống xâm hại trẻ em” ở mọi lúc mọi nơi. Qua các hoạt động này trẻ nhận biết được những dấu hiệu khi có sự nguy hiểm và cách bảo vệ bản thân [H1-1.10-01].

BGH thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động của GVNV qua công việc CSGD trẻ hằng ngày theo kế hoạch kiểm tra nội bộ, kiểm tra đột xuất để phát hiện và xử lý, điều chỉnh kịp thời những biểu hiện, nguy cơ về bạo lực học đường. Kiểm tra lịch trực, giao ban, công tác bảo vệ trong nhà trường, để đảm bảo công tác an ninh trật tự trong trường học. Chính vì vậy, trong nhiều năm qua trong trường không xảy ra tình trạng bạo lực học đường, an ninh trật tự luôn được đảm bảo [H1-1.8-04].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã xây dựng và thực hiện tốt phương án đảm bảo an ninh trật tự, VSATTP, an toàn PCTNTT, an toàn PCCN, an toàn phòng chống dịch bệnh và phòng chống bạo lực trong nhà trường. Trong nhiều năm qua nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường, đảm bảo an toàn cho CBGVNV và trẻ trong nhà trường.

## **3. Điểm yếu**

97,7% CBGVNV là nữ nên việc tập huấn về công tác phòng cháy chữa cháy gặp nhiều khó khăn.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

<b>Nội dung</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Người thực hiện</b>	<b>Giải pháp thực hiện</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Duy trì xây dựng phương án và thực hành phòng chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn cho trẻ</li> <li>- Tăng cường kiểm tra, giám sát và phối kết hợp với các phòng ban của công an PCCC huyện, xã tổ chức cho CBGVNV tập huấn về công tác PCCC thường xuyên.</li> </ul>	Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo	BGH, GVNV	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo an ninh trật tự trong nhà trường, đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của CMTE, CBGVNV về Hiến pháp, pháp luật, quyền bình đẳng, chống tình trạng bạo lực trong nhà trường.</li> <li>- Phối hợp với công an PCCC huyện, xã thực hiện phương án PCCC chi tiết, cụ thể. Xây dựng kế hoạch thực tập phương án theo đặc thù nhà trường.</li> </ul>

### **5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/không đạt	Chỉ báo	Đạt/không đạt	Chỉ báo	Đạt/không đạt
a	Đạt	a	Đạt	-	
b	Đạt	b	Đạt	-	
c	Đạt			-	
Đạt		Đạt			

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 1**

Trường MN Kim Thụ có cơ cấu tổ chức bộ máy đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường MN, có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2017-2020; 2021-2025 phù hợp với điều kiện kinh tế, chính trị của địa phương và yêu cầu thực tế của nhà trường. Các tổ chức, đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường được thành lập theo quy định và hoạt động hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng CSND và GD trẻ. Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho người lao động. Nhà trường thực hiện tốt QCDC tại cơ sở, không có đơn, thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh về nhà trường. Hằng năm, nhà trường thực hiện tốt công tác quản lý hành chính, quản lý các hoạt động GD, quản lý cán bộ, quản lý trẻ và thực hiện tốt các phong trào thi đua do cấp trên phát động. Hệ thống hồ sơ sổ sách đầy đủ theo quy định, sắp xếp gọn gàng, khoa



học, thực hiện nghiêm túc việc lưu trữ văn bản. Nhà trường có nhiều biện pháp tích cực trong việc đảm bảo an ninh trường học, đảm bảo an toàn cho CBGVNV và trẻ em. Bên cạnh những kết quả đã đạt được nhà trường còn một số hạn chế như: Công tác xây dựng chiến lược của nhà trường chưa có sự góp ý rộng rãi của CMTE và cộng đồng; Hoạt động Đoàn TNCS HCM còn khó khăn về thời gian họp, nội dung sơ sài và kinh phí hoạt động của Chi Đoàn hạn hẹp. Nhà trường chưa có kế hoạch dài hạn, trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương; Một số buổi sinh hoạt của các tổ chuyên môn và họp hàng tháng của tổ văn phòng nội dung, hình thức chưa phong phú. Tinh thần phê và tự phê còn hạn chế. Một số lớp MG 3 tuổi vượt quá số trẻ/lớp so với quy định của Điều lệ trường MN. Một số GV đang ở độ tuổi sinh đẻ và nuôi con nhỏ (nghỉ thai sản, nghỉ con ốm) nên đôi khi ảnh hưởng đến việc sắp xếp, bố trí nhân sự các nhóm lớp. Một số GV chưa linh hoạt, sáng tạo lồng ghép các phương pháp GD tiên tiến vào tổ chức hoạt động dạy trẻ; chưa mạnh dạn, chủ động phát biểu nêu ý kiến xây dựng các quy chế, kế hoạch của nhà trường. 97,7% CBGVNV là nữ nên việc tập huấn về công tác PCCC gặp nhiều khó khăn.

**\* Tự đánh giá:**

- Mức 1:

- + Số lượng tiêu chí đạt 10/10
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/10.

- Mức 2:

- + Số lượng tiêu chí đạt 10/10
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/10.

- Mức 3:

- + Số lượng tiêu chí đạt 3/5
- + Số lượng tiêu chí không đạt 2/5

**Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.**

**Mở đầu:**

CBQL nhà trường có 03 Đ/c đạt trình độ chuyên môn trên chuẩn. 01 Đ/c đang học thạc sĩ quản lý GD. Các Đ/c có trình độ chuyên môn vững vàng, có phẩm chất đạo đức và năng lực quản lý tốt, có các văn bằng chứng chỉ theo quy định của pháp luật. Đội ngũ CBGVNV đảm bảo đủ số lượng, hợp lý về cơ cấu theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 và Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 31/10/2023 của Bộ GDĐT, Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở GDMN công lập. Đội ngũ GVNV có trình

độ chuyên môn nghiệp vụ đều đạt chuẩn 100% và trên chuẩn 96,4%, khả năng sư phạm tốt, nhiệt tình trong công tác, ý thức trách nhiệm cao, tận tụy trong công việc, luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, có sự đoàn kết, nhất trí, có ý thức kỷ luật tốt trong công tác tổ chức, điều hành công việc, năng động và sáng tạo trong thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ứng dụng CNTT và phương pháp GD tiên tiến trong CSGD trẻ, đáp ứng yêu cầu của xã hội về phát triển GDMN. Hằng năm, đội ngũ CBGVNV của nhà trường được đánh giá xếp loại đảm bảo theo yêu cầu.

### **Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.**

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

HT và các PHT nhà trường được bổ nhiệm theo quy trình hướng dẫn của Ban tổ chức huyện ủy và UBND huyện Thanh Oai. HT và các PHT có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh không vi phạm đạo đức nhà giáo, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhiều năm là GV giỏi cấp huyện, cấp tỉnh (thành phố), chiến sỹ thi đua cơ sở trước khi làm công tác quản lý. Đ/c HT Đào Thị Năm được bổ nhiệm lại theo quyết định 4919/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 có thời gian công tác liên tục trong ngành GDMN 29 năm, trong đó có 15 năm làm công tác quản lý. Đ/c PHT phụ trách GD Lê Thị Kim Hoàn được điều động luân chuyển công tác về trường theo quyết định 4105/QĐ-UBND ngày 31/5/2023 có 22 năm công tác liên tục trong ngành GDMN trong đó có 16 năm làm công tác quản lý. Đ/c PHT phụ trách CSND Hoàng Thị Nga được điều động luân chuyển công tác về trường theo quyết định 12885/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 có 24 năm

công tác liên tục trong ngành GDMN trong đó có 09 năm làm công tác quản lý. HT và các PHT nhà trường đạt tiêu chuẩn theo quy định có trình độ đại học chuyên ngành GDMN phù hợp với vị trí lãnh đạo quản lý, có chứng chỉ bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý GD, quản lý nhà nước, có bằng trung cấp lý luận chính trị hành chính, có chứng chỉ trình độ tin học ứng dụng CNTT, chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh B, A2; có chứng chỉ bồi dưỡng GVMN hạng II theo quy định về chức danh nghề nghiệp. Đ/c HT đang học thạc sĩ quản lý GD [**H2-2.1-01**]. Các Đ/c HT và PHT có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, năng động, sáng tạo trong công tác quản lý, có khả năng ứng dụng CNTT trong công tác quản lý và chỉ đạo chuyên môn tốt, có sức khỏe tốt để làm việc [**H2-2.1-02**].

Hàng năm cả 03 đ/c trong BGH đều được đánh giá chuẩn HT, PHT theo thông tư 25/2018/TT-BGDĐT vào dịp cuối năm học. Chu kỳ 2 năm/1 lần Trường phòng GDĐT đào tạo chủ trì đánh giá HT, HT đánh giá PHT. Kết quả đánh giá năm 2019-2020; 2021-2022; 2023-2024 Đ/c HT được phòng GDĐT đánh giá xếp loại Tốt, các Đ/c PHT được HT đánh giá xếp loại tốt [**H2-2.1-02**].

HT và các PHT thường xuyên được tham gia các lớp tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý GD theo quy định như: Bồi dưỡng phương pháp giảng dạy tiên tiến với các chuyên gia, giảng viên có uy tín, xây dựng môi trường GD lấy trẻ làm trung tâm, PCTNTT, PCCN, GD tình yêu thương và kỹ năng tự phục vụ, phòng chống dịch bệnh và VSATTP, đổi mới hình thức tổ chức lĩnh vực phát triển ngôn ngữ, nhận thức, các chuyên đề chuyên môn nghiệp vụ theo kế hoạch của ngành GDĐT Thành phố và huyện tổ chức [**H1-1.7-02**]; [**H2-2.1-01**].

#### Mức 2:

Trong 5 năm đến thời điểm đánh giá đồng chí HT Đào Thị Năm, 2 Đ/c PHT Lê Thị Kim Hoàn và Hoàng Thị Nga đều được thực hiện đánh giá xếp loại theo quy định chuẩn HT và PHT. Kết quả đánh giá HT và 02 Đ/c PHT đều được xếp loại Tốt theo chuẩn HT [**H2-2.1-02**].

Các Đ/c trong BGH có trình độ trung cấp lý luận chính trị theo quy định. Hàng năm HT và các PHT đều được tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chính trị trong dịp hè như: Tham gia nghe thời sự trong nước và nước ngoài; tình hình biển đảo Việt Nam; tình hình kinh tế chính trị huyện Thanh Oai, học tập các nghị quyết Trung ương [**H2-2.1-01**]. Đ/c HT và PHT đều là những CBQL gương mẫu, có phẩm chất đạo đức tốt được GVNV trong trường tín nhiệm. Tuy nhiên khả năng giao tiếp bằng Tiếng Anh còn hạn chế [**H2-2.1-02**].

#### Mức 3:

Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, trong 05 năm liên tiếp

Đ/c HT và 02 Đ/c PHT đều được xếp đánh giá xếp loại theo quy định chuẩn HT và PHT. Kết quả đánh giá Đ/c HT và 02 Đ/c PHT đều được xếp loại Tốt theo chuẩn HT [H2-2.1-02].

## 2. Điểm mạnh

HT và các PHT đều có kinh nghiệm nhiều năm làm công tác quản lý GDMN, 100% có trình độ chuyên môn trên chuẩn. Đ/c HT và 02 Đ/c PHT có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, năng động, sáng tạo trong công tác quản lý, được CBGVNV trong nhà trường tín nhiệm. Trong 05 năm liên tục từ 2019-2020 đến nay Đ/c HT và 02 Đ/c PHT đều được đánh đạt chuẩn nghề nghiệp đạt mức Tốt.

## 3. Điểm yếu

Khả năng giao tiếp Tiếng Anh của HT, PHT còn hạn chế.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện
- BGH tiếp tục phấn đấu trong những năm học tiếp theo xếp loại chuẩn HT, PHT trường đạt mức tốt. - HT, các PHT tiếp tục tăng cường công tác tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý và chủ động học tiếng Anh.	Năm 2024 - 2025 và các năm tiếp theo.	- BGH	- BGH chủ động, sáng tạo trong công tác quản lý, điều hành hoạt động theo nhiệm vụ được giao. - Sắp xếp thời gian, kinh phí cá nhân hợp lý để tham gia học tập, bồi dưỡng.

## 5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/không đạt	Chỉ báo	Đạt/không đạt	Chỉ báo	Đạt/không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt		
c	Đạt				
Đạt		Đạt		Đạt	

**Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên**

Mức 1:

- a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên

Mức 2:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường khó khăn ít nhất đạt 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn đào tạo được duy trì, ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non ở mức đạt trở lên, trong đó 60% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với những trường thuộc vùng khó khăn.
- c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%; đối với các trường khó khăn đạt ít nhất 50%;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với các trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non ở mức tốt.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có đủ số lượng GV theo quy định tại Thông tư 06/2015/TTLT- BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 và Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 31/10/2023 GV hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện chương trình GDMN theo quy định. Năm học 2024-2025 nhà trường có 28 GV. Trong đó có 08 GV nhà trẻ dạy 03 nhóm đảm bảo 2,7 GV/nhóm, 20 GV mẫu giáo dạy 09 nhóm lớp mẫu giáo đảm bảo 2,2 GV/lớp [**H1-1.7- 03**]; [**H2-2.2- 01**].

Nhà trường có 100% GV đạt chuẩn trình độ Cao đẳng sư phạm GDMN theo quy định của Thông tư 01/2021/BGDĐT về chức danh nghề nghiệp GVMN và GV có trình độ trên chuẩn (Đại học sư phạm MN) đạt 96,4% [**H2-2.2- 02**].

Hàng năm, nhà trường thực hiện đánh giá chuẩn nghề nghiệp GVMN theo Thông tư 26/2018/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT có 100% GV xếp loại khá trở lên, có từ 50% xếp loại xuất sắc, không có GV xếp loại trung bình, kèm theo quy định về chuẩn nghề nghiệp GVMN [H2-2.2-03]; [H1-1.2-11].

Mức 2:

Nhà trường luôn tạo điều kiện tốt nhất cho GV đi học để nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Chính vì vậy tỷ lệ GV có trình độ trên chuẩn được nâng lên theo từng năm học cụ thể như sau: Năm học 2020-2021 nhà trường có 29 GV trong đó có 26/29 GV có trình độ trên chuẩn chiếm tỷ lệ 89,7%; Năm học 2021-2022 nhà trường có 29 GV trong đó có 27/29 GV có trình độ trên chuẩn chiếm tỷ lệ 93,1%; Năm học 2022-2023 nhà trường có 29 GV trong đó có 27/29 GV có trình độ trên chuẩn chiếm tỷ lệ 93,1%; Năm học 2023-2024 nhà trường có 29 GV, trong đó 28/29 GV đạt trình độ trên chuẩn chiếm tỷ lệ 96,5%; Năm học 2024-2025 nhà trường có 28 GV trong đó có 27/28 GV có trình độ trên chuẩn chiếm tỷ lệ 96,4%. Tuy nhiên một số Đ/c GV còn hạn chế về giao tiếp Tiếng Anh [H2-2.2- 01]; [H2-2.2-02].

Trong 05 năm liên tiếp nhà trường có 100% GV được đánh giá xếp loại theo quy định về Chuẩn nghề nghiệp GVMN theo chu kỳ 2 năm 1 lần. 100% GV được xếp loại từ mức khá trở lên cụ thể: Năm học 2019-2020 có 8/34 xếp loại tốt đạt 23,5%; 26/34 xếp loại khá đạt 76,5%; Năm học 2021-2022 có 9/29 xếp loại tốt đạt 31%; 20/29 xếp loại khá đạt 69%; Năm học 2023-2024 có 20/29 xếp loại tốt đạt 69%; 9/29 xếp loại khá đạt 31% [H2-2.2-03]; [H1-1.2-11].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có GV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.2-11].

Mức 3:

Năm học 2024-2025 số GV của nhà trường đạt trình độ đào tạo trên chuẩn là 27/28 GV đạt 96,4% vượt yêu cầu chỉ báo [H2-2.2-02].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỉ lệ GV đạt chuẩn nghề nghiệp GVMN ở mức khá trở lên là 100%. Trong đó có từ 31- 69% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GVMN ở mức tốt [H2-2.2-03].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ số lượng GV theo quy định, 100% GV đạt chuẩn trình độ Cao đẳng sư phạm GDMN theo quy định của Thông tư 01/2021/BGDĐT về chức danh nghề nghiệp GVMN và GV có trình độ trên chuẩn (Đại học sư phạm MN) đạt 96,4%. 100% GV được đánh giá xếp loại theo quy định về Chuẩn nghề nghiệp GVMN do Bộ GDĐT ban hành kết quả đạt 100% xếp loại khá trở lên, xếp loại tốt từ 23,5% - 69%.

### 3. Điểm yếu

Còn một số Đ/c GV còn hạn chế về giao tiếp Tiếng Anh.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Người thực hiện	Thời gian thực hiện	Giải pháp thực hiện
- Một số Đ/c GV còn hạn chế về giao tiếp tiếng Anh.	- BGH - GV	Năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo	- Động viên khuyến khích GV tham gia các lớp học để nâng cao khả năng giao tiếp tiếng Anh

### 5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/không đạt	Chỉ báo	Đạt/không đạt	Chỉ báo	Đạt/không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	c	Đạt	-	
Đạt		Đạt		Đạt	

### Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm bảo các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu đảm bảo theo quy định;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;
- b) Hằng năm được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

### 1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có 12 Đ/c NV gồm 02 NV biên chế (kế toán và y tế), 10 NV hợp đồng. Trong đó Đ/c NV kế toán kiêm công tác văn thư lưu trữ; 01 NV y tế kiêm nhiệm công tác thủ quỹ; 01 NV phục vụ; 08 NV nuôi dưỡng; 01 NV bảo vệ đảm nhiệm các nhiệm vụ do HT phân công [H1-1.7-03]; [H2-2.2-01].

Căn cứ vào Điều 4 của danh mục khung vị trí việc làm tại Thông tư 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV và Thông tư 19/2023/TT-BGDĐT ngày 31/10/2023, căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học trước và năng lực, trình độ của NV để HT nhà trường phân công nhiệm vụ theo quy định: Đ/c kế toán thực hiện các nhiệm vụ về công tác tài chính, thu chi, thực hiện chế độ chính sách của CBGVNV và của trẻ, NV y tế thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe trẻ, đảm bảo phòng chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường, PCTNTT, kiêm thủ quỹ; 08 Đ/c NV nuôi dưỡng thực hiện nhiệm vụ chế biến nấu ăn cho trẻ và Công đoàn, tham gia xây dựng thực đơn và đảm bảo VSATTP; 01 Đ/c NV phục vụ chịu trách nhiệm về công tác vệ sinh môi trường, 01 Đ/c NV bảo vệ phụ trách về an toàn, an ninh trong trường **[H1-1.7-03]**.

Các Đ/c NV trong trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao theo quy định tại Điều 26, 28 của Điều lệ trường MN, cụ thể: Thực hiện nhiệm vụ được giao theo kế hoạch và sự phân công của HT; thực hiện quy chế chuyên môn nghề nghiệp và chấp hành nội quy của nhà trường; Bảo đảm an toàn cho trẻ trong ăn uống và sinh hoạt, tuân thủ các quy định về VSATTP trong chế biến ăn uống cho trẻ, không để xảy ra ngộ độc cho trẻ; Không ngừng trau dồi đạo đức, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của bản thân và nhà trường, luôn đoàn kết, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau; Thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và của ngành, các quy định của nhà trường, quyết định của HT. Hằng tháng, qua kiểm tra đánh giá trên thực tế và kiểm tra hồ sơ sổ sách của các Đ/c NV được kiêm nhiệm các công việc khác đều hoàn thành tốt công việc được giao. Nhà trường đã tiến hành đánh giá NV theo đúng quy trình, kết quả 100% NV được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên **[H1-1.7-03]**.

Mức 2:

Năm học 2024-2025 nhà trường hiện có số lượng NV đảm bảo theo quy định gồm 12 Đ/c, trong đó: 01 NV kế toán kiêm văn thư; 01 NV y tế kiêm nhiệm công tác thủ quỹ; 01 NV phục vụ; 08 NV nuôi dưỡng; 01 NV bảo vệ **[H1-1.7-03]; [H2-2.2-01]**.

Đội ngũ NV luôn nhiệt tình, trách nhiệm với công việc và luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có Đ/c NV nào bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên **[H1-1.7-05]; [H1-1.2-11]**.

Mức 3:

Đội ngũ NV của nhà trường có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí làm việc cụ thể: Có 01 NV kế toán kiêm văn thư trình độ Đại học chuyên ngành kế toán, 01 Đ/c NV y tế có trình độ trung cấp chuyên ngành y sĩ, 01 NV phục vụ



trình độ cao đẳng sư phạm ngoại ngữ và 08 NV nuôi dưỡng (03 đ/c có trình độ Trung cấp nghề chuyên ngành kỹ thuật chế biến món ăn; 05 đ/c trình độ cao đẳng chuyên ngành kỹ thuật chế biến món ăn); 01 NV bảo vệ có trình độ cao đẳng nghề kỹ thuật điện tử y tế [H2-2.3-01];[H2-2.2-01].

Hằng năm 100% các Đ/c NV được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo đúng vị trí việc làm cụ thể như: NV nuôi dưỡng được tham dự các chuyên đề chế biến món ăn, VSATTP, PCCN; NV kế toán được tập huấn sử dụng các phần mềm quản lý thu, chi; các phần mềm quản lý văn bản và nghiệp vụ văn thư; NV y tế được tập huấn công tác y tế trường học, đảm bảo an toàn trường học, phòng chống dịch bệnh; NV bảo vệ được tập huấn nghiệp vụ PCCN. Tuy nhiên NV bảo vệ chưa có chứng chỉ đúng chuyên ngành, chưa thường xuyên được bồi dưỡng công tác an ninh trường học và NV nuôi dưỡng, phục vụ, bảo vệ mức lương thấp không đảm bảo đời sống [H2-2.3-02]; [H1-1.7-02].

## 2. Điểm mạnh

Đội ngũ NV nhà trường được đảm bảo về số lượng và trình độ đào tạo theo chuẩn, có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí làm việc. 100% các Đ/c NV được tham gia tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

## 3. Điểm yếu

NV bảo vệ chưa có chứng chỉ đúng chuyên ngành, chưa thường xuyên được bồi dưỡng công tác an ninh trường học. NV bảo vệ, nuôi dưỡng, phục vụ mức lương thấp không đảm bảo đời sống.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện
- Duy trì kết quả đã có, tiếp tục thực hiện bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ NV. - Cử NV bảo vệ tham gia bồi dưỡng công tác an ninh trường học.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	- BGH và NV	- Hằng năm nhà trường có kế hoạch cụ thể bồi dưỡng cho đội ngũ NV về chuyên môn và tập huấn về công tác VSATTP, PTTNTT, phòng chống dịch bệnh, PCCN. - Tham mưu với UBND xã và công an Huyện mở các lớp bồi dưỡng công tác an ninh trường học.

## 5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/không đạt	Chỉ báo	Đạt/không đạt	Chỉ báo	Đạt/không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Đạt	

### **Kết luận về tiêu chuẩn 2**

Nhà trường có đội ngũ CBQL, GVNV đủ tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ trường MN theo Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT. Nội bộ nhà trường đoàn kết, thực hiện tốt mọi nhiệm vụ được giao, không có CBGVNV vi phạm kỷ luật từ cảnh cáo. Nhà trường luôn quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho CBGVNV học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng tốt nhiệm vụ được giao. CBGVNV đã có sự vận dụng sáng tạo, có hiệu quả phương pháp GD và ứng dụng tốt CNTT trong việc tổ chức các hoạt động của cô và trẻ nên chất lượng CSGD trẻ ngày càng được nâng lên. Bên cạnh những ưu điểm nổi bật nhà trường còn một số điểm yếu sau: Khả năng giao tiếp Tiếng Anh của HT, PHT và GV còn hạn chế. NV bảo vệ chưa có chứng chỉ đúng chuyên ngành, chưa thường xuyên được bồi dưỡng công tác an ninh trường học. NV bảo vệ, nuôi dưỡng, phục vụ mức lương thấp không đảm bảo đời sống.

#### **\* Đánh giá:**

- Mức 1:

- + Số lượng tiêu chí đạt 3/3;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/3.

- Mức 2:

- + Số lượng tiêu chí đạt 3/3;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/3.

- Mức 3:

- + Số lượng tiêu chí đạt 3/3;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/3.

### **Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

#### **Mở đầu:**

Trường MN Kim Thụ có 01 điểm trường với 02 khu A và B đặt tại thôn Kim Châu, xã Kim Thụ, huyện Thanh Oai có tổng diện tích 3.074,8m<sup>2</sup> và năm học 2023-2024 được quy hoạch một khu trường mới tại vị trí khu Sơn trà, thôn Kim Châu với diện tích 10.000m<sup>2</sup>, diện tích đạt bình quân 42,3m<sup>2</sup>/trẻ. Nhà

trường có khuôn viên riêng biệt, tường rào bao quanh, cổng trường biển trường thiết kế theo quy định, khuôn viên thoáng mát, nhiều cây xanh bố trí phù hợp, đảm bảo đáp ứng yêu cầu xanh, sạch, đẹp, an toàn cho trẻ. Các khu vực sân chơi, bãi tập, khu vận động, khu sinh hoạt chung, khu vệ sinh chung và hệ thống cấp thoát nước đảm bảo yêu cầu. Hệ thống ĐDDC ngoài trời và trong lớp được trang bị đầy đủ và đảm bảo đạt đúng các quy định liên quan đến tiêu chuẩn ĐDDC, thiết bị dạy học dùng cho GDMN của Bộ GDĐT. Nhà trường có đủ các phòng học, phòng chức năng phục vụ cho trẻ đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường MN. Nhà trường có khối phòng hành chính, trang thiết bị văn phòng phục vụ công tác quản lý, dạy và học theo quy định. Có khối phòng tổ chức ăn được xây dựng theo quy định bếp ăn một chiều, có nhà vệ sinh riêng cho CBGVNV đảm bảo vệ sinh. Hằng năm nhà trường có kế hoạch bảo quản, thay thế, sửa chữa, bổ sung nâng cấp. Toàn bộ hồ sơ, biên bản, sổ theo dõi tài sản được lưu trữ đầy đủ đảm bảo theo đúng nguyên tắc.

### **Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn**

Mức 1:

a) *Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;*

b) *Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;*

c) *Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.*

Mức 2:

a) *Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;*

b) *Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;*

c) *Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).*

Mức 3:

*Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.*

## 1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường MN Kim Thụ có tổng diện tích khu đang sử dụng 3.074.8 m<sup>2</sup> và khu diện tích đất mới được quy hoạch 10.000m<sup>2</sup> [H3-3.1-01]. Năm học 2024-2025 nhà trường có 309 trẻ, với 12 nhóm lớp. Tổng diện tích sàn xây dựng tại khu trường đang sử dụng 4.773m<sup>2</sup> đạt bình quân 15,4m<sup>2</sup>/1trẻ đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư 13/2020/TT- BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT [H3-3.1-02].

Nhà trường có cổng trường, biển tên trường đúng theo quy định, có tường bao và đủ hệ thống hàng rào bảo vệ, biệt lập với các hộ dân xung quanh đảm bảo an toàn cho trẻ trong sinh hoạt và học tập [H3-3.1-02]; có khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ [H3-3.1-03].

Nhà trường có sân chơi diện tích 2.533m<sup>2</sup> đảm bảo an toàn cho trẻ khi vui chơi và tổ chức các hoạt động GD, có hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp rộng rãi, được thiết kế chạy dọc theo chiều dài nhóm, lớp, tất cả các khu vực hành lang đều có lan can đảm bảo tuyệt đối an toàn cho trẻ theo đúng quy định. Trong sân trường và khu vực sân chơi có trồng cây xanh, nhiều cây hoa phù hợp đảm bảo xanh, sạch, đẹp, thân thiện với môi trường. Sân chơi của nhà trường được bố trí các góc chơi như: không gian sáng tạo, khu phát triển vận động phù hợp với điều kiện của nhà trường và đảm bảo an toàn cho tất cả trẻ được sử dụng [H3-3.1-01]; [H3-3.1-04].

Mức 2:

Diện tích xây dựng công trình 3.074.8m<sup>2</sup> trong đó diện tích sân vườn 2.533m<sup>2</sup> đảm bảo theo mục 4.2.3 tiêu chuẩn quốc gia tiêu chuẩn Việt Nam 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường MN [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

Khuôn viên của nhà trường riêng biệt, có tường bao quanh ngăn cách với bên ngoài, có cây xanh bóng mát tạo bầu không khí mát mẻ và trong lành, hiên trước của các dãy nhà đều có bồn hoa, cây cảnh trên sân thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp, thẩm mỹ. Sân chơi có nhiều cây cảnh được cắt tỉa đẹp, để hàng ngày cô và trẻ cùng chăm sóc, giúp trẻ khám phá học tập. Chưa có sân chơi của nhóm, lớp [H3-3.1-03]; [H3-3.1-05].

Khu vực trẻ chơi được lát gạch và trải cỏ nhân tạo, có thiết bị và đồ chơi ngoài trời như: Xích đu, cầu trượt, mâm quay, thú nhún, bập bênh, thang leo đứng 3 nấc, nhà bóng được bố trí phù hợp, khu vui chơi của trẻ được trồng cỏ tự nhiên, thường xuyên cắt tỉa tạo môi trường xanh - sạch - đẹp - an toàn - thân thiện cho

trẻ khi hoạt động đảm bảo theo quy định an toàn, phù hợp với trẻ, tạo điều kiện cho trẻ vui chơi học tập [H3-3.1-04]; [H3-3.1-05].

### Mức 3:

Diện tích sân vườn của nhà trường được quy hoạch có sân chơi và khu vườn cây ăn quả, vườn rau; có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động GD phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho GDMN do Bộ GDĐT ban hành [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03]. Các loại ĐDDC, trang thiết bị đảm bảo an toàn cho trẻ. Có các loại đồ chơi ngoài danh mục đảm bảo an toàn cho trẻ. Tuy nhiên, một số ĐDDC đã sử dụng lâu năm nên cũ và hỏng nhiều [H3-3.1-04]; [H3-3.1-05].

### 2. Điểm mạnh

Nhà trường có diện tích khu đất và diện tích sàn xây dựng đảm bảo theo quy định. Diện tích sân chơi được quy hoạch, có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động GD phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho GDMN do Bộ GDĐT ban hành. Nhà trường có cổng trường, biển trường và tường rào bao quanh ngăn cách với bên ngoài, khuôn viên của nhà trường được bố trí phù hợp, môi trường thân thiện an toàn cho trẻ. Bố trí sân chơi cho trẻ có đủ ĐDDC ngoài trời. Có cây xanh bóng mát được cắt tỉa thường xuyên, vườn cây của bé được thiết kế phù hợp tạo môi trường hứng thú cho trẻ hoạt động, khám phá.

### 3. Điểm yếu

Một số ĐDDC đã sử dụng lâu năm nên cũ và hỏng nhiều. Chưa có sân chơi của nhóm, lớp.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Duy trì sử dụng ĐDDC, trang thiết bị có hiệu quả.</li> <li>- Tiếp tục bổ sung ĐDDC ngoài trời tại khu phát triển vận động.</li> <li>- Đề nghị các cấp lãnh đạo xây</li> </ul>	Năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo.	BGH, GVNV và trẻ; - Tổ mua sắm tài sản, CSVC của nhà trường.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cao ý thức bảo quản, sử dụng ĐDDC của lớp, trường.</li> <li>- Tập trung ưu tiên cải tạo sửa chữa ĐDDC đã cũ và mua thêm một số ĐDDC mới. Sắp xếp quy hoạch lại hệ thống ĐDDC để đảm bảo tính thẩm mỹ, đồng bộ và hiện đại.</li> <li>- Tích cực làm tốt công tác tham mưu các cấp lãnh đạo xây dựng có sân chơi của nhóm, lớp tại</li> </ul>

dụng có sẵn chơi của nhóm, lớp.			điểm trường mới.
---------------------------------------	--	--	------------------

### 5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt		
c	Đạt	c	Đạt		
Đạt		Đạt		Đạt	

### Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc

### 1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Năm học 2024-2025 nhà trường có tổng số 12 phòng học kiên cố/12 nhóm lớp theo từng độ tuổi. Nhóm trẻ 24-36 tháng 03 phòng; lớp 3-4 tuổi 03 phòng; lớp 4-5 tuổi 03 phòng; lớp 5-6 tuổi 03 phòng [**H3-3.2- 01**]; [**H3-3.1- 02**].

Có 06 lớp có phòng sinh hoạt chung và phòng ngủ riêng, còn 06 nhóm lớp có phòng học vừa là phòng sinh hoạt chung và cũng là phòng tổ chức ăn, ngủ

cho trẻ, đảm bảo yên tĩnh thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. 12/12 nhóm lớp có đầy đủ các đồ dùng phục vụ cho trẻ ngủ: Chăn, màn, chiếu, thảm, đệm, gối, phản ngủ, tủ đựng đồ dùng phục vụ cho trẻ ngủ, đảm bảo cho việc CSND và GD trẻ **[H3-3.1- 04]**. Nhà trường có phòng nghệ thuật tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, năng khiếu cho trẻ. Phòng GD nghệ thuật có gương, tủ đựng trang phục, đàn loa, các thiết bị âm thanh đảm bảo đáp ứng được nhu cầu cho trẻ hoạt động. Khu thể chất có các đồ dùng như thang leo, bục thể dục, ghế thể dục, cổng chui **[H3-3.2- 01]; [H3-3.1- 02]**.

Các phòng học có đầy đủ hệ thống đèn điện chiếu sáng đảm bảo độ sáng theo quy định, sử dụng bóng đèn chống các bệnh về mắt cho trẻ, mỗi lớp có từ 8 đến 12 bóng đèn tuýp, hệ thống quạt điện mỗi lớp có 04-07 quạt trần. Các nhóm lớp được lắp đặt 01-02 chiếc điều hòa công suất từ 9000-18000 BTU đảm bảo sức khỏe cho trẻ trong những ngày nắng nóng. Các phòng được trang bị 04-06 tủ giá đựng ĐDĐC thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của từng độ tuổi. Phòng âm nhạc có hệ thống đèn, hệ thống quạt, điều hòa đầy đủ, đảm bảo. 100% nhóm lớp có đủ tủ để hồ sơ, thiết bị dạy học như: bàn ghế, tủ để ĐDĐC, tài liệu cho GV và trẻ, tất cả đều đảm bảo đúng quy cách. Các phòng hành chính, quản trị, phòng làm việc và các phòng chức năng có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học trên 12 nhóm, lớp **[H3-3.1- 04]; [H3-3.2- 01]; [H3-3.2- 02]**.

#### Mức 2:

Trường MN Kim Thụ có 12 lớp học, có 06 lớp có phòng sinh hoạt chung và phòng ngủ riêng, còn 06 lớp vừa là phòng học vừa là phòng sinh hoạt chung và cũng là phòng tổ chức cho trẻ ăn, ngủ, đều được xây dựng kiên cố, theo đúng quy định rộng rãi thoáng mát và đảm bảo an toàn cho trẻ và diện tích 2m<sup>2</sup>/trẻ. Diện tích các phòng 55m<sup>2</sup> đảm bảo quy định tại mục 5.2.5 yêu cầu thiết kế trường MN, tiêu chuẩn Quốc gia **[H3-3.1-02]**. Phòng GD nghệ thuật có diện tích 64m<sup>2</sup> được trang bị tủ đựng trang phục, đàn, hệ thống âm ly, loa đài và các loại nhạc cụ để phục vụ cho hoạt động GD phát triển thẩm mỹ cho trẻ, khu GD thể chất có tổng diện tích 54m<sup>2</sup> được trang bị thang leo, bục thể dục, ghế thể dục, cổng chui **[H3-3.2-01]; [H3-3.2- 02]**.

Các nhóm lớp có hệ thống tủ, kệ, giá đựng ĐDĐC, tài liệu đảm bảo theo quy định tại khoản 1 điều 28 điều lệ trường MN và Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 thông tư ban hành danh mục ĐDĐC, thiết bị dạy học tối thiểu dành cho GDMN cụ thể mỗi lớp có từ 05 - 06 tủ phù hợp với độ tuổi để đựng tài liệu ĐDĐC cho 12/12 nhóm lớp, có các tủ đựng chăn chiếu, để ba lô, giá để giày, dép cho trẻ. Tất cả các tủ, giá được sắp xếp hợp lý, phù hợp

theo điều kiện của nhà trường, an toàn thuận tiện khi sử dụng và đảm bảo đủ theo quy định [H3-3.1-04]; [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

Mức 3:

Nhà trường có phòng Nghệ thuật để tổ chức cho trẻ tham gia các hoạt động âm nhạc, có đầy đủ các trang thiết bị, đồ dùng phục vụ cho hoạt động nghệ thuật của trẻ. Trường còn thiếu phòng ngoại ngữ, tin học cho trẻ học [H3-3.1- 02].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có số phòng học đảm bảo đúng quy định. Hệ thống đèn, hệ thống quạt trên các phòng học, hành lang, sân trường, phòng làm việc và các phòng chức năng đều đảm bảo và có tủ đựng hồ sơ cho các phòng hành chính, quản trị, thiết bị dạy học trên 12 nhóm, lớp.

## 3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ và tin học.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện
- Đề xuất bổ sung phòng ngoại ngữ và tin học đảm bảo theo quy định.	Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo.	HT và các Phó HT;	Tham mưu với UBND huyện đầu tư xây dựng thêm phòng ngoại ngữ, tin học; đầu tư CSVC, bổ sung trang thiết bị phục vụ các phòng chức năng, sân chơi ngoài trời đồng bộ ra khu trường mới.

## 5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt		
c	Đạt	c	Đạt		
Đạt		Đạt		Không đạt	

### Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

- a) Có các loại phòng theo quy định;
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;



c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

a) Đảm bảo diện tích theo quy định;

b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có đủ các loại phòng thuộc khối hành chính, quản trị theo điều 27 điều lệ trường MN, cụ thể: Có 01 phòng hội đồng, 01 phòng HT, 02 phòng PHT, 01 phòng kế toán, 01 phòng y tế, 01 phòng lưu trữ, 01 phòng dành cho NV, 01 phòng bảo vệ [H3-3.1-02];[H3-3.3-01].

Các khối phòng hành chính, quản trị có đủ các trang thiết bị tối thiểu để làm việc cụ thể: Phòng họp có đầy đủ bàn ghế, hệ thống loa đài âm thanh phục vụ cho hội nghị tổ chức họp, có bức tượng Bác, bức phát biểu, bảng biểu văn phòng. Phòng HT, phòng PHT, phòng kế toán có bàn làm việc, bàn ghế tiếp khách, máy tính được kết nối Internet, máy in và tủ hồ sơ lưu trữ tài liệu. Phòng y tế có bàn ghế làm việc, tủ thuốc, tủ đựng tài liệu, máy tính, cân sức khỏe và đo chiều cao, 01 giường nằm, cáng, các trang thiết bị y tế và sổ sách theo dõi sức khỏe của trẻ, có biểu bảng thông báo các biện pháp tuyên truyền phòng chống dịch bệnh và tai nạn thương tích, có tranh ảnh tuyên truyền, phác đồ sơ cấp cứu, cách PCTNTT cho trẻ tại trường. Hệ thống máy tính được kết nối Internet. Phòng bảo vệ có đồng hồ, giường chần, chiếu, ti vi, điều hòa. Phòng NV có tủ để đồ dùng cá nhân, giường nghỉ ngơi, có quạt điện [H3-3.1-04].

Nhà trường có khu để xe cho CBGVNV diện tích 120 m<sup>2</sup>, được bố trí hợp lý thuận tiện cho việc lấy, cất xe của CBGVNV và khách đến trường, có hệ thống camera đảm bảo an toàn cho nhà để xe [H3-3.3-01]; [H3-3.2-02].

Mức 2:

Khối phòng hành chính, quản trị của nhà trường đảm bảo diện tích theo quy định tại mục 5.5 (TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường MN). Diện tích các phòng cụ thể như sau: Phòng Hội đồng 72m<sup>2</sup>; phòng HT, 2 phòng PHT, phòng kế toán, phòng lưu trữ, phòng y tế, phòng NV mỗi phòng có diện tích 17m<sup>2</sup>, phòng bảo vệ 7m<sup>2</sup> [H3-3.1-02].

Khu để xe cho CBQL, GVNV với tổng diện tích 120 m<sup>2</sup> có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi cho việc cất, lấy xe của CBGVNV [H3-3.3-01]; [H3-3.3-02].

Mức 3:

Nhà trường có đủ khối phòng hành chính, quản trị như phòng Hội đồng, phòng HT, phòng PHT, phòng kế toán, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng dành cho NV, khu để xe cho CBGVNV đảm bảo theo quy định tại (TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường MN). Khu B của nhà trường đã được xây dựng lâu năm nên một số hạng mục trong khối công trình quản trị đã bị xuống cấp, các trang thiết bị cũ và hỏng [H3-3.1-02]; [H3-3.3-01].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các phòng theo quy định như có phòng Hội đồng, phòng làm việc của HT, PHT, phòng kế toán, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng NV, khu để xe cho CBGVNV. Các phòng đều có diện tích đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường MN. Tất cả các phòng được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động, được bố trí phù hợp, thuận tiện cho việc thực hiện các nhiệm vụ của nhà trường.

## 3. Điểm yếu

Khu B của nhà trường đã được xây dựng lâu năm nên một số hạng mục trong khối công trình quản trị đã bị xuống cấp, các trang thiết bị cũ và hỏng.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục sử dụng có hiệu quả các phòng hành chính quản trị.</li> <li>- Đề xuất nâng cấp các thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động quản lý hành chính.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo</li> </ul>	BGH, NV tổ văn phòng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Duy trì việc sử dụng hiệu quả các phòng hành chính - quản trị, tăng cường bảo quản CSVC hiện có.</li> <li>- Đề xuất lãnh đạo huyện, xã tu sửa, cải tạo, nâng cấp các phòng hành chính. Dự toán nguồn kinh phí để sửa chữa thay thế những trang thiết bị đã cũ hỏng đảm bảo thuận tiện cho việc thực hiện các nhiệm vụ của nhà trường.</li> </ul>

## 5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt		
c	Đạt	-			
Đạt		Đạt		Không Đạt	

### **Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn**

Mức 1:

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.

Mức 2:

*Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.*

Mức 3:

*Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.*

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có bếp ăn được xây dựng kiên cố, rộng rãi, thoáng mát, xây dựng theo quy trình bếp một chiều, gồm khu giao nhận thực phẩm, khu sơ chế, khu chế biến, khu chia thức ăn chín đảm bảo theo quy định [H3-3.1-02]; [H3-3.4-01].

Trong khu vực nhà bếp có kho đựng thực phẩm, trong kho được trang bị giá kệ. Có thùng đựng gạo, mỗi loại thực phẩm lại được đựng trong thùng hoặc hộp có nắp đậy kín riêng biệt, thực phẩm của cô, trẻ riêng biệt được sắp xếp gọn gàng, khoa học có nhãn cho từng loại thực phẩm đảm bảo các quy định về VSATTP, kho có khóa bảo vệ và được cập nhật vào sổ hạn sử dụng, đảm bảo các quy định về VSATTP [H3-3.4-02].

Bếp ăn có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn nhãn hiệu Samsung dung tích 560L đảm bảo cho việc lưu mẫu thức ăn hằng ngày, được NV theo dõi ghi vào sổ ngày, giờ theo đúng quy định [H3-3.4-01];[H3-3.1-04].

Mức 2:

Bếp ăn được thiết kế với diện tích 100m<sup>2</sup> đảm bảo 0,32m<sup>2</sup>/trẻ, bếp ăn được thiết kế theo dây chuyền hoạt động một chiều gồm có: khu nhận thực phẩm, khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn chín. Nhà bếp có

kho chứa lương thực, thực phẩm riêng biệt có đủ giá kệ sắp xếp khoa học thuận tiện đảm bảo các quy định về VSATTP, phù hợp với nhu cầu sử dụng hàng ngày, các cửa sổ và khu ra vào đều được lắp lưới chống côn trùng [H3-3.1-02]. Bếp ăn có đầy đủ đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn bán trú tại trường như: Tủ sấy bát, tủ cơm gas, bàn chia ăn bằng inox, các loại xoong, bát thìa inox, đảm bảo vệ sinh [H3-3.1-04]. Có kho thực phẩm phân chia các khu vực để các loại thực phẩm sữa, gạo, dầu ăn, nước mắm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn, hộp đựng các bình bột để PCCN được đặt ở vị trí hợp lý, có khu để gas riêng biệt đảm bảo đúng quy định PCCN [H3-3.4-01]; [H3-3.4-02]. Nhà trường có bản cam kết đảm bảo ATTP do phòng y tế huyện xác nhận [H3-3.4-03].

### Mức 3:

Bếp ăn của nhà trường được thiết kế và vận hành theo dây chuyền hoạt động một chiều, hợp vệ sinh, chưa đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường MN, bếp ăn vẫn sử dụng đun gas nên chưa đảm bảo công tác an toàn PCCN [H3-3.1-02]. Khu sơ chế và chế biến thực phẩm, khu nấu ăn và khu chia thức ăn đủ ánh sáng, thông thoáng. Các dụng cụ nấu ăn, chế biến, sử dụng, bảo quản, chứa đựng đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định (có bát thìa, ca cốc, xoong bằng inox, tủ cơm ga, có tủ lạnh để lưu mẫu thực phẩm và bảo quản thực phẩm, có tủ sấy bát, thìa...) [H3-3.4-01]; [H3-3.4-02].

### 2. Điểm mạnh

Nhà trường có bếp ăn được thiết kế xây dựng kiên cố theo đúng quy trình một chiều, có diện tích đảm bảo quy định, có đầy đủ trang thiết bị, đồ dùng, dụng cụ nấu ăn và đồ dùng phục vụ tổ chức cho trẻ ăn bán trú tại trường. Bếp ăn luôn sắp xếp gọn gàng, sạch sẽ, đảm bảo VSATTP. Có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn đảm bảo theo quy định. Bếp ăn được cam kết đảm bảo ATTP do phòng y tế huyện xác nhận.

### 3. Điểm yếu

Bếp ăn chưa đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường MN và vẫn sử dụng đun gas nên chưa đảm bảo công tác an toàn PCCN.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện
- Duy trì sử dụng và thường xuyên rà soát, bổ sung đồ dùng phục vụ nấu ăn đảm bảo VSATTP.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp	- HT, PHT phụ trách CSVC	- Sử dụng bếp ăn và kho thực phẩm đảm bảo các quy định về VSATTP. - Nhà trường lập tờ trình, kế hoạch trình các cấp để xây

- Tham mưu các cấp lãnh đạo xây dựng bếp ăn đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường MN và thay thế hệ thống bếp đun gas bằng đun điện.	theo		dụng bếp ăn đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường MN và thay thế kịp thời các thiết bị cũ hỏng, thay hệ thống bếp đun gas bằng đun điện.
--	------	--	--

### 5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt				
c	Đạt				
Đạt		Đạt		Không đạt	

### Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1:

a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

#### 1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã trang bị cho 100% các nhóm, lớp có đầy đủ các thiết bị, ĐDĐC theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 của Bộ GDĐT ban hành danh mục ĐDĐC, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN

**[H3-3.1-04].** Các thiết bị, ĐDDC được sử dụng thường xuyên, hiệu quả trong các hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ **[H3-3.2-02]; [H3-3.5- 01].**

Hằng năm, nhà trường phát động các cuộc thi làm ĐDDC sáng tạo phục vụ cho các hoạt động học và hoạt động vui chơi của trẻ. GV tại các nhóm lớp đã làm được các đồ dùng như: bộ rối tay, vòng quay kì diệu. BGH đánh giá cao về chất lượng và có tính GD, an toàn và phù hợp với trẻ theo quy định tại Chương III Điều 17 Thông tư số 52/2020/TT- BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường MN **[H3-3.5-02]; [H3-3.5-03].**

Cuối mỗi năm học nhà trường tiến hành kiểm kê tài sản, thống kê lại những danh mục, thiết bị hư hỏng, không sử dụng được lập biên bản thanh lý. Đầu năm học tiếp theo, nhà trường dựa vào số liệu kiểm kê cuối năm trước làm căn cứ rà soát, bổ sung đồ dùng, trang thiết bị cho năm học mới **[H3-3.1-04]; [H3-3.2-02].** Với những đồ dùng còn sử dụng được, trường tiếp tục đưa vào danh mục bàn giao cho các nhóm lớp, phòng ban sử dụng và bảo quản. Trên cơ sở đó, có kế hoạch sửa chữa, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng thay thế để đảm bảo duy trì chất lượng hoạt động **[H3-3.5-01]; [H3-3.5-02].**

Mức 2:

Hệ thống máy tính nhà trường có 13 máy được kết nối Internet thuận lợi cho CBQL, GVNV sử dụng phần mềm để phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học, xây dựng kế hoạch, soạn bài **[H3-3.1-04].** Trường có trang Website, Fanpage riêng để cập nhật đưa tin, bài về các hoạt động phong trào của nhà trường lên cổng thông tin của trường, của ngành kịp thời, đăng tải các kế hoạch, sự kiện trong năm học. Tuy nhiên số lượng máy tính trên các nhóm lớp còn thiếu cần được đầu tư **[H3-3.2-02]; [H3-3.5-04].**

100% các lớp được trang bị đồ dùng dạy học tối thiểu theo quy định để GV có điều kiện tốt nhất thực hiện chương trình GDMN theo quy định tại văn bản hợp nhất Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 của Bộ GDĐT **[H3-3.1-04].** Các thiết bị ĐDDC được GV và trẻ sử dụng thường xuyên và hiệu quả trong các hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ **[H3-3.2-02]; [H3-3.5-01].**

Hằng năm, nhà trường đã mua sắm bổ sung, thay thế các đồ dùng bị hư hỏng hoặc bị hao mòn đủ số lượng cho các lớp đáp ứng theo nhu cầu hiện nay **[H3-3.5-01]; [H3 -3.5- 02].** Khuyến khích GV tích cực tham gia phong trào làm ĐDDC tự tạo để làm phong phú hơn phương tiện GD trẻ trong các hoạt động học và chơi, phục vụ tích cực công tác chuyên môn trong nhà trường, thiết bị dạy học tự làm đảm bảo tính GD phù hợp với nhiệm vụ cấp học MN theo từng năm học **[H3 -3.5- 03].**

Mức 3:

Các thiết bị, ĐDDC tự làm hoặc ngoài danh mục theo quy định được GV khai thác và sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp GD trẻ như: đồ dùng dành cho góc toán, khám phá theo chương trình GD tiên tiến Steam, đồ chơi phát triển kỹ năng vận động: xâu buộc dây giày, tết tóc, đóng mở nắp chai, sử dụng kẹp để kẹp các loại hạt. Bộ rối đế, rối tay, rối dây để phục vụ cho hoạt động kể chuyện sáng tạo, các loại cây hoa quả làm bằng vải dạ để cho trẻ học toán và khám phá, được khai thác và sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp GD, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ. Tuy nhiên một số ĐDDC tự làm tính hiệu quả còn hạn chế do chất liệu không bền, nhanh hỏng [H3-3.5- 02].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ trang thiết bị, ĐDDC theo quy định và được GV sử dụng thường xuyên, hiệu quả trong hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ. Các trang thiết bị ĐDDC ngoài danh mục phong phú, đảm bảo tính GD, an toàn, phù hợp với trẻ. Đội ngũ GV tích cực, sáng tạo trong việc làm ĐDDC tự làm phục vụ các hoạt động GD của cô và trẻ. Thực hiện tốt việc kiểm kê và sửa chữa, kịp thời thay thế, bổ sung, nâng cấp thiết bị, ĐDDC cho các nhóm lớp. 100% máy tính của nhà trường được kết nối Internet phục vụ tốt công tác quản lý, hoạt động dạy học của nhà trường.

## 3. Điểm yếu.

Máy tính trên các nhóm lớp còn thiếu cần được đầu tư. Một số ĐDDC tự làm tính hiệu quả còn hạn chế do chất liệu không bền, nhanh hỏng.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Duy trì việc khai thác có hiệu quả, bảo quản tốt các thiết bị ĐDDC.</li> <li>- Trang bị máy tính đảm bảo 100% cho các nhóm lớp và tiếp tục tổ chức thực hiện phong trào tự làm ĐDDC.</li> </ul>	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	HT; PHT phụ trách chuyên môn, GV.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- CBGVNV có ý thức sử dụng, bảo quản các đồ dùng, trang thiết bị.</li> <li>- Lập tờ trình tham mưu các cấp lãnh đạo bổ sung kinh phí hoặc cấp phát máy tính cho nhà trường trên các nhóm lớp. Hàng năm tiết kiệm nguồn ngân sách để mua sắm bổ sung.</li> <li>- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng hướng dẫn GV cách lựa chọn nguyên liệu, cách làm và sử dụng, bảo quản các đồ dùng tự làm để</li> </ul>

đảm bảo độ bền.

**5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3**

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt		
c	Đạt	c	Đạt		
Đạt		Đạt		Đạt	

**Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước**

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có 12 phòng vệ sinh cho 12 nhóm, lớp với diện tích 15m<sup>2</sup>/phòng và có 02 nhà vệ sinh cho CBGVNV, 01 phòng dành cho nam, 02 phòng dành cho nữ với diện tích mỗi phòng 15m<sup>2</sup>, đảm bảo vệ sinh sạch sẽ. Có độ phẳng với mặt sàn, có độ cao vừa đủ để thuận lợi dùng cho cả trẻ khuyết tật. Tuy nhiên nhà vệ sinh các lớp khu B sử dụng lâu năm nên các thiết bị vệ sinh xuống cấp [H3-3.1-02]; [H3-3.6-01].

Hệ thống thoát nước được thiết kế ngầm và có nắp đậy chạy xung quanh sân trường, hàng năm nhà trường tổng vệ sinh khơi thông cống rãnh đường thoát nước đảm bảo vệ sinh trường học [H3-3.1-02]. Nhà trường ký hợp đồng với công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư nước sạch và môi trường Thanh Oai đảm bảo đủ nước sinh hoạt cho CBGVNV và trẻ. Nước uống cho CBGVNV và trẻ được sử dụng nước tinh khiết đóng bình của công ty Tado cung cấp [H3-3.6-02]. Hàng năm đều được kiểm tra mẫu nước đạt yêu cầu tại tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng [H3-3.6-03].



Nhà trường có thùng rác ở mỗi lớp, thùng rác khu bếp và thùng chứa rác chung của cả khu trường có nắp đậy được bố trí tại những nơi thuận lợi cho việc thu gom rác hàng ngày, vỏ hộp sữa trẻ hút xong được các cô giáo hướng dẫn gấp lại gọn gàng sau đó mới bỏ thùng rác nên tiết kiệm được nhiều diện tích. Nhà trường thuê hộ cá nhân hằng ngày thu gom rác thải đem đi xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.6-04].

#### Mức 2:

Nhà trường có phòng vệ sinh khép kín cho trẻ ở các lớp, có vách ngăn và được ngăn chia thành 2 khu nam và nữ riêng, có bồn rửa tay, thiết bị vệ sinh đảm bảo theo quy định. Khu vệ sinh cho CBQL, GVNV được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định [H3-3.1-02].

Hệ thống cung cấp nước sạch mạng lưới phân phối của đường ống cấp nước được đặt ngầm trong tường và hộp kỹ thuật. Toàn bộ hệ thống thoát nước được đặt ngầm và được kết nối với hệ thống thoát nước chung của khu vực trường. Rãnh thoát nước có nắp đậy đảm bảo vệ sinh [H3-3.1-02]. Nhà trường hợp đồng hộ cá nhân thu gom rác cho nhà trường hàng ngày, đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.6-04].

### 2. Điểm mạnh

Nhà trường có phòng vệ sinh cho trẻ được xây dựng khép kín, khu vệ sinh cho CBGVNV viên nằm ở trung tâm giữa các dãy nhà đảm bảo thuận tiện và phù hợp với cảnh quan. Diện tích phòng vệ sinh cho trẻ và cho GV đảm bảo theo quy định. Hệ thống thoát nước được thiết kế ngầm và có nắp đậy đảm bảo vệ sinh môi trường. Hệ thống nước sinh hoạt được sử dụng nước sạch, nước uống của CBGVNV và trẻ được sử dụng nước tinh khiết đóng bình của công ty Tado, hằng năm đều được kiểm tra mẫu nước tại tổng cục đo lường chất lượng. Việc thu gom tập kết rác thải hàng ngày đảm bảo vệ sinh môi trường. Hệ thống cấp, thoát nước được đặt ngầm trong tường và hộp kỹ thuật.

### 3. Điểm yếu

Nhà vệ sinh các lớp khu B sử dụng lâu năm nên các thiết bị vệ sinh xuống cấp.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện
- Duy trì hợp đồng thu gom rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường.	Năm học 2024-2025 và những năm tiếp	BGH, GVNV.	- Ký hợp đồng thu gom rác thải. - Xây dựng dự toán ngân sách hàng năm, quan tâm đến

- Tiếp tục kiểm tra rà soát theo định kỳ các thiết bị vệ sinh để kịp thời sửa chữa, cải tạo.	theo.		công tác mua sắm, sửa chữa trang thiết bị đồ dùng khu vệ sinh và hệ thống cấp nước của nhà trường.
--	-------	--	--

### 5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	-	
b	Đạt	b	Đạt	-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt			

### Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Nhà trường có diện tích sàn sử dụng bình quân đảm bảo theo quy định. Cổng, biển trường thể hiện đúng quy định Điều lệ trường MN. Trường có tường rào bao quanh, khuôn viên xanh sạch đẹp, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ. 02 khu trường đều có sân chơi chung, có vườn cây, có sân thể dục sáng cho trẻ, các khu vui chơi vận động ngoài trời được bố trí phù hợp với điều kiện và khuôn viên của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng. Hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp thuận tiện cho mọi sinh hoạt của trẻ khi mưa, nắng. Diện tích, thiết kế đều đảm bảo quy định cũng như an toàn cho trẻ. Nhà trường có diện tích xây dựng, diện tích sân vườn đều đảm bảo quy định yêu cầu thiết kế xây dựng. Các phòng đều đảm bảo diện tích theo quy định và đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ. Nhà trường đầu tư đầy đủ ĐDDC, thiết bị trên 100% các nhóm, lớp, các thiết bị ĐDDC tự làm đảm bảo tính GD, an toàn, thẩm mỹ và phù hợp với trẻ, luôn chú trọng đến việc lập kế hoạch rà soát, kiểm kê và sửa chữa các thiết bị. Hệ thống máy tính trên toàn trường được kết nối Internet phục vụ tốt cho công tác quản lý, hoạt động dạy học của GV. Hệ thống thoát nước được thiết kế ngầm và có nắp đậy đảm bảo vệ sinh môi trường. Tuy nhiên bên cạnh điểm mạnh nhà trường vẫn còn một số điểm yếu cơ bản sau: Một số ĐDDC đã sử dụng lâu năm nên cũ và hỏng nhiều. Nhà trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ và tin học. Một số hạng mục trong khối công trình quản trị, nhà vệ sinh, trang thiết bị các lớp của khu B xây dựng và sử dụng lâu năm nên đã bị xuống cấp, cũ và hỏng. Chưa có sân chơi của nhóm, lớp. Bếp ăn chưa đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường MN và vẫn sử dụng đun gas nên chưa đảm bảo công tác an toàn PCCC. Máy tính trên các nhóm lớp còn

thiếu, một số ĐDDC tự làm tính hiệu quả còn hạn chế do chất liệu không bền, nhanh hỏng.

**\* Đánh giá:**

- Mức 1:
  - + Số lượng tiêu chí đạt 6/6;
  - + Số lượng tiêu chí không đạt 0/6.
- Mức 2:
  - + Số lượng tiêu chí đạt 6/6;
  - + Số lượng tiêu chí không đạt 0/6.
- Mức 3:
  - + Số lượng tiêu chí đạt 2/5;
  - + Số lượng tiêu chí không đạt 3/5.

**Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

**Mở đầu:**

Để góp phần nâng cao chất lượng CSGD trẻ mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trở thành một yêu cầu cấp thiết và đòi hỏi có sự đầu tư quan tâm đúng mức, không thể làm theo hình thức và đại khái cho xong. Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay, yêu cầu về việc CSGD đảm bảo cho trẻ được phát triển toàn diện đang được toàn xã hội quan tâm. Trong những năm học vừa qua, nhà trường đã làm tốt công tác XHH GD, chủ động tham mưu, phối hợp có hiệu quả với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội trong và ngoài trường như Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Ban đại diện CMTE. Ban Đại diện CMTE được thành lập và hoạt động theo quy định, phối hợp với BGH nhà trường tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về GD đến các bậc CMTE nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, GD trẻ. Các tổ chức trong và ngoài nhà trường đã phối hợp, hỗ trợ nhà trường bổ sung trang thiết bị, CSVC, động viên khen thưởng kịp thời các cá nhân, tập thể trong đội ngũ CBGVNV đạt thành tích cao trong thực hiện nhiệm vụ. Ban Đại diện CMTE và nhà trường đã họp định kỳ để tiến hành xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động xuyên suốt trong từng năm học, điều này đã góp phần không nhỏ trong việc đưa ra các biện pháp kịp thời nâng cao chất lượng CSGD trẻ về mọi mặt.

**Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ.**

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) *Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.*

Mức 3:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Ban Đại diện CMTE được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều 3 và Điều 9 của Thông tư 55/2021/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GDĐT về Ban hành điều lệ ban đại diện cha mẹ học sinh. Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã tiến hành họp CMTE của các lớp bầu ra ban đại diện CMTE của lớp là 03 người, trong đó có 01 trưởng ban, 01 phó ban và 01 ủy viên. HT triệu tập họp trưởng, phó ban đại diện CMTE của các lớp để bầu ban đại diện CMTE của trường gồm 03 người, trong đó 01 trưởng ban và 02 phó ban. Các thành viên Ban Đại diện CMTE là những người nhiệt tình, có trách nhiệm trong việc phối hợp với GV chủ nhiệm các nhóm, lớp, nhà trường thực hiện các hoạt động CSGD trẻ. Mỗi năm học nhà trường phối hợp với ban đại diện CMTE tổ chức 03 kỳ họp (Đầu năm học, cuối học kỳ 1, cuối năm học) để thông báo tình hình kết quả học tập và tình hình sức khoẻ của trẻ, công khai các khoản thu chi trong năm học đồng thời bàn bạc trao đổi các biện pháp phối kết hợp trong công tác CSND, GD trẻ **[H4-4.1-01]**.

Hằng năm, Ban Đại diện CMTE xây dựng kế hoạch hoạt động trong năm học căn cứ tình hình thực tế và kế hoạch phối hợp hoạt động của nhà trường với Ban Đại diện CMTE do nhà trường triển khai, kế hoạch được xây dựng có lịch trình cụ thể xuyên suốt một năm học, thực hiện thu chi kinh phí hoạt động đúng quy định **[H4-4.1-01]; [H4-4.1-02]**.

Ban đại diện CMTE đã tổ chức thực hiện kế hoạch đầy đủ, đúng tiến độ, luôn bám sát các nội dung phối kết hợp giữa BGH nhà trường và ban đại diện CMTE, tổ chức họp phụ huynh định kỳ và họp đột xuất để bàn bạc các nội dung cần thiết huy động CMTE đóng góp ý kiến, ủng hộ tinh thần, vật chất đề xuất các biện pháp GD trẻ **[H4-4.1-02]; [H4-4.1-03]**. Ban đại diện CMTE phối hợp với nhà trường tổ chức sân chơi cho trẻ tham gia theo lịch trình hoạt động từng năm học như phối hợp tổ chức các ngày hội ngày lễ: Ngày hội đến trường của

bé, tết trung thu. Các hội thi: Chúng cháu vui khỏe, bé khéo tay, Tôi yêu Việt Nam; Trạng Nguyên nhí [H4-4.1-04].

Mức 2:

Ban đại diện CMTE thường xuyên phối hợp với nhà trường CSND, GD trẻ, các phương án phòng chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn để PCTNTT cho trẻ. Ban đại diện CMTE phối hợp tổ chức ngày tết trung thu, tết thiếu nhi 01/6, hội thi “Bé khéo tay”, hội thi: “Chúng cháu vui khỏe”, “Hội chợ xuân”, Tôi yêu Việt Nam; Trạng Nguyên nhí, thăm quan dã ngoại, sinh nhật của bé, tổ chức tặng thưởng cho các cháu vào cuối mỗi năm học nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ [H4-4.1-03];[H4-4.1-04].

Mức 3:

Trong các năm học vừa qua Ban đại diện CMTE của các lớp, của trường đã phối hợp rất hiệu quả với GV và BGH nhà trường trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện CMTE. Ban đại diện CMTE lớp phối hợp với GV chuẩn bị nội dung của các cuộc họp CMTE trong năm học, phối hợp tổ chức các hoạt động GD ở lớp. Ban đại diện CMTE trường phối hợp với HT tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động GD đã được thống nhất đầu năm. Sử dụng thu chi quỹ hội của lớp, của trường đúng mục đích, mang lại hiệu quả trong các hoạt động cho trẻ, phối hợp ủng hộ nhà trường trong công tác xây dựng môi trường xanh - sạch - đẹp - an toàn – hạnh phúc. Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, địa phương tổ chức tốt hoạt động giao lưu văn nghệ, nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn, tổ chức thi “Chúng cháu vui khỏe - Liên hoan các trò chơi dân gian và hát dân ca”, tổ chức Tết trung thu, tham quan dã ngoại cho các cháu rất vui vẻ và phấn khởi. GV phụ trách nhóm lớp và gia đình trẻ thường xuyên trao đổi thông tin về tình hình ăn ngủ, các hoạt động trong ngày của trẻ và sức khỏe của trẻ ở trường qua gặp gỡ trực tiếp tại giờ đón trả trẻ, trao đổi qua nhóm Zalo đã được CMTE khen ngợi. Tuy nhiên một số ít CMTE chưa thường xuyên phối kết hợp, quan tâm đến các hoạt động GD của lớp, của trường [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04].

## **2. Điểm mạnh**

Ban đại diện CMTE của nhà trường và của các nhóm lớp được thành lập đầy đủ, đảm bảo cơ cấu thành phần và hoạt động theo đúng quy định tại Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 về ban hành Điều lệ ban đại diện CMTE. Nhà trường có Ban thường trực CMTE của trường và ban đại diện CMTE các lớp, luôn có ý kiến đóng góp xây dựng cho nhà trường và các lớp về việc CSGD trẻ.

## **3. Điểm yếu**

Một số ít CMTE chưa thường xuyên phối kết hợp, quan tâm đến các hoạt động GD của lớp, của trường.

#### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện
Tiếp tục tăng cường phối hợp giữa nhà trường với CMTE.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	CBGV và CMTE, Ban đại diện CMTE trường và các lớp.	Nhà trường duy trì và phát huy vai trò của ban đại diện CMTE. BGH, GV tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền, thường xuyên trao đổi với CMTE về tầm quan trọng của chương trình GDMN, về các hoạt động chung của nhà trường, vận động CMTE tích cực tham gia các hoạt động, phong trào của nhà trường.

#### 5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-		-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Đạt	

#### Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

*b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.*

Mức 3:

*Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hằng năm, ngay từ đầu năm học nhà trường chủ động tham mưu với Đảng ủy, HĐND, UBND xã Kim Thư về kế hoạch GD từng năm học, nâng cao chất lượng CSND trẻ [H1-1.1-04]. Tham mưu về công tác phân tuyến tuyển sinh giúp nhà trường hoàn thành chỉ tiêu tuyển sinh [H1-1.2-10]. Tham mưu các cấp lãnh đạo xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia [H4-4.2-01]. Xây dựng trường học “Xanh - An toàn - Thân thiện - Hạnh phúc” [H1-1.1-04].

Dựa vào kế hoạch nhiệm vụ năm học, điều kiện thực tế của trường, nhà trường đã có kế hoạch xây dựng trường chuẩn quốc gia [H4-4.2-01], xây dựng các bài tuyên truyền nâng cao nhận thức trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước. Bên cạnh đó, trường làm tốt công tác tuyên truyền về mục tiêu, nội dung, kế hoạch GD của nhà trường [H1-1.8-01] thông qua các buổi họp CMTE, bảng tuyên truyền của nhà trường và nhóm lớp, trao đổi trực tiếp qua những buổi đón trả trẻ, Zalo nhóm lớp.

Nhà trường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện, của các tổ chức, cá nhân theo quy định để khen thưởng cho trẻ qua các hội thi và tổ chức các ngày lễ hội như: Ngày hội đến trường của bé, tết trung thu, tết nguyên đán, lễ ra trường cho trẻ 5 tuổi. BGH cùng GVNV nhà trường tuyên truyền CMTE tặng cây xanh, cây ăn quả, bóng nhựa cho nhà bóng với tổng số 3.757 quả, trị giá 11.271.000 đồng. Ngoài ra còn ủng hộ nguyên liệu, phế liệu để cô và trẻ làm ĐDDC phục vụ cho trẻ trong các hoạt động [H4-4.2-02]; [H4-4.2-03]. Xây dựng kế hoạch tuyên truyền CMTE cho các con tham gia các hoạt động trải nghiệm thăm quan dã ngoại các địa điểm, di tích lịch sử tại địa phương như: Thăm trường Tiểu học, trạm y tế, cánh đồng lúa, nhà thờ Xứ đạo, đình - chùa Kim Châu [H4-4.2-04]; [H4-4.1-04].

Mức 2:

Nhà trường tích cực tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện tốt phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường: Tham mưu trong đầu tư cải tạo, sửa chữa CSVC nhà trường [H1-1.6-12]; đào tạo bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CBGVNV để phát triển nâng

cao chất lượng CSND, GD trẻ [H1-1.7-02]; công tác phát triển đảng viên [H1-1.3-08]. Tiếp tục tham mưu với các cấp lãnh đạo, Đảng ủy - UBND xã sớm xây dựng khu trường mới với tổng diện tích 10.000m<sup>2</sup> để đủ điều kiện tái công nhận Chuẩn quốc gia Mức độ 1, kiểm định chất lượng GD cấp độ 2, xây dựng môi trường trong và ngoài lớp học an toàn, đảm bảo tiêu chí xanh - sạch - đẹp - an toàn thân thiện, trường lớp học hạnh phúc [H4-4.2-01].

Nhà trường đã phối hợp có hiệu quả với các tổ chức đoàn thể, cá nhân ở địa phương như Đoàn thanh niên, phối hợp chặt chẽ với Chi đoàn và Công đoàn trường tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương như: Ngày hội đến trường của bé, ngày Tết trung thu, kỷ niệm ngày nhà giáo Việt Nam, trải nghiệm gói bánh chưng, nặn bánh trôi, Noel, Hội chợ Tết, tết Thiếu nhi 01/6. Xây dựng kế hoạch và phối hợp với đoàn thanh niên thôn xóm tổ chức các hoạt động văn nghệ, vui chơi cho trẻ tại nhà trường và địa phương [H4-4.2-05]. Nhà trường đã phối hợp với CMTE, ban quản lý di tích lịch sử địa phương để tổ chức cho trẻ đi tham quan dã ngoại 1 số địa điểm, di tích tại địa phương: Thăm trường Tiểu học, trạm y tế, cánh đồng lúa, nhà thờ Xứ đạo, đình - chùa Kim Châu [H4-4.2-04]; [H4-4.1-04].

### Mức 3:

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nhà trường cùng CBGVNV luôn phối hợp với các ban ngành, đoàn thể của xã để tổ chức các hoạt động CSGD trẻ, xây dựng nhà trường văn hóa lành mạnh. Trường được UBND huyện Thanh Oai công nhận danh hiệu “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa” trong phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” 2 năm 2016-2017; nhà trường đang đề xuất công nhận “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa” giai đoạn 2023-2027. Phần đầu xây dựng nhà trường thành trung tâm văn hóa, GD của địa phương là địa điểm đáng tin cậy của CMTE và nhân dân trên địa bàn xã Kim Thu. Tuy nhiên BGH chưa mạnh dạn vận động các doanh nghiệp và tổ chức hoạt động trên địa bàn xã ủng hộ giúp đỡ nhà trường [H4-4.2-06].

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã thực hiện tốt công tác tham mưu với lãnh đạo các cấp mở rộng đất và tu sửa một số hạng mục công trình đã xuống cấp, phối hợp có hiệu quả với các đoàn thể trong công tác CSGD trẻ, với CMTE huy động các nguồn lực tinh thần và vật chất phục vụ cho công tác CSND và GD trẻ và tổ chức tốt các hoạt động lễ hội, sự kiện và tham quan dã ngoại.

### **3. Điểm yếu**

BGH chưa mạnh dạn vận động các doanh nghiệp và tổ chức hoạt động trên địa bàn xã ủng hộ, giúp đỡ nhà trường.



#### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tích cực làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền đầu tư, cải tạo CSVC nhà trường.</li> <li>- Vận động các doanh nghiệp và tổ chức hoạt động trên địa bàn xã ủng hộ giúp đỡ nhà trường</li> </ul>	Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo	BGH	Nhà trường làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền; tuyên truyền về nội dung CSND, GD trẻ, mời các doanh nghiệp tham dự hội thi, ngày hội ngày lễ của trẻ để nâng cao nhận thức và vai trò của cộng đồng đối với GD MN. Từ đó huy động sự quan tâm ủng hộ của các doanh nghiệp, tổ chức đối với sự phát triển của nhà trường.

#### 5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt		
c	Đạt	-			
Đạt		Đạt		Đạt	

#### Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Sự đồng thuận của CMTE, sự nhất trí cao của toàn thể CBGVNV, sự ủng hộ nhiệt tình của các tổ chức đoàn thể tạo nên sức mạnh tổng hợp giúp nhà trường hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị trong thực hiện nhiệm vụ năm học. Nhà trường thành lập được Ban đại diện CMTE. Ban đại diện CMTE thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện CMTE do Bộ GDĐT ban hành. Công tác phối kết hợp các hoạt động giữa nhà trường và Ban đại diện CMTE đều thực hiện tốt, cụ thể: Đã làm tốt công tác tuyên truyền, trao đổi thông tin phối hợp có hiệu quả trong công tác CSGD trẻ giữa nhà trường và CMTE. Hầu hết CMTE có nhận thức đúng đắn về trách nhiệm trong việc GD chăm sóc trẻ nên thường xuyên phối hợp, nhiệt tình ủng hộ các hoạt động của nhà trường. Nhà trường đã huy động CMTE ủng hộ nguồn lực tinh thần và vật chất cải thiện môi trường GD ngày một kang trang góp phần nâng cao chất lượng CSGD toàn diện cho trẻ. Bên cạnh điểm mạnh nhà trường vẫn còn một số điểm yếu cơ bản sau: Một số ít CMTE chưa thường xuyên phối kết hợp, quan tâm đến các hoạt động GD của lớp, của trường. BGDH chưa mạnh

dạn vận động các doanh nghiệp và tổ chức hoạt động trên địa bàn xã ủng hộ, giúp đỡ nhà trường.

**\* Đánh giá:**

- Mức 1:

- + Số lượng tiêu chí đạt 2/2;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/2.

- Mức 2:

- + Số lượng tiêu chí đạt 2/2;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/2.

- Mức 3:

- + Số lượng tiêu chí đạt 2/2;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/2.

**Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ**

**Mở đầu**

Trong những năm qua, nhà trường đã thực hiện có hiệu quả công tác CSND, GD trẻ, đáp ứng tốt mục tiêu, yêu cầu về GD của cấp học MN. Nhà trường tổ chức cho 100% trẻ ăn bán trú tại trường và được theo dõi sức khỏe định kỳ, được khám sức khỏe hằng năm, 100% các nhóm lớp thực hiện đúng chương trình GDMN và đạt được những kết quả phát triển toàn diện trên trẻ theo độ tuổi như: Phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ, tình cảm và kỹ năng xã hội; trẻ có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường và thực hành luật an toàn giao thông. Bên cạnh đó nhà trường còn theo dõi, đánh giá trẻ đi học chuyên cần, trẻ hoàn thành chương trình GDMN và kết quả theo dõi, đánh giá trẻ đều đảm bảo đạt theo yêu cầu của ngành đề ra. Xác định được mục tiêu GD, nhà trường luôn làm tốt các hoạt động CSND, GD, tạo bầu không khí thân thiện, môi trường hoạt động lành mạnh đầy yêu thương, đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ, tạo niềm tin cho CMTE và uy tín với ngành.

**Tiêu chí 5.1: Thực hiện chương trình giáo dục mầm non.**

Mức 1:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;
- c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

Mức 2:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng nhu cầu của trẻ.

Mức 3:

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo các chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

### **1. Mô tả hiện trạng:**

Mức 1:

Hằng năm ngay từ đầu năm học, sau khi UBND thành phố Hà Nội ban hành kế hoạch thời gian năm học đối với GDMN, nhà trường căn cứ chương trình GDMN do Bộ GDĐT ban hành dưới sự chỉ đạo của Sở GDĐT Hà Nội; Căn cứ các văn bản hướng dẫn nhiệm vụ năm học, quy chế chuyên môn cấp học MN huyện Thanh Oai, nhà trường đã xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch hoạt động chuyên môn theo năm học, khung thời gian hoạt động theo từng tháng, chủ đề, theo tuần [H1-1.1-04]. Trên cơ sở kế hoạch của nhà trường, GV xây dựng kế hoạch của nhóm lớp phù hợp với lứa tuổi, điều kiện thực tế của lớp, của trẻ [H1-1.8-01]; [H5-5.1-01].

Trường MN Kim Thư phát triển Chương trình GDMN căn cứ vào Chương trình GDMN ban hành kèm theo Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/04/2021 của Bộ GDĐT, theo văn bản hướng dẫn thực hiện chuyên môn của Sở GDĐT Hà Nội, Phòng GDĐT huyện Thanh Oai. Nhà trường xây dựng và phát triển chương trình từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, đảm bảo các nguyên lý và chương trình nâng cao theo từng độ tuổi giúp trẻ phát triển về mọi mặt: thể chất, trí tuệ, tinh thần. Chương trình GD nhà trường phù hợp với năng lực đội ngũ GV, diện tích nhóm lớp của nhà trường, với khả năng nhận thức của trẻ tại địa phương, nhà trường đã xây dựng mục tiêu phát triển nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ cho trẻ làm mục tiêu trọng tâm trong các năm học gần đây [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02].

Nhà trường định kỳ, rà soát, đánh giá việc thực hiện chuyên môn theo chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành. Tổ chuyên môn thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo định kỳ 2 tuần/lần để đánh giá những nội dung đã làm

được và những nội dung chưa làm được, cùng nhau thảo luận và có kế hoạch điều chỉnh phù hợp **[H1-1.4-04]**. Đối với kế hoạch GD của nhóm lớp, hàng tháng Đ/c PHT phụ trách chuyên môn sẽ duyệt kế hoạch GD tháng mới của các tổ và đánh giá nội dung GD tháng trước, đảm bảo mọi hoạt động chuyên môn của nhà trường được theo dõi và đánh giá theo định kỳ nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy của GV và trẻ trong nhà trường, đồng thời điều chỉnh chương trình GD cho tháng sau **[H1-1.8-02]**.

Mức 2:

Nhà trường thực hiện chương trình GDMN đảm bảo chất lượng ở các độ tuổi. 100% nhóm lớp thực hiện tốt nội dung chương trình. Các hoạt động dự giờ, đánh giá việc thực hiện quy chế chuyên môn luôn đạt kết quả cao. Các hoạt động ngoại khóa và hội thi cho trẻ được tổ chức hấp dẫn đảm bảo tính sáng tạo, khoa học và thu hút được sự ủng hộ của CMTE. Trong các năm học kết quả kiểm tra nội bộ và chuyên đề của nhà trường đạt loại khá và giỏi **[H1-1.8-03]**; **[H1-1.8-04]**. Hàng năm, nhà trường tổ chức tốt các hội thi và sân chơi cho trẻ như: Hội thi “Chúng cháu vui khỏe, Bé khéo tay; Trạng Nguyên Nhí; Hội Chợ Tết; các chuyên đề GD An toàn giao thông “Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ - Phát triển tình cảm - Kỹ năng xã hội” đều đạt kết quả tốt **[H1-1.4-03]**; **[H5-5.1.03]**. Vì vậy trong những năm qua đánh giá trẻ ở các độ tuổi đạt kết quả cao, trẻ có các kỹ năng hoạt động tốt. Tỷ lệ trẻ đạt theo các lĩnh vực phát triển ở các độ tuổi từ 88-98% **[H1-1.5-03]**;

Chương trình GD của nhà trường được phát triển có nội dung phù hợp với văn hóa địa phương, thống nhất giữa nội dung GD với cuộc sống hiện thực gắn bó với cuộc sống và kinh nghiệm của trẻ. Trong mỗi năm học, GV căn cứ vào tình hình của trẻ đăng ký với nhà trường để xây dựng kế hoạch CSGD phù hợp với nhu cầu của trẻ **[H1-1.4-05]**. Nhà trường hết sức quan tâm đến việc khai thác, GD các nội dung của văn hóa dân gian vào việc tổ chức các hoạt động vui chơi, học tập cho trẻ. Trong các dịp như tết Trung thu, tết Nguyên đán, GV đều tổ chức các hoạt động hướng dẫn trẻ làm đồ chơi dân gian như: làm diều, làm quạt gió. GV tích cực sưu tầm, phổ biến, hướng dẫn cho trẻ tại lớp các trò chơi dân gian, các bài ca dao, đồng dao, hát dân ca, trò chơi kéo co, bịt mắt bắt dê, các trò chơi vận động, kỹ năng thực hành cuộc sống phù hợp với độ tuổi của trẻ **[H4-4.1-04]**; **[H5-5.1-03]**.

Mức 3:

Nhà trường phát triển chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành trên cơ sở tham khảo các phương pháp GD tiên tiến Steam. Tổng số có 09/31 Đ/c CBGV có chứng chỉ bồi dưỡng Phương pháp giáo dục STEAM, 100% GV được

tiếp cận với phương pháp STEAM và ứng dụng phương pháp vào trong tổ chức các hoạt động GD phù hợp với địa phương, thực tiễn của trường. Các hoạt động nhóm, thiết kế và thực hiện thiết kế với các nguyên liệu sẵn có của phương pháp GD STEAM giúp hoạt động của trẻ trong nhà trường hấp dẫn, hiệu quả hơn, trẻ có thêm vốn hiểu biết và kỹ năng làm việc nhóm tốt hơn [H5-5.1-04]. Bên cạnh đó để thực hiện phong trào “Nhà trường cùng chung tay phát triển-Thầy cô cùng sẻ chia trách nhiệm” giai đoạn 2022-2025, nhà trường đã xây dựng kế hoạch và ký kết “Biên bản ghi nhớ” với trường MN Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm để cùng chia sẻ kinh nghiệm trong công tác quản lý và hoạt động chuyên môn của nhà trường. Tuy nhiên việc tổ chức chương trình GDMN ứng dụng phương pháp dạy học tiên tiến STEAM của nhà trường còn chưa linh hoạt, sáng tạo [H5-5.1-05].

Hàng năm nhà trường có tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình GD của nhà trường: Tổng kết đánh giá chất lượng các đợt thao giảng, hội thi GV giỏi cấp trường, kết quả của các GV được thanh kiểm tra, kết quả dự giờ GV hằng tháng của BGH và kết quả đánh giá chất lượng trẻ cuối năm của các nhóm lớp [H1-1.2-11]. Từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp GD. Động viên, khen thưởng kịp thời những GV có kết quả CSGD trẻ tốt, tạo điều kiện cho GV được đi học các lớp bồi dưỡng về kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ, tập huấn về ứng dụng phương pháp GD tiên tiến STEAM để tiếp tục phát huy về trình độ chuyên môn và kỹ năng giảng dạy, có các hình thức bồi dưỡng phù hợp cho những GV còn hạn chế về chuyên môn và kỹ năng giảng dạy để nâng cao chất lượng CSGD trẻ [H1-1.4-04]; [H5-5.1-04].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và phát triển kế hoạch GD ứng dụng các phương pháp GD tiên tiến STEAM một cách phù hợp và hiệu quả. Các hoạt động xây dựng trong chương trình đáp ứng được nhu cầu hứng thú của trẻ. Hằng tháng, kỳ, năm đều được kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh để phù hợp với điều kiện thực tế.

## 3. Điểm yếu

Việc tổ chức chương trình GDMN ứng dụng phương pháp dạy học tiên tiến STEAM của nhà trường còn chưa linh hoạt, hiệu quả.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện
Lựa chọn các phương pháp	Năm học 2024-2025	HT, PHT phụ trách chuyên	Tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng tiếp cận hình thức, phương

GD tiên tiến phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.	và các năm học tiếp theo.	môn, GV.	pháp GD tiên tiến. - Xây dựng các lớp điểm để thực hành các phương pháp GD tiên tiến để lan tỏa đến toàn trường.
--	---------------------------	----------	---

### 5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Đạt	

### Tiêu chí 5.2. Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đảm bảo phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ vui chơi trải nghiệm.

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

#### 1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Ngay từ đầu năm học nhà trường đã tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng GV vận dụng linh hoạt các phương pháp GD trẻ, nhằm tiếp cận đổi mới của ngành, phù hợp với mục tiêu, nội dung GD, phù hợp với trẻ và điều kiện nhà trường. GV chủ động sử dụng các phương pháp GD trẻ (trò chuyện, quan sát trực quan, thực hành, nêu tình huống, luyện tập, trò chơi, khích lệ, đánh giá nêu gương) để thực hiện các mục tiêu, nội dung GD trẻ theo từng độ tuổi [H1-1.4-03]; [H1-1.4-05].

Nhằm tạo cơ hội cho trẻ được vui chơi phát triển toàn diện, nhà trường đã xây dựng các khu vui chơi sáng tạo, bố trí, sắp xếp các khu vực chơi, hoạt động

ngoài trời phù hợp với trẻ như: khu vận động, khu vườn cây của bé, tận dụng các khoảng không gian trong các chiếu nghỉ, hành lang để trẻ trải nghiệm và tạo môi trường mở thu hút hứng thú và sự sáng tạo của trẻ **[H5-5.2-01]**. Môi trường 12/12 lớp học có các góc chơi đa dạng, nguyên vật liệu mở từ thiên nhiên và tái chế tạo môi trường thân thiện, gần gũi. Trong lớp có đầy đủ nội quy, hình ảnh định hướng góc được cô và trẻ xây dựng, trang trí, sử dụng sản phẩm của trẻ để trang trí môi trường, điều này tạo nên một lớp học sinh động cũng góp phần giúp GV không phải chuẩn bị trang trí kỳ công, không phải nói nhiều khi tổ chức các hoạt động GD **[H5-5.2-02]**.

Nhà trường luôn khuyến khích giúp đỡ GV tổ chức tốt các hoạt động GD bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế như: Tổ chức các lễ hội “Ngày hội bé đến trường”, “Vui tết trung thu”, tổ chức các hoạt động giao lưu tập thể sân chơi “Chúng cháu vui khỏe”, tổ chức “Liên hoan tiếng hát dân ca và trò chơi dân gian - Hội chợ xuân”, tổ chức hoạt động lao động chăm sóc thiên nhiên, tự phục vụ để trẻ tham gia nhằm nâng cao chất lượng GD các kỹ năng, cung cấp kiến thức cho trẻ một cách toàn diện và tốt nhất **[H5-5.1-03]**.

#### Mức 2:

Nhà trường đã tổ chức tốt các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế. Căn cứ vào kế hoạch GD năm, kế hoạch GD tháng, kế hoạch ngày, nhà trường đã tổ chức cho trẻ đi dã ngoại tìm hiểu trải nghiệm thực tế, tìm hiểu về nghề truyền thống của địa phương, tham quan đình, chùa, nhà văn hóa, nhà thờ Xứ đạo để biết các hoạt động văn hóa của người dân địa phương, tổ chức các trò chơi để GD kỹ năng ứng xử, ứng phó với thời tiết, quan sát vườn rau, bầu trời, cảm nhận thời tiết. Tổ chức cho trẻ tham gia gói bánh chưng, nặn bánh trôi để trẻ biết được món ăn đặc trưng trong các ngày lễ hội, tổ chức các buổi thực hành tại các nhóm lớp như làm thí nghiệm, gieo hạt, pha trộn màu **[H5-5.2-01]**; **[H5-5.1-03]**.

#### Mức 3

Nhà trường chỉ đạo các nhóm, lớp trong toàn trường xây dựng môi trường trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, nhằm kích thích trẻ hứng thú tham gia hoạt động. Các nhóm lớp đã xây dựng môi trường GD trong và ngoài nhóm lớp học theo hướng lấy trẻ làm trung tâm, đảm bảo tiêu chí “Xây dựng trường MN xanh - an toàn - hạnh phúc”. Môi trường trong lớp có nhiều bài tập cho trẻ trải nghiệm, bố trí các góc phù hợp đảm bảo các góc động, tĩnh cho trẻ hoạt động, bên cạnh đó tại các góc hoạt động GV đã thiết kế những

ĐDDC tự tạo bằng những nguyên vật liệu, phế liệu do CMTE ủng hộ để cho trẻ tham gia hoạt động nhằm kích thích hứng thú, khả năng của trẻ tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi trải nghiệm. Nhà trường chú trọng, quan tâm đến việc cho trẻ sử dụng các nguyên vật liệu từ thiên nhiên tận dụng các hiên, hè, sảnh cầu thang để tạo ra các góc mở cho trẻ hàng ngày hoạt động như: góc thiên nhiên, khu vui chơi dân gian và góc bé cùng cô sáng tạo, góc sách truyện. Ở các góc chơi trẻ có nhiều cơ hội vui chơi trải nghiệm theo phương châm “Học bằng chơi - Chơi mà học” [H5-5.2-02]. Ngoài sân chơi xây dựng khu vận động, khu vui chơi phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm. Tuy nhiên, một số GV cao tuổi khi tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ chưa tạo nhiều cơ hội để nhiều trẻ tham gia hoạt động [H3-3.1-03]; [H3-3.1-05].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện linh hoạt các phương pháp GD giúp nâng cao chất lượng GD, phù hợp với nhu cầu hứng thú của trẻ, phù hợp với điều kiện thực tế; tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương. Bên cạnh đó trường đã xây dựng môi trường xanh - an toàn - hạnh phúc.

## 3. Điểm yếu

Một số GV cao tuổi khi tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ chưa tạo nhiều cơ hội để nhiều trẻ tham gia hoạt động.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện
- GV cần tạo nhiều cơ hội cho trẻ tham gia các hoạt động học tập, vui chơi bằng nhiều hình thức để trẻ hoạt động tích cực và hứng thú mọi lúc mọi nơi.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	HT, PHT phụ trách chuyên môn, GV.	- Bồi dưỡng tập huấn cho GV tiếp tục đổi mới hình thức, phương pháp tổ chức các hoạt động GD, khai thác và sử dụng hiệu quả môi trường trong và ngoài lớp học. - Tổ chức các hội thi, các chuyên đề để tạo cơ hội cho GV nâng cao chất lượng CSGD trẻ.

## 5. Tự đánh giá: Đạt mức 3



Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-		-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Đạt	

### **Tiêu chí 5.3. Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe**

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định.

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường phối hợp với Trạm y tế xã Kim Thư và Trung tâm y tế huyện Thanh Oai khám sức khỏe cho trẻ 01 lần/năm [H5-5.3-01]; NV y tế phối kết hợp với GV các lớp cân đo cho trẻ 03 lần/năm [H5-5.3-02]; tuyên truyền CMTE phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết, sử dụng dung dịch CloraminB để tẩy rửa ĐDDC phòng dịch bệnh tay chân miệng và cách phòng chống các dịch bệnh thông qua Zalo nhóm lớp và bảng tuyên truyền của nhóm lớp [H5-5.3-03].

Nhà trường đã tổ chức cân đo, theo dõi sức khỏe trên biểu đồ tăng trưởng 03 lần/năm cho 100% trẻ theo quy định tại Thông tư số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016; Thông tư liên tịch quy định về công tác Y tế trường học. Trẻ SDD, thấp còi được cân đo, theo dõi hàng tháng. Tất cả trẻ trên các nhóm, lớp đều được theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng theo biểu đồ tăng

trường dành cho từng độ tuổi theo quy định. Kết quả cân đo cuối năm tổng số 352/352 trẻ trong đó: Trẻ phát triển bình thường cân nặng 340/352 trẻ đạt 96,6%, chiều cao bình thường 346/352 trẻ đạt 98,3%; trẻ SDD nhẹ cân, thấp còi, thừa cân, béo phì còn 1,7% [H1-1.2-11]; [H5-5.3-02].

Căn cứ vào kết quả khám sức khỏe đầu năm của trẻ, nhà trường đã xây dựng kế hoạch, kết hợp với CMTE, giảm tỷ lệ trẻ SDD, thấp còi, béo phì như sau: Đối với trẻ SDD về cân nặng, chiều cao thì sẽ xây dựng thực đơn cho trẻ bổ sung các loại thực phẩm giàu đạm, canxi như: sữa, thịt, cá, trứng, tôm, cua, cá. Tình trạng của trẻ SDD có cải thiện so với đầu năm học. Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe của năm học 2019-2020, số trẻ SDD giảm xuống còn 8 cháu = 2,3%, trẻ SDD chiều cao giảm còn 13 cháu = 3,7%. Năm học 2020-2021 số trẻ SDD thể nhẹ cân đầu năm là 3,7%, cuối năm còn 1,6% giảm 2,1% so với đầu năm; trẻ SDD thấp còi đầu năm là 3,5%, cuối năm còn 2,1% giảm 1,4% so với đầu năm. Năm học 2021-2022 số trẻ SDD thể nhẹ cân cuối năm còn 6 trẻ = 1,6%, SDD thể thấp còi cuối năm còn 10 trẻ = 2,7%. Năm học 2022-2023 số trẻ SDD thể nhẹ cân cuối năm còn 9 trẻ = 2,4%; trẻ SDD thể thấp còi cuối năm còn 12 trẻ = 3,2%. Năm học 2023-2024 số trẻ SDD thể nhẹ cân cuối năm còn 6 trẻ = 1,7%, trẻ SDD thể thấp còi cuối năm còn 6 trẻ = 1,7% [H1-1.2-11]; [H5-5.3-02].

Mức 2:

Nhà trường đã tổ chức tư vấn, tuyên truyền phổ biến tới CMTE những kiến thức khoa học về nuôi dưỡng, CSGD nhằm giúp trẻ phát triển cả về thể chất, tinh thần như: Tiêm chủng, uống Vitamin, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe răng miệng, các biện pháp chăm sóc sức khỏe cho trẻ, đặc biệt là các trẻ SDD, thừa cân, béo phì thông qua giờ đón, trả trẻ, qua bảng tuyên truyền, các buổi họp CMTE đầu năm, giữa năm, cuối năm, bảng tuyên truyền của nhóm lớp, bảng tin nhà trường. Tuy nhiên nhà trường chưa mời được chuyên gia chăm sóc sức khỏe trẻ về tư vấn với CMTE để giúp trẻ phát triển thể chất và tinh thần [H4-4.1-02]; [H5-5.3-03].

Nhà trường tổ chức cho 100% trẻ ăn bán trú với đầy đủ các điều kiện đảm bảo theo quy định tại Điều 18 Điều lệ trường MN và Quy chế nuôi dạy trẻ. Mức ăn của trẻ 25.000đ/trẻ/ngày. Chế độ dinh dưỡng của trẻ được đảm bảo đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo cân đối tỷ lệ các chất P-L-G theo quy định. Nhà trường xây dựng thực đơn thay đổi theo tuần chẵn, tuần lẻ và theo mùa đảm bảo đa dạng các loại thực phẩm. Nhà trường có sử dụng phần mềm dinh dưỡng PMS để tính khẩu phần ăn và cân đối thực phẩm, đảm bảo các chất dinh dưỡng cho trẻ, cân đối tỷ lệ các chất: protein, lipit, glucit duy trì theo định mức: nhà trẻ P: 15-15,9%; L: 35,3-36%; G: 48,8-49,2%. Mẫu giáo P: 15-16%; L: 26-30,2%; G:

54,6-60% và đảm bảo lượng Kcalo cho trẻ nhà trẻ đạt 625 - 868 Kcal/trẻ/ngày; trẻ mẫu giáo đạt từ 630 - 898 Kcal/trẻ/ngày [H1-1.6-05].

100% trẻ SDD, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp: Tăng cường tham gia hoạt động vận động cho các cháu trong các hoạt động hằng ngày tại khu vui chơi thể chất và các bài tập trong giờ GD thể chất nhằm hạn chế tốc độ tăng cân, giảm chế độ ăn có nhiều tinh bột, tăng cường ăn rau, hoa quả. 100% trẻ SDD, thấp còi được phối hợp cùng với CMTE chăm sóc sức khỏe cho trẻ các biện pháp: bổ sung thêm vi chất dinh dưỡng, sữa ở nhà, ở trường động viên trẻ ăn hết tiêu chuẩn tăng thêm thức ăn, có chế độ tập luyện vừa sức cho trẻ. Cân đo theo dõi hàng tháng, thông qua trang Fanpage nhà trường, bảng tuyên truyền nhóm lớp, zalo nhóm lớp, trao đổi trực tiếp với CMTE vào giờ đón, trả trẻ. Nhà trường đã tuyên truyền tới CMTE có trẻ bị SDD cần bổ sung vào bữa ăn cho trẻ một số thực phẩm như sữa, tôm, cua, cá, rau xanh và trái cây. Với những trẻ thừa cân cho ăn thịt nạc, ít mỡ, ưu tiên sử dụng dầu thực vật trong chế biến món ăn, ăn nhiều canh rau hơn canh khoai củ, hạn chế đồ ăn ngọt đồ ăn nhanh [H5-5.3-03]. Hằng năm kết quả tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện [H1-1.2-11]; [H5-5.3-02];

### Mức 3:

Nhà trường triển khai thực hiện nghiêm túc việc cân đo khám sức khỏe cho trẻ và theo dõi khám sức khỏe cho trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng theo từng quý, từng năm đúng quy định. Kết quả tổng hợp qua sổ theo dõi đánh giá trẻ của nhà trường hằng năm đảm bảo tỷ lệ trẻ phát triển bình thường cụ thể: năm học 2019-2020 cân nặng bình thường đạt 97,1%, chiều cao 96,3%; năm học 2020-2021 cân nặng bình thường đạt 96,3%, chiều cao 97,9%; năm học 2021-2022 cân nặng bình thường đạt 97,6%, chiều cao 97,3%; năm học 2022-2023 cân nặng bình thường đạt 96,8%, chiều cao 97,6%; năm học 2023-2024 cân nặng bình thường đạt 96,6%, chiều cao 98,3%; trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường [H1-1.2-11]; [H5-5.3-02].

## 2. Điểm mạnh

100% trẻ được kiểm tra và khám sức khỏe ít nhất 01 lần/năm học, trẻ SDD, trẻ thừa cân, béo phì đã được nhà trường áp dụng các biện pháp can thiệp kịp thời, hiệu quả, giảm còn dưới 3%. Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức chăm sóc, nuôi dưỡng và GD trẻ cho CMTE được nhà trường quan tâm và phối hợp chặt chẽ.

## 3. Điểm yếu

Nhà trường chưa mời chuyên gia chăm sóc sức khỏe trẻ về tư vấn với CMTE để giúp trẻ phát triển thể chất và tinh thần.

#### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện
<p>- Tuyên truyền cho CMTE về các vấn đề liên quan đến chế độ ăn uống và hoạt động phù hợp với độ tuổi của trẻ</p> <p>- Mời chuyên gia chăm sóc sức khỏe trẻ về tư vấn với CMTE để giúp trẻ phát triển thể chất và tinh thần.</p>	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	HT, PHT phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng, NV y tế.	<p>- Xây dựng và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả kế hoạch chăm sóc sức khỏe.</p> <p>- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi và đánh giá kịp thời tình hình sức khỏe trẻ để có biện pháp nuôi dưỡng, chăm sóc phù hợp.</p>

#### 5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	
c	Đạt	c	Đạt	-	
Đạt		Đạt		Đạt	

#### Tiêu chí 5.4. Kết quả giáo dục

##### Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

##### Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi.

b) Tỷ lệ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%.

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường tổ chức tốt các hoạt động GD theo chương trình, xây dựng môi trường xanh - an toàn - hạnh phúc, môi trường giao tiếp cởi mở, văn hóa tạo tâm thế cho trẻ thích đi học. GV phối hợp tuyên truyền với CMTE cho trẻ đến trường đúng giờ. Hằng tháng, học kỳ, kết thúc năm học GV theo dõi tỷ lệ bé chuyên cần của lớp, trong các kỳ họp CMTE và GV đều xây dựng chỉ tiêu liên quan đến tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần. Nhờ vậy trẻ đi học đều và đạt tỷ lệ chuyên cần cụ thể: Năm học 2019-2020: Tỷ lệ chuyên cần đối với trẻ 5 tuổi là đạt 95%. Tỷ lệ chuyên cần đối với trẻ dưới 5 tuổi đạt 91,1%. Năm học 2020-2021: Tỷ lệ chuyên cần đối với trẻ 5 tuổi đạt 96,3%. Tỷ lệ chuyên cần đối với trẻ dưới 5 tuổi đạt 91,3%. Năm học 2021-2022: Tỷ lệ chuyên cần đối với trẻ 5 tuổi đạt 95,6%. Tỷ lệ chuyên cần đối với trẻ dưới 5 tuổi đạt 92,8%. Năm học 2022-2023: Tỷ lệ chuyên cần đối với trẻ 5 tuổi đạt 96,2%. Tỷ lệ chuyên cần đối với trẻ dưới 5 tuổi đạt 91,1%. Năm học 2023-2024: Tỷ lệ chuyên cần đối với trẻ 5 tuổi đạt 95,4%. Tỷ lệ chuyên cần đối với trẻ dưới 5 tuổi là 91,2%. Trung bình 5 năm qua tỷ lệ chuyên cần trẻ 5 tuổi đạt 95,7%, trẻ 4 tuổi, trẻ 3 tuổi và trẻ nhà trẻ đạt 91,5%. Một số tháng tỷ lệ chuyên cần các lớp 5 tuổi còn thấp do đặc thù lễ hội làng thường tổ chức vào mùa xuân nên CMTE thường cho con nghỉ học, một số CMTE có điều kiện cho con nghỉ đi du lịch, về quê dài ngày trong dịp Tết Nguyên đán nên ảnh hưởng đến tỷ lệ chuyên cần của trường, lớp. Cụ thể: Trẻ 5 tuổi có tháng đạt cao nhất là 96,8%, có tháng thấp nhất là 94,3%; trẻ dưới 5 tuổi đạt 94,9% đến 86,3% **[H1-1.5-02]**.

Theo số liệu điều tra phổ cập trẻ 5 tuổi trên địa bàn, số trẻ 5 tuổi trong tuyển tuyển sinh của nhà trường đảm bảo 100% các nhóm lớp trong nhà trường đều thực hiện chương trình GDMN do Bộ GDĐT ban hành, trẻ được tham gia các hoạt động học tập, vui chơi, trải nghiệm, hoạt động lao động, giao lưu tham quan học tập giúp trẻ phát triển toàn diện 5 lĩnh vực theo mục tiêu chung và mục tiêu riêng từng độ tuổi **[H5-5.4-01]**. 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN **[H5-5.4-02]**.

Trong những năm vừa qua nhà trường không có trẻ khuyết tật hòa nhập. Những trẻ trong diện hoàn cảnh khó khăn hàng năm được hưởng các chế độ chính sách theo quy định [H5-5.4-03]; [H5-5.4-04].

Mức 2:

Tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đảm bảo 95%. Trẻ dưới 5 tuổi đạt trung bình 90% [H1-1.5-02].

100% trẻ 5 tuổi ra lớp và hoàn thành Chương trình GDMN theo quy định [H5-5.4-02].

Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024 nhà trường không có trẻ khuyết tật hòa nhập tại trường [H1-1.2-11].

Mức 3:

Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN hằng năm đạt 100% [H5-5.4-02].

Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024 nhà trường không có trẻ khuyết tật hòa nhập tại trường [H1-1.2-11].

## 2. Điểm mạnh:

100% trẻ 5 tuổi đã hoàn thành chương trình GDMN và đạt phổ cập GD cho trẻ MN 5 tuổi theo đúng quy định tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đảm bảo 95%, trẻ dưới 5 tuổi đạt 90%.

## 3. Điểm yếu

Tỷ lệ chuyên cần không đồng đều ở các tháng do trẻ nghỉ nhiều vào các thời điểm giao mùa, rét đậm, rét hại, ngày tết Nguyên đán, các ngày lễ hội ở địa phương.

## 4. Kế hoạch cải tiến

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện
Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền cho trẻ đi học chuyên cần và phổ cập GD trẻ 5 tuổi.	Năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo.	HT, PHT và GV các nhóm, lớp.	CBGVNV tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền vận động CMTE cho trẻ đi học chuyên cần thông qua các hội nghị họp CMTE của lớp, toàn trường, các giờ đón, trả trẻ, qua nhóm Zalo của lớp.

## 5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt

a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	c	Đạt		
Đạt		Đạt		Đạt	

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 5**

Trong những năm qua nhà trường luôn có kế hoạch chỉ đạo sát sao trong thực hiện chương trình và phát triển chương trình GDMN của Bộ GD ban hành. Nhà trường thường xuyên khảo sát, đánh giá việc thực hiện của GV từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp GD phù hợp để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ. Việc tổ chức các hoạt động GD được nhà trường thực hiện linh hoạt các phương pháp GD nhằm đảm bảo phù hợp với nội dung GD, khả năng nhận thức, nhu cầu hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của trường, lớp. Xây dựng trường MN lấy trẻ làm trung tâm. Môi trường GD trong và ngoài lớp học phù hợp với độ tuổi của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “Học bằng chơi - chơi mà học”. Các hoạt động GD được tổ chức đa dạng bằng nhiều hình thức khác nhau, phù hợp với lứa tuổi trẻ và điều kiện thực tế. Nhà trường và GV các nhóm lớp tổ chức tốt các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường qua các hoạt động học, hoạt động góc, hoạt động ngoài trời, ngày hội, ngày lễ. 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN. Nhà trường luôn chú trọng đến công tác CSND trẻ, đã phối hợp với trạm y tế xã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 01 lần/năm học, có những biện pháp can thiệp, cải tạo tình trạng sức khỏe đối với những trẻ SDD, thừa cân đạt hiệu quả. Bên cạnh điểm mạnh nhà trường vẫn còn một số điểm yếu cơ bản sau: Việc tổ chức chương trình GDMN ứng dụng phương pháp tiên tiến STEAM của nhà trường còn chưa linh hoạt, hiệu quả. Một số GV cao tuổi khi tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ chưa tạo nhiều cơ hội để trẻ tham gia hoạt động. Nhà trường chưa mời chuyên gia chăm sóc sức khỏe trẻ về tư vấn với CMTE để giúp trẻ phát triển thể chất và tinh thần. Tỷ lệ chuyên cần không đồng đều ở các tháng do trẻ nghỉ nhiều vào các thời điểm giao mùa, rét đậm, rét hại, ngày tết Nguyên đán, các ngày lễ hội ở địa phương.

#### **\* Đánh giá:**

##### **- Mức 1:**

- + Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu mức 1: 4/4 - Đạt 100%
- + Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu mức 1: 0/4.

##### **- Mức 2:**

- + Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu mức 2: 4/4 - Đạt 100%
- + Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu mức 2: 0/4.

- Mức 3:

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu mức 3: 4/4 - Đạt 100%

+ Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu mức 3: 0/4.

## II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

### Tiêu chí 1:

*Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở tham khảo, áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới; chương trình giáo dục thúc đẩy được sự phát triển toàn diện của trẻ, phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường, văn hóa địa phương.*

#### 1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường phát triển Chương trình GDMN của Bộ GDĐT ban hành trên cơ sở tham khảo, áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp GD tiên tiến STEAM của các nước trong khu vực và thế giới theo hướng dẫn của Sở GDĐT Hà Nội, hướng dẫn của phòng GDĐT huyện Thanh Oai; chương trình GD thúc đẩy được sự phát triển toàn diện của trẻ, phù hợp với độ tuổi và thực tiễn của trường, địa phương. 9/31 CBGV có chứng chỉ bồi dưỡng phương pháp GD tiên tiến STEAM [H5-5.1-04]. 100% GV được tiếp cận với phương pháp GD tiên tiến STEAM và ứng dụng phương pháp vào trong tổ chức các hoạt động GD phù hợp. Tuy nhiên việc tiếp cận và ứng dụng phương pháp GD tiên tiến STEAM của GV còn chưa linh hoạt, sáng tạo hiệu quả [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

#### 2. Điểm mạnh.

Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình GDMN đúng theo hướng dẫn của Sở GDĐT Hà Nội, phòng GDĐT huyện Thanh Oai. Có 100% GV được tiếp cận với phương pháp STEAM và ứng dụng phương pháp vào trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

#### 3. Điểm yếu.

Việc tiếp cận và ứng dụng phương pháp GD tiên tiến STEAM của GV còn chưa linh hoạt, sáng tạo hiệu quả.

#### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Nội dung	Người thực hiện	Thời gian thực hiện	Giải pháp thực hiện
- Lựa chọn các phương pháp GD tiên tiến phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường. - Thường xuyên kiểm	HT, PHT phụ trách chuyên môn GD, GV.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	- Tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng tiếp cận hình thức, phương pháp GD tiên tiến. Xây dựng các lớp điểm để thực



tra bồi dưỡng, tổ chức các buổi chuyên đề tập huấn lĩnh vực phát triển nhận thức và phát triển thẩm mỹ.			hành các phương pháp GD tiên tiến để lan tỏa đến toàn trường. - Xây dựng kế hoạch, tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng lĩnh vực phát triển nhận thức và phát triển thẩm mỹ.
---	--	--	---

## 5. Tự đánh giá: Đạt

### Tiêu chí 2:

*Ít nhất 90% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá, trong đó ít nhất trên 50% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 80% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.*

#### 1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường tổ chức đánh giá chuẩn nghề nghiệp GVMN theo quy định tại Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Quy định chuẩn GVMN. Năm học 2023-2024 tính tại thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GVMN ở mức khá trở lên trong đó có 69% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GVMN mức tốt **[H2-2.2-03]**. Nhà trường tạo điều kiện, động viên khuyến khích GV tích cực tham gia học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm, đặc biệt khuyến khích GV ứng dụng các phương pháp GD tiên tiến, ứng dụng CNTT vào công tác CSGD trẻ. Chất lượng đội ngũ GV được nâng cao đáp ứng các chỉ tiêu phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường đã xây dựng. Hằng năm nhà trường được đánh giá xếp loại Tập thể lao động tiên tiến. Tuy nhiên một số Đ/c GV còn hạn chế về giao tiếp Tiếng Anh **[H1-1.4-06]**.

#### 2. Điểm mạnh

Năm học 2023-2024 tính tại thời điểm đánh giá nhà trường có 100% GV xếp loại chuẩn nghề nghiệp GVMN đạt mức khá trở lên, trong đó có 69% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GVMN mức tốt. Nhà trường được cấp trên đánh giá xếp loại Tập thể lao động tiên tiến. Chất lượng đội ngũ GV được nâng cao theo từng năm, đáp ứng các chỉ tiêu phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường đã xây dựng.

#### 3. Điểm yếu

Còn một số Đ/c GV còn hạn chế về giao tiếp Tiếng Anh.

#### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Người thực hiện	Thời gian thực hiện	Giải pháp thực hiện
- Khuyến khích GV ứng dụng các phương pháp GD tiên tiến, ứng dụng CNTT vào công tác CSGD trẻ. - Một số Đ/c GV còn hạn chế về giao tiếp tiếng Anh.	- BGH - GV	Năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo	- GV nghiên cứu tài liệu, bồi dưỡng phương pháp GD tiên tiến, ứng dụng CNTT vào công tác CSGD trẻ. - Động viên khuyến khích GV tham gia các lớp học để nâng cao khả năng giao tiếp tiếng Anh

#### 5. Tự đánh giá: Không Đạt

##### Tiêu chí 3:

*Sân vườn và khu vực cho trẻ chơi có diện tích đạt chuẩn hoặc trên chuẩn theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế trường mầm non; có các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện.*

##### 1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có tổng diện tích sân vườn là 2.533m<sup>2</sup> đảm bảo theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế trường MN, có sân chơi chung, có vườn cây ăn quả, vườn rau cho trẻ quan sát, chăm sóc và trải nghiệm, có khu chơi các trò chơi vận động, các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện. Nhà trường có sân khấu ngoài trời để tổ chức sự kiện và các hoạt động tập chung nhưng chưa có mái vòm che mưa, che nắng cho trẻ [H3-3.1-03]; [H3-3.1-05].

##### 2. Điểm mạnh.

Có sân chơi chung, có vườn cây ăn quả, vườn rau cho trẻ quan sát, chăm sóc và trải nghiệm, có khu chơi các trò chơi vận động.

##### 3. Điểm yếu.

Chưa có mái vòm che mưa, che nắng cho trẻ.

#### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Người thực hiện	Thời gian thực hiện	Giải pháp thực hiện
- Làm mái vòm để	BGH, kế	Năm học	- Đ/c kế toán lên dự toán kinh

tổ chức sự kiện và các hoạt động tập trung cho trẻ.	toán, GV.	2024-2025.	phí làm mái vòm sân khấu. - BGH xây dựng kế hoạch nguồn kinh phí làm mái vòm: từ ngân sách nhà trường, từ nguồn XHH. - GV tuyên truyền với cha mẹ trẻ ủng hộ kinh phí hỗ trợ nhà trường để làm mái vòm cho trẻ trong năm học 2024-2025.
---	-----------	------------	---

**5. Tự đánh giá:** Không đạt.

**Tiêu chí 4:**

*100% các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố. Có phòng tư vấn tâm lý. Có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ, trong đó tổ chức được 02 (hai) môn thể thao phù hợp với trẻ lứa tuổi mầm non.*

**1. Mô tả hiện trạng**

100% các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố. Có đầy đủ trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ [H3-3.1-02]; Có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ. Tuy nhiên nhà trường chưa có phòng tư vấn tâm lý; sân chơi phát triển vận động để tổ chức được các môn thể thao cho trẻ [H3-3.1-03].

**1. Điểm mạnh**

100% các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố. Nhà trường có đủ các trang thiết bị phục vụ hoạt động CSND và GD trẻ.

**2. Điểm yếu**

Chưa có phòng tư vấn tâm lý, sân chơi phát triển vận động để tổ chức được các môn thể thao cho trẻ.

**3. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo thực hiện.
- Xây dựng lộ trình bổ sung thêm phòng tư vấn tâm lý. - Xây dựng kế hoạch, với nội dung thực hiện XHH GD để thêm nguồn kinh phí	Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo	BGH - GV kế toán	- Tiếp tục tham mưu đề xuất với các cấp lãnh đạo xây dựng khu MN mới có phòng tư vấn tâm lý cho nhà trường. - Thực hiện tốt công

mua sắm bổ sung thêm thiết bị ĐDDC hiện đại phục vụ công tác CSND và GD trẻ.			tác tuyên truyền XHH GD, tăng thêm nguồn kinh phí mua sắm bổ sung thiết bị ĐDDC hiện đại phục vụ công tác CSND và GD trẻ.
--	--	--	---

## 5. Tự đánh giá: Không đạt

### Tiêu chí 5:

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.*

#### 1. Mô tả hiện trạng

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường đã hoàn thành được một số các mục tiêu cơ bản của phương hướng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 đã đề ra. Cụ thể: Về chất lượng đội ngũ nhà trường hoàn thành và vượt chỉ tiêu đến cuối năm 2025 nhà trường có 100% CBGVNV có trình độ chuyên môn đạt chuẩn trở lên theo quy định (Điều 72 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 quy định trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo) trong đó có 96,4% GV đạt trình độ chuyên môn trên chuẩn, 100% CBGV có chứng chỉ tin học, ngoại ngữ [H2-2.1-01]; [H2-2.2-02]. Trên 80% CBGVNV đạt danh hiệu Lao động tiên tiến trở lên [H1-1.4-06]; 21/43 CBGVNV là đảng viên đạt tỷ lệ 48,8%. Về chất lượng CSND và GD trẻ nhà trường hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra, huy động 55,1% trẻ nhà trẻ; 94,8% trẻ mẫu giáo và 100% trẻ mẫu giáo 5 tuổi ra lớp; 100% trẻ được ăn bán trú tại trường, trẻ đến trường đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần, được khám sức khỏe định kỳ theo quy định 01 lần/năm; tỷ lệ trẻ SDD hằng năm giảm xuống dưới 3%; tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần đảm bảo theo quy định; 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình phổ cập GD cho trẻ 5 tuổi; 100% các nhóm lớp thực hiện nghiêm túc chương trình GDMN do bộ GDĐT ban hành, có cập nhật đổi mới hình thức tổ chức và ứng dụng một số phương pháp GD tiên tiến trong việc tổ chức các hoạt động GD trẻ. Tuy nhiên khu B của nhà trường đã được xây dựng lâu năm nên một số hạng mục trong khối công trình quản trị đã bị xuống cấp, các trang thiết bị cũ và hỏng, chưa có sân chơi của nhóm, lớp [H1-1.2-11].

#### 2. Điểm mạnh

Nhà trường đã hoàn thành được các mục tiêu chính, đã đưa ra được các giải pháp phù hợp theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

#### 3. Điểm yếu

Khu B của nhà trường đã được xây dựng lâu năm nên một số hạng mục trong khối công trình quản trị đã bị xuống cấp, các trang thiết bị cũ và hỏng, chưa có sân chơi của nhóm, lớp.

#### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề xuất nâng cấp các thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động quản lý hành chính.</li> <li>- Tiếp tục bổ sung ĐDDC ngoài trời tại khu phát triển vận động.</li> <li>- Đề nghị các cấp lãnh đạo xây dựng có sân chơi của nhóm, lớp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo</li> </ul>	BGH	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề xuất lãnh đạo huyện, xã tu sửa, cải tạo, nâng cấp các phòng hành chính. Dự toán nguồn kinh phí để sửa chữa thay thế những trang thiết bị đã cũ hỏng đảm bảo thuận tiện cho việc thực hiện các nhiệm vụ của nhà trường.</li> <li>- Tích cực làm tốt công tác tham mưu các cấp lãnh đạo xây dựng có sân chơi của nhóm, lớp tại điểm trường mới.</li> </ul>

#### 5. Tự đánh giá: Không đạt

##### Tiêu chí 6:

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 02 năm đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.*

##### 1. Mô tả hiện trạng

Đội ngũ CBGVNV nhà trường tích cực đổi mới, không ngừng nâng cao chất lượng CSND và GD trẻ. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có 02 GV đạt giải ba, 05 GV đạt giải Nhì hội thi “GV dạy giỏi” cấp huyện. Năm học 2023-2024 nhà trường đã có 02 GV đạt giải Nhì, 01 GV đạt giải Ba, 01 NV đạt giải Ba hội thi “Thiết kế bài giảng Elearning - Stem” và kỹ năng CNTT cấp huyện. Trong năm học 2023-2024, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, GVNV nhà trường tích cực tham gia và đạt: giải ba môn thi kéo co; giải Nhất nhảy bao bố; giải Khuyến khích môn thi khiêu vũ. Tuy nhiên một số hoạt động của nhà trường chưa vượt trội so với các trường [H1-1.4-06].

## 2. Điểm mạnh

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có 02 GV đạt giải ba, 05 GV đạt giải Nhì hội thi “GV dạy giỏi” cấp huyện. Năm học 2023-2024 nhà trường đã có 02 GV đạt giải Nhì, 01 GV đạt giải Ba, 01 NV đạt giải Ba hội thi “Thiết kế bài giảng Elearning - Stem” và kỹ năng CNTT cấp huyện. Trong năm học 2023-2024, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, GVNV nhà trường tích cực tham gia và đạt: giải ba môn thi kéo co; giải Nhất nhảy bao bố; giải Khuyến khích môn thi khiêu vũ. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao GVNV nhà trường đã tham gia và đạt kết quả cao.

## 3. Điểm yếu

Một số hoạt động của nhà trường chưa vượt trội so với các trường.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo thực hiện.
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bồi dưỡng nâng cao chất lượng cho đội ngũ GVNV nhà trường.</li> <li>- Tăng cường tham gia các hoạt động thể dục thể thao do ngành phát động.</li> </ul>	Năm học 2024- 2025 và các năm tiếp theo	- BGH, tổ trưởng chuyên môn và GVNV	<ul style="list-style-type: none"> <li>- BGH nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao chất lượng chuyên môn cho đội ngũ GVNV</li> <li>- Động viên, khuyến khích GVNV tích cực tham gia các hoạt động thể dục thể thao do ngành phát động.</li> </ul>

## 5. Tự đánh giá: Không đạt

### Kết luận về Mức 4:

Trong những năm qua trường MN Kim Thu luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ của năm học. Các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố. Nhà trường có đủ các trang thiết bị phục vụ hoạt động CSND và GD trẻ. Hoàn thành chỉ tiêu các mục tiêu về chất lượng đội ngũ và chất lượng CSND và GD trẻ theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025. Tính đến thời điểm đánh giá CBGVNV nhà trường đã đạt những thành tích vượt trội và được các cấp có thẩm quyền ghi nhận và tặng Giấy khen: 05 GV đạt giải Nhì và 02 GV đạt giải Ba hội thi “GV dạy giỏi” cấp huyện; Năm học 2023-2024 nhà trường đã có 02 GV đạt giải Nhì, 01 GV đạt giải Ba, 01 NV đạt giải Ba hội thi “Thiết kế bài giảng Elearning - Stem” và kỹ năng CNTT cấp huyện. Các hoạt

động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao GVNV nhà trường đã tham gia và đạt kết quả cao. Bên cạnh những điểm mạnh cơ bản, nhà trường còn một số điểm yếu đó là: Việc tiếp cận và ứng dụng phương pháp GD tiên tiến STEAM của GV còn chưa linh hoạt, sáng tạo hiệu quả. Một số Đ/c GV còn hạn chế về giao tiếp Tiếng Anh. Khu B của nhà trường đã được xây dựng lâu năm nên một số hạng mục trong khối công trình quản trị đã bị xuống cấp, các trang thiết bị cũ và hỏng, chưa có sân chơi của nhóm, lớp. Chưa mái vòm che mưa, che nắng và chưa có phòng tư vấn tâm lý, sân chơi phát triển vận động để tổ chức được các môn thể thao cho trẻ. Một số hoạt động của nhà trường chưa vượt trội so với các trường.

**Đánh giá:**

- + Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu mức 4: 1/6 tiêu chí. Đạt 16,7%
- + Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu mức 4: 5/6 tiêu chí. Đạt 83,3%

**PHẦN III. KẾT LUẬN CHUNG**

Được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của lãnh đạo ngành GD, Đảng ủy, chính quyền địa phương, cùng với sự cố gắng nỗ lực của tập thể CBGVNV nhà trường, trường MN Kim Thư đã hoàn thành quy trình TĐG. Trong quá trình thực hiện công tác TĐG, nhà trường đã thực hiện theo Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT quy định về kiểm định chất lượng GD và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường MN, sử dụng toàn bộ dữ liệu và phân tích, đánh giá một cách trung thực, khách quan, bám sát nội hàm các chỉ số, tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn chất lượng của trường MN. Qua quá trình tự tiến hành đánh giá của nhà trường, kết quả đạt được qua chỉ báo, các tiêu chí về kiểm định chất lượng GD như sau:

- Mức 1:
  - + Số lượng tiêu chí đạt 25/25 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 100%;
  - + Số lượng tiêu chí không đạt 0/25 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 0%.
- Mức 2:
  - + Số lượng tiêu chí đạt 25/25 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 100%;
  - + Số lượng tiêu chí không đạt 0/25 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 0%.
- Mức 3:
  - + Số lượng tiêu chí đạt 14/19 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 73,7%;
  - + Số lượng tiêu chí không đạt 05/19 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 26,3%.
- Mức 4:
  - + Số lượng tiêu chí đạt 1/6 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 16,7%;
  - + Số lượng tiêu chí không đạt 5/6 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 83,3%.
- Mức đánh giá của trường: **Mức 2**

Căn cứ kết quả TĐG của nhà trường, trường MN Kim Thư - huyện Thanh Oai - thành phố Hà Nội đề nghị đạt kiểm định chất lượng GD Cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

*Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2024*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Đào Thị Năm**



**PHẦN IV - PHỤ LỤC**  
**BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG**

<b>Tiêu chuẩn</b>	<b>Tiêu chí</b>	<b>Số TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>Tiêu chuẩn 1</b>	<b>Tiêu chí 1.1</b>	1.	H1-1.1-01	Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2017 – 2020; 2021-2025	- Số 76/KHCL-MNKT ngày 06/9/2017 - Số 54/KHPT-MNKT ngày 25/3/2021	Trường MN Kim Thư	
		2.	H1-1.1-02	Biên bản công khai phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	Năm học 2021-2022	Trường MN Kim Thư	
		3.	H1-1.1-03	Biên bản kiểm tra, giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	Năm học 2022-2023	Trường MN Kim Thư	
		4.	H1-1.1-04	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
		5.	H1-1.1-05	Báo cáo sơ kết việc thực hiện kế hoạch phát triển nhà trường	Năm học 2022-2023	Trường MN Kim Thư	

	6.	H1-1.1-06	Sở nghị quyết họp Hội đồng trường	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
<b>Tiêu chí 1.2</b>	7.	H1-1.2-01	Quyết định kiện toàn hội đồng trường	Số 1273/QĐ-UBND ngày 25/02/2021	UBND Huyện Thanh Oai	
	8.	H1-1.2-02	Quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	UBND huyện Thanh Oai	
	9.	H1-1.2-03	Quyết định thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
	10.	H1-1.2-04	Quyết định thành lập hội đồng chấm SKKN	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
	11.	H1-1.2-05	Quyết định thành lập hội đồng thi GVNV giỏi	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
	12.	H1-1.2-06	- Quyết định thành lập hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp GVMN - Quyết định thành lập hội đồng TĐG	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
	13.	H1-1.2-07	Biên bản họp hội đồng thi đua khen thưởng	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
	14.	H1-1.2-08	- Biên bản chấm SKKN - Kết quả chấm SKKN cấp huyện	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	- Trường MN Kim Thư - Phòng GD&ĐT	

	15.	H1-1.2-09	- Biên bản chấm thi GVNV giỏi cấp trường - Kết quả thi GVNV giỏi cấp huyện	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	- Trường MN Kim Thư - Phòng GD&ĐT	
	16.	H1-1.2-10	Hồ sơ tuyển sinh	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
	17.	H1-1.2-11	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
<b>Tiêu chí 1.3</b>	18.	H1-1.3-01	Quyết định thành lập BCHCD, UBKT công đoàn	Quyết định thành lập BCH công đoàn	LĐLĐ Huyện Thanh Oai	
	19.	H1-1.3-02	- Quyết định thành lập Chi đoàn thanh niên CSHCM	Quyết định thành lập Chi đoàn thanh niên	Đoàn xã Kim Thư	
	20.	H1-1.3-03	- Quyết định thành lập hội chữ thập đỏ. - Báo cáo tổng kết chữ thập đỏ	- Số 07/QĐ-CTĐ Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Chữ thập đỏ	
	21.	H1-1.3-04	Hồ sơ hoạt động Công đoàn	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Công đoàn	
	22.	H1-1.3-05	Hồ sơ hoạt động Chi đoàn	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Chi đoàn thanh niên	
	23.	H1-1.3-06	Danh sách hiến máu nhân đạo	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Hội chữ thập đỏ	

	24.	H1-1.3-07	Quyết định chuẩn y cấp ủy, Bí thư chi bộ	Nhiệm kỳ 2017-2020; 2020-2022; 2022-2025	Đảng ủy Xã Kim Thư	
	25.	H1-1.3-08	Hồ sơ hoạt động của chi bộ	Nhiệm kỳ 2017-2020; 2020-2022; 2022-2025	Chi bộ	
	26.	H1-1.3-09	Giấy chứng nhận xếp loại chi bộ, Đảng viên, giấy khen của Chi bộ nhà trường	Từ năm 2019 đến năm 2023	Đảng ủy Xã	
	27.	H1-1.3-10	Giấy chứng nhận, giấy khen của công đoàn, Chi đoàn thanh niên, Chữ thập đỏ	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	UBND huyện Thanh Oai; LĐLĐ huyện huyện Thanh Oai; UBND xã	
<b>Tiêu chí 1.4</b>	28.	H1-1.4-01	Quyết định bổ nhiệm chức danh HT, phó HT	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	UBND Huyện Thanh Oai	
	29.	H1-1.4-02	- QĐ thành lập tổ chuyên môn, tổ văn phòng - QĐ bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó tổ CM và tổ VP	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
	30.	H1-1.4-03	Kế hoạch hoạt động của các tổ CM và tổ VP	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
	31.	H1-1.4-04	Biên bản sinh hoạt của các tổ CM và tổ VP	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	

	32.	H1-1.4-05	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên đề, chuyên môn	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
	33.	H1-1.4-06	- Giấy khen của GV, NV giỏi - Giấy khen tập thể LĐTT - Giấy khen về các hội thi	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	UBND huyện; phòng GDĐT; Trường MN Kim Thư	
<b>Tiêu chí 1.5</b>	34.	H1-1.5-01	Danh bộ học sinh	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
	35.	H1-1.5-02	Sổ theo dõi trẻ đến nhóm lớp	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
	36.	H1-1.5-03	Sổ theo dõi chất lượng của nhà trường	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
<b>Tiêu chí 1.6</b>	37.	H1-1.6-01	Hồ sơ cán bộ công chức của CBGVNV	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
	38.	H1-1.6-02	Hồ sơ quản lý chuyên môn chăm sóc nuôi dưỡng	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
	39.	H1-1.6-03	Hồ sơ quản lý chuyên môn GD	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
	40.	H1-1.6-04	Hồ sơ quản lý tài sản cố định, tài chính	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
	41.	H1-1.6-05	Hồ sơ quản lý bán trú	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	

	42.	H1-1.6-06	Sổ theo dõi công văn đi, đến	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thụ	
	43.	H1-1.6-07	Dự toán, thông báo xét duyệt tài chính hằng năm	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Phòng TC-KH huyện; Trường MN Kim Thụ	
	44.	H1-1.6-08	Đề án; Dự toán ngân sách	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thụ	
	45.	H1-1.6-09	Kế hoạch thu chi học phí và các khoản thu khác	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thụ	
	46.	H1-1.6-10	Quy chế chi tiêu nội bộ	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thụ	
	47.	H1-1.6-11	Bản niêm yết công khai Thu chi	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thụ	
	48.	H1-1.6-12	Kế hoạch mua sắm, cải tạo và sửa chữa tài sản, CSVC	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thụ	
	49.	H1-1.6-13	Hóa đơn mua phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp Das; hóa đơn tiện tử	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thụ	
	50.	H1-1.6-14	Biên bản kiểm tra tài chính	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Phòng TC-KH huyện	
<b>Tiêu chí</b>	51.	H1-1.7-01	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn của nhà trường	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thụ	

<b>1.7</b>	52.	H1-1.7-02	Danh sách CBGVNV tham gia tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thu	
	53.	H1-1.7-03	- QĐ phân công nhiệm vụ cho CBGVNV - Bảng phân công dây chuyền của GV và NV tổ bếp	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thu	
	54.	H1-1.7-04	Giấy khám sức khỏe của CBGVNV	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thu	
	55.	H1-1.7-05	Thông báo xếp loại CBCCVC, LDHĐ	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thu	
	56.	H1-1.7-06	Quy chế thi đua khen thưởng. Danh sách khen thưởng	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thu	
	57.	H1-1.7-07	Biên bản họp tăng lương	Từ năm học 2019 – 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thu	
	58.	H1-1.7-08	Hợp đồng đi thăm quan của CBGVNV	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thu	
	<b>Tiêu chí 1.8</b>	59.	H1-1.8-01	Kế hoạch GD của trường	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thu
60.		H1-1.8-02	Kế hoạch GD tháng, tuần các nhóm lớp	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thu	

	61.	H1-1.8-03	Sổ dự giờ của BGH	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
	62.	H1-1.8-04	Hồ sơ kiểm tra nội bộ	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
	63.	H1-1.8-05	Biên bản kiểm tra của huyện	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	UBND huyện; Phòng GD&ĐT	
<b>Tiêu chí 1.9</b>	64.	H1-1.9-01	Sổ ghi biên bản họp hội đồng sư phạm	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
	65.	H1-1.9-02	Hồ sơ thực hiện QCDC ở cơ sở; Kế hoạch và biên bản hội nghị đối thoại giữa HT với đại diện CBGVNV và CMTE.	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
	66.	H1-1.9-03	Nghị quyết hội nghị CCVC, người lao động	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
	67.	H1-1.9-04	Hồ sơ hoạt động của Thanh tra nhân dân	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
	68.	H1-1.9-05	Báo cáo QCDC	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
<b>Tiêu chí 1.10</b>	69.	H1-1.10-01	Các phương án, kế hoạch đảm bảo ANTT trong nhà trường, an toàn phòng chống TNTT, phòng chống dịch bệnh, phòng	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	



			chống ngộ độc thực phẩm, phòng chống cháy nổ...			
	70.	H1-1.10-02	Hồ sơ PCCC, Giấy chứng nhận đội PCCC cơ sở	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
	71.	H1-1.10-03	Giấy chứng nhận bếp ăn đủ điều kiện an toàn	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Phòng y tế Huyện Thanh Oai	
	72.	H1-1.10-04	Giấy chứng nhận trường học an toàn	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	UBND Huyện Thanh Oai	
	73.	H1-1.10-05	Hồ sơ hoạt động y tế	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
	74.	H1-1.10-06	Hình ảnh hòm thư góp ý	Năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
	75.	H1-1.10-07	Sổ tiếp công dân	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
<b>Tiêu chuẩn 2</b>	<b>Tiêu chí 2.1</b>	76.	Văn bản, chứng chỉ của HT, phó HT	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Các trường đào tạo	
		77.	H2-2.1-02 - Tổng hợp đánh giá xếp loại chuẩn HT, PHT - Phiếu đánh giá chuẩn HT, PHT	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
	<b>Tiêu chí</b>	78.	H2-2.2-01 Sổ nhân sự theo dõi và thi đua	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	

	<b>2.2</b>	79.	H2-2.2-02	Bằng cấp của GV	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Các trường đào tạo	
		80.	H2-2.2-03	- Tổng hợp đánh giá xếp loại chuẩn GV. - Phiếu đánh giá chuẩn GV	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
	<b>Tiêu chí 2.3</b>	81.	H2-2.3-01	Văn bằng chứng chỉ của NV	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Các trường đào tạo	
		82.	H2-2.3-02	Xác nhận kiến thức VSATTP	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
<b>Tiêu chuẩn 3</b>	<b>Tiêu chí 3.1</b>	83.	H3-3.1- 01	Trích lục bản đồ	Năm 2011	UBND xã	
		84.	H3-3.1- 02	Hồ sơ thiết kế	Năm 2017	Ban quản lý dự án huyện Thanh Oai	
		85.	H3-3.1- 03	Ảnh chụp thực tế khuôn viên trường	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
		86.	[H3-3.1-04	Sổ theo dõi tài sản của nhà trường	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
		87.	H3-3.1- 05	Ảnh sân chơi nhà trường	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
	<b>Tiêu chí 3.2</b>	88.	H3-3.2- 01	Báo cáo thống kê	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
		89.	H3-3.2- 02	Sổ theo dõi tài sản các lớp	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	

<b>Tiêu chí 3.3</b>	90.	H3-3.3- 01	Sơ đồ nhà trường	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thu	
	91.	H3-3.3- 02	Ảnh chụp nhà để xe của cán bộ, GV, NV	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thu	
<b>Tiêu chí 3.4</b>	92.	H3-3.4- 01	Ảnh chụp khu bếp ăn	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thu	
	93.	H3-3.4- 02	Ảnh kho để lương thực, thực phẩm	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thu	
	94.	H3-3.4- 03	Bản cam kết ATTP	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thu	
<b>Tiêu chí 3.5</b>	95.	H3-3.5- 01	Sổ cấp phát đồ dùng đồ chơi	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thu	
	96.	H3-3.5- 02	Kế hoạch mua sắm trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thu	
	97.	H3-3.5- 03	Danh mục đồ dùng đồ chơi tự làm	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thu	
	98.	H3-3.5- 04	Hợp đồng mạng Internet	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Công ty Viettel	
<b>Tiêu chí 3.6</b>	99.	H3-3.6- 01	Hình ảnh nhà vệ sinh của GV, học sinh	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thu	
	100.	H3-3.6- 02	Hợp đồng nước uống tinh khiết - Hợp đồng nước sạch	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thu	

		101.	H3-3.6- 03	Kết quả xét nghiệm nước sinh hoạt.	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Công ty nước	
		102.	H3-3.6- 04	Hợp đồng thu gom rác thải.	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Hợp đồng	
<b>Tiêu chuẩn 4</b>	<b>Tiêu chí 4.1</b>	103.	H4-4.1-01	- Danh sách Ban đại diện cha mẹ trẻ em của trường, của lớp - Kế hoạch phối hợp hoạt động của BGH với Ban đại diện CMTE	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thụ	
		104.	H4-4.1-02	Biên bản họp CMTE	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thụ	
		105.	H4-4.1-03	Quy chế hoạt động của ban đại diện CMTE	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thụ	
		106.	H4-4.1-04	- Ảnh CMTE tham gia các hoạt động của Trường - Ảnh trẻ tham gia các hoạt động của trường và tham quan dã ngoại	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thụ	
	<b>Tiêu chí 4.2</b>	107.	H4-4.2-01	Kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia	Năm 2024	Trường MN Kim Thụ	
		108.	H4-4.2-02	Tổng hợp kết quả xã hội hóa GD	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thụ	

		109.	H4-4.2-03	Ảnh CMTE tặng cây xanh, đồ dùng làm đồ dùng, đồ chơi.	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
		110.	H4-4.2-04	Kế hoạch cho trẻ tham quan dã ngoại	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
		111.	H4-4.2-05	Ảnh trẻ tham gia các sự kiện của địa phương	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
		112.	H4-4.2-06	Giấy chứng nhận cơ quan văn hóa	Năm học 2016-2017	Trường MN Kim Thư	
<b>Tiêu chuẩn 5</b>	<b>Tiêu chí 5.1</b>	113.	H5-5.1-01	Ngân hàng mục tiêu, nội dung GD	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
		114.	H5-5.1-02	Kế hoạch công tác hàng tháng của nhà trường	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
		115.	H5-5.1-03	KH tổ chức các hội thi, chuyên đề	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
		116.	H5-5.1-04	- GD Steam, chứng chỉ Steam	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư	
		117.	H5-5.1-05	Kế hoạch, biên bản ghi nhớ liên kết với trường MN Phúc Diễn quận Bắc Từ Liêm	Từ năm học 2022 - 2023 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thư, MN Phúc Diễn	

<b>Tiêu chí 5.2</b>	118.	H5-5.2-01	Thực tế và hình ảnh các hoạt động vui chơi, học tập của trẻ tại khu trải nghiệm sáng tạo	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thu	
	119.	H5-5.2-02	Thực tế và hình ảnh góc chơi	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thu	
<b>Tiêu chí 5.3</b>	120.	H5-5.3-01	Hợp đồng khám sức khỏe Tổng hợp khám sức khỏe	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thu	
	121.	H5-5.3-02	Sổ theo dõi sức khỏe của trẻ	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thu	
	122.	H5-5.3-03	Các bài tuyên truyền với CMTE về CSGD trẻ	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thu	
<b>Tiêu chí 5.4</b>	123.	H5-5.4-01	Hồ sơ phổ cập trẻ 5 tuổi	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thu	
	124.	H5-5.4-02	Danh sách trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thu	
	125.	H5-5.4-03	Hồ sơ hưởng chế độ chính sách của trẻ	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thu	
	126.	H5-5.4-04	Ảnh tặng quà cho trẻ có hoàn cảnh khó khăn	Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Kim Thu	